

15 THÁNG 6 NĂM 1966

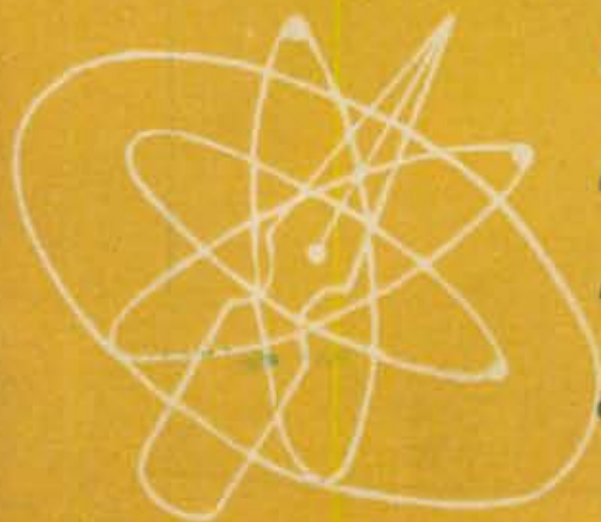
BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

DUY KINH TẾ TỰ TỨC * ĐOÀN THÊM
nạn lạm phát trên thế giới hiện nay * NGỌC
VÂN *hai cuốn lịch sống* * CUNG GIỮ NGUYÊN
thế giới James Bond * THÍCH MẮN GIÁC *lần*
đầu tiên tôi thấy Lão Tử * VŨ BẢO TƯỚNG
M. ARTHUR VÀ CHIẾN TRANH HẠN CHẾ *
Y UYÊN *riêng núi riêng sông* * THẾ UYÊN
tiền đồn * SINH HOẠT *thời sự văn nghệ* —
Quách Lương Huệ, Françoise Sagan Trung
Hoa ? — thơ tranh
đấu — mẫu sắc và văn
điệu — tin khoa học

227



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L' INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Běn Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 227 ngày 15 - 6 - 1966

DUY kinh tế tự túc	3
CUNG GIỮ NGUYÊN <i>phiếm luận về James Bond (II)</i>	11
ĐOÀN THÊM <i>nạn lạm phát trên thế giới hiện nay</i>	25
THÍCH MẮN GIÁC <i>lần đầu tiên tôi thấy ông Lão Tử</i>	29
NGỌC VÂN <i>hai cuốn lịch sống</i>	35
VŨ BẢO <i>Tướng Mac Arthur và « chiến tranh hạn chế »</i>	39
Y UYÊN <i>riêng núi riêng sông (truyện ngắn)</i>	49
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	62
SINH HOẠT TRÀNG-THIÊN <i>thời sự văn nghệ * NGÊ</i>	
<i>BÁ LÍ (thuật) thơ tranh đấu — màu sắc và vần</i>	
<i>điệu * NGỌC VÂN tin tức khoa học</i>	73

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 12\$ Công sở : Giá gấp đôi;
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

KINH-TẾ TỰ-TÚC

THAY LỜI MỞ ĐẦU.— Nếu độc lập quốc gia là một nguyện vọng chung cho tất cả các dân tộc trên thế giới, thì kinh tế tự túc và phồn thịnh cũng là điều mong mỏi của các quốc gia nhược tiểu và chậm tiến của Á-Phi.

Thoát khỏi tình trạng lạc hậu đã là chuyện khó khăn. Kiến thiết kinh tế trong hoàn cảnh chống đối du kích phá hoại mới thật là đội đá vá trời.

Nước Việt Nam được các quốc gia viện trợ để chống trả một cuộc xâm lăng do Cộng sản quốc tế — chủ yếu là Bắc Kinh, phát động và cung cấp cả vũ khí, đạn dược lẫn cố vấn. Căn bản của nền kinh tế chống du kích là tranh thủ nhân tâm, hạn chế sự hy sinh, tiến tới tự túc và phú cường. Nhờ ngoại viện, đường lối này là ít chông gai hơn hết.

Tuy nhiên chúng tôi đã cô dip trình bày cùng bạn đọc trong bài **Kinh tế du kích chiến** rằng: «Chúng ta không di xin mãi mãi. Chúng ta không đợi vãn hồi an ninh mới phát triển kinh tế, kỹ nghệ. Ngay từ nửa đường, chúng ta đã phải có nền kinh tế tự túc, phồn thịnh» (1) Vậy dầu trong trường hợp nào kinh tế tự túc và phồn thịnh vẫn là mục tiêu chính yếu của chúng ta.

Nhưng khả năng kinh tế của đất nước Việt Nam có cho phép chúng ta tiến đến tự túc được không? Trong tương lai khi hòa bình trở lại, khi cuộc chiến tranh hàng mấy chục năm này được kết thúc do một biến chuyển chính trị nào đó, tất nhiên kế hoạch kinh tế chống du kích cũng không cần áp dụng nữa và ngoại viện sẽ giảm bớt hoặc ngưng hẳn, lúc đó chúng ta có thể tự lực chiến đấu về kinh tế để thoát khỏi tình trạng chậm tiến như trường hợp các quốc gia nhược tiểu khác không? Và ngay từ bây giờ chúng ta phải làm gì để chuẩn bị cho mai sau?

Dưới đây chúng tôi sẽ xin cố gắng đưa ra một số ý kiến để thử giải đáp những băn khoăn trên đây mà lúc này có lẽ người dân Việt nào cũng có lần dãi nghĩ tới.

Hai mươi năm trường, sống trong nền kinh tế giả tạo, cả một thế hệ trưởng thành nhờ ngoại viện đã tạo cho dân Việt Nam tâm trạng quen thụ hưởng, ưa dùng đồ ngoại quốc nhập cảng luôn cả những hàng hóa tốt và xa xỉ nhất.

Hình như chúng ta không còn quan niệm cuộc sống có thể tồn tại được nếu không có ngoại viện. Hình như số kiếp của tất cả các sắc dân nhược tiểu Á Phi là phải quay cù trong hấp lực của các đại cường quốc.

Hãy coi Ấn Độ và Hồi Quốc, với sức mạnh của mấy trăm triệu dân mà vẫn luôn luôn nghèo đói. Còn các nước mới độc lập ở Phi Châu thời mức sống nhân dân mỗi ngày một sa sút, kinh tế mỗi ngày một lụn bại.

Các bậc "thức giả" phải rùng mình e sợ trước viễn ảnh đen tối của một nếp sống kinh tế độc lập. Hồi xưa, một nguyên thủ quốc gia hỏi ông Bộ Trưởng Kinh tế: "Chúng ta có thể tự túc trong bao lâu?" và vị chuyên viên trẻ trung này sau khi lau cặp kiếng trắng, có lẽ vì câu hỏi đã làm cho toát mồ hôi lạnh, trịnh trọng trả lời: "Thưa cụ sáu tháng". Nhưng khi trở về văn phòng than thở với công sự viên ông đã vò đầu bứt tai mà la lên: "Làm sao mình tự túc nổi trong hai tháng?".

Nhưng, dầu ươn hèn, nịnh bợ đến đâu chẳng nữa, rồi cũng đến lúc người ta phải suy nghĩ lại và muốn thay đổi thái độ, vì nhiều sự kiện dồn dập xảy ra đã làm lung lay đến tận gốc các giáo

điều vững chãi nhất về nguyên tắc viện trợ ấn định trong các Hội nghị kinh tế Thế giới sau Đệ nhị Thế chiến.

Sự kiện thứ nhất là chúng ta chẳng bao giờ được viện trợ theo lòng mong muốn. Người dân ào ước kỹ nghệ hóa mau lẹ để sớm thoát khỏi tình trạng lệ thuộc. Chúng ta cầu mong các quốc gia viện trợ hãy cho chúng ta các nhà máy xấu xí cũ kỹ nhất của họ, nhưng đem tháo ra, chuyên chở sang Việt Nam và ráp ngay lại, huấn luyện nhân công để có thể hoạt động ngay được trong vòng sáu tháng, một năm. Như vậy chỉ cần một kế hoạch ngũ niên là đủ xây dựng tất cả các kỹ nghệ cần thiết để tận dụng các nguyên liệu tại Việt Nam: khoáng sản, nông phẩm và cao su.

Đó là sự giúp đỡ thực tâm, thực tế nhất. Nhưng lẽ lối viện trợ phải qua nhiều giai đoạn nhiều thủ tục giấy tờ rườm rà quá, khiến cho tới nay số nhà máy thiết lập có thể đếm trên đầu ngón tay, và cũng không vượt qua máy dệt, ciment, thủy tinh, vỏ ruột xe máy, biển chế đường, làm sữa bột thành sữa đặc v.v...

Đến nỗi người ta chú ý đến hoạt động của nhà máy thủy tinh, chỉ là do thông cáo đấu thầu quốc tế mua một lô ve chai. Thật là mỉa mai quá.

Chẳng trách Trung tâm khuếch trương kỹ nghệ chỉ có một ngân khiếm tốn quèn là 100 triệu đồng, mà năm này qua năm khác chẳng bao giờ cho vay được hết 100 triệu nghĩa là mới có một triệu Mỹ kim thôi. Khuếch trương kỹ nghệ gì mà

ít dầu nhớt, cho phép đi đánh cá xa tới 4, 5 ngày.

Nhưng viện trợ chỉ cho mua các động cơ nhỏ năm, ba mã lực, không làm được việc gì cả. Hay lớn nữa lại là động cơ Mỹ, cả trăm mã lực, quay vù vù, nhưng chạy vài giờ là hết sạch dầu nhớt dự trữ..*

Có cũng còn hơn không. Tại các làng nghèo rớt mùng tơi dọc theo ven biển Quảng Trị, Thừa Thiên, dân chúng chỉ có nghề làm cá, và rất trông mong được động cơ hóa ngư thuyền, nhưng chỉ được thấy ông Quận Trưởng đem máy về biểu diễn, tập những thuyền biểu diễn rồi đem treo máy lên Quận. Treo cả năm trường sét rỉ bét be rồi mà vẫn chưa « phở biển » chưa cấp phát thủy động cơ cho dân chài. Hội Nha Ngư nghiệp thì nói, nhu cầu rất nhiều mà phương tiện lại thiếu, nên chỉ cấp phát lai rai thôi.

Nếu viện trợ thực tâm, nếu viện trợ hợp lý phải mua ngay mấy chục ngàn động cơ Nhật, và phát không cho các gia đình chài lưới nào nghèo hơn hết thảy. Còn những người khác được mua theo giá chánh thức. Dám chắc số lượng cá sản xuất phải tăng lên gấp 5, gấp 7 lần. Vì ngư phủ có thể đi xa dần ra khơi để kiếm thêm các giống cá, không bị buộc chân ven bờ như hiện nay nữa.

Ở một tỉnh nọ, cơ quan USOM nhất định giúp đỡ dân chài thoát khỏi nanh vuốt của lũ đầu nậu, là bọn chuyên ứng tiền cho vay trước để độc quyền mua cá với giá rẻ mạt. Cơ quan viện trợ Mỹ muốn xây cất các chợ cá theo kiểu Đại-

Loan, Nhật Bản để hàng ngày ngư phủ có quyền đem cá tới và bán theo giá thị trường. Chợ cá có phòng lạnh, có phương tiện chuyên vận về tận Đô thành, giúp đỡ việc phân phối mau chóng, lành mạnh.

Chẳng bao lâu, họ đã giúp đỡ để xây cất được một chợ cá khang trang, có phòng lạnh rộng rãi, có máy phóng thanh ý hẳn để kêu giá cá như các thị trường Chứng khoán tối tân. Một thời gian sau ngư phủ chẳng thấy đến bán cá, mà chợ cá thì ngán ngang, ngán dọc, hôi tanh, vì mỗi đầu nậu thuê một căn để trữ cá, muối cá, kê cả phòng lạnh, vì có phòng lạnh mà không có máy lạnh. Còn máy phóng thanh thì được đầu nậu sử dụng đem ra ngoài bến để kêu gọi các « chur hầu » ngư phủ đem cá tới cống hiến cho họ.

Thành thử chợ cá thiết lập để giải phóng cho dân chài, hóa ra lại để phục vụ cho bọn đầu nậu phong kiến. Vì tiền đã nợ lên tới cổ rồi, cá đánh được đâu còn thuộc quyền sở hữu của dân chài mà buôn với bán theo giá thị trường.

Tại một tỉnh khác, Viện trợ cho đóng một thuyền đánh cá để làm kiểu mẫu, sắm sửa đủ hết dụng cụ chài lưới. Lúc đem ra trình bày trước công chúng, ngư dân đều lắc đầu chê bai : đánh cá một mình thì nặng nề quá, mà kéo lưới cả lại phải có một cặp.

Thành thử muốn làm mẫu mực lại trở thành gánh nặng, vì đem dùng thời không được, bỏ không thời hư hỏng hết mướn người trông nom lại tốn phí.

Nguyên việc cải tiến kỹ thuật đánh cá và tổ chức thương trường ngư nghiệp, đã thấy viện trợ hoạt động kỳ cục như vậy, còn nói gì đến tăng gia sản xuất ngư sản, canh tân phương pháp biến chế. Dự trữ thời vẫn bảo nước đá đồ vô thùng cá, nếu giao thông chậm trễ là phải đồ xuống đất, thối sặc các quặng đường. Còn ngư phủ, chỗ nào cải thiện được mức sống là nhờ thay đổi cách sinh hoạt, đem thuyền đánh cá để chở hàng hóa thế cho xe vận tải, hỏa xa, phi cơ. Dĩ nhiên mức dinh dưỡng của toàn dân phải thụt xuống, khi cá leo thang từ 30đ. đến 120đ. một ký lô.

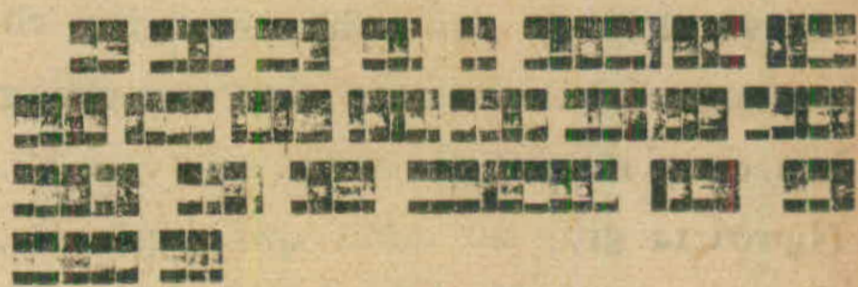
Không dám đề cập đến tất cả các ngành sản xuất quốc gia, chúng ta chỉ có thể kết luận, không bao giờ chúng ta thực sự được viện trợ theo lòng mong muốn.

Cho nên kỹ nghệ quốc gia không tài nào tiến bộ được. Kỹ nghệ không phát triển, chúng ta không sao thoát khỏi nền kinh tế của một nước thuộc địa : tiêu thụ hàng ngoại hóa và xuất cảng nguyên liệu như cao su, lông vịt, cát trắng, muối, xương trâu, xương bò v.v...

Bị cầm chân thành thị trường tiêu thụ mà người dân còn không được tiêu thụ theo nhu cầu đòi hỏi. Bệnh nhân thiếu thuốc, con nít thiếu sữa, người lao động thiếu phương tiện vận chuyển, tiểu công nghệ thiếu điện nước, báo chí và dư luận kêu ca, oán trách ngoại viện đến phát nhàm, phát chán, đến yên lặng và lâu lâu chỉ còn thều thào, nửa cười nửa mếu : «Lại thông cáo giải tỏa đây!»

Số kiếp ăn gửi, nằm nhờ, ngửa tay đi xin nó cơ cực như vậy, nên làm ăn nên oán, người dân được viện trợ lại trở thành bất mãn đối với viện trợ. Quốc gia nào cũng phải giành lấy một số tối thiểu binh công xưởng, chế tạo vũ khí đạn dược thô sơ để tự bảo vệ bờ cõi quốc gia trong trường hợp tự mình phải đối phó với ngoại xâm, nội loạn. Quyền tự vệ là quyền chánh đáng, nước nào dám cản trở ? Nhưng Chính phủ Việt-Nam hồi trước đã phải thiết lập lậu một nhà máy làm đạn dược và dùng những phương tiện nham nhở, như là cho xuất cảng sắt vụn với một giá thật rẻ để trao đổi lấy máy móc thiết bị công xưởng.

Tất cả những sự uất ức, vì viện trợ không hoàn toàn như ý muốn cứ kết tinh lần lần, để một ngày nào, tức nước vỡ bờ, sẽ bột phát lên.



Quốc-gia cho viện-trợ bao giờ cũng tuyên bố bất-vụ-lợi. Và công bằng mà nói nước Mỹ trong 12 năm nay đã giúp chúng ta rất nhiều về tiền của, sinh-mạng và kỹ-thuật. Giúp và chỉ mất không, chẳng được hưởng lợi lộc gì cả.


Nhưng bất-vụ-lợi không có nghĩa là vô điều-kiện. Dẫu chẳng có ai nói ra, người ta đều hiểu ngầm là viện-trợ tất phải có điều-kiện, có mục-dịch. Sau Thế-chiến thứ hai, các đại-cường-quốc đều

đi đến kết luận : còn có quốc-gia nghèo đói, thời còn có mầm mống chiến tranh. Muốn giữ vững hòa-bình, các quốc-gia mạnh phải giúp đỡ cho các quốc-gia yếu phát-triển kinh-tế. Khi nào hàng hóa lưu-thông đều-hòa không còn dân-tộc nào đói rét, thì hiểm họa chiến tranh cũng không đè nặng trên nhân-loại nữa. Muốn " trả giá sự sung sướng " được sinh sống an-toàn với đầy đủ tiện-nghi các quốc-gia mạnh phải hy-sinh tiền để giúp đỡ các quốc-gia nhược-tiểu.




Tất nhiên, quốc-gia nhược-tiểu phải phát-triển theo chiều hướng mà quốc-gia viện-trợ cho rằng tốt đẹp hơn hết để hòa hợp với tư-tưởng chính-trị và tổ-chức kinh-tế của họ. Lệ thuộc về kinh-tế sẽ đưa đến lệ thuộc về chính-trị, điều đó không tài nào tránh được.

Hình thức sự lệ-thuộc có thể rất tế-nhị và khác xa chủ-nghĩa thực-dân cũ hay mới. Lệ-thuộc trong tình cảm chẳng hạn, cũng rất tinh-vi và gần như vô hình. Người ta giúp đỡ mình quá nhiều rồi, đến lúc họ tuyên bố câu gì, không lẽ mình không vỗ tay lên một tiếng hưởng ứng thoi vô ơn quá. Nhưng dầu trong tình cảm cũng vẫn là lệ-thuộc và bó buộc lương tâm quốc-gia được viện trợ. nên người dân vẫn bức tức. Phản ứng của De Gaulle, khi mời quân-đội Mỹ ra khỏi nước Pháp, chẳng qua cũng chỉ là mặc cảm đã nhận được ơn nghĩa của Mỹ nhiều quá rồi, nên phải có thái độ nức nở bỏ sự lệ-thuộc đi. Mà có ai dám nói nước Pháp là tay sai gần hay xa gì của Mỹ đâu ?

Nguyên có việc vốn liếng Mỹ kinh doanh ở Pháp nhiều cũng khiến cho dân chúng Pháp phải lo ngại. Nữa là trong một quốc-gia, mà đi ra ngoài đường là thấy xe Mỹ chạy xăm xăm, bin-đinh cao ngất thì Mỹ ở Mỹ gác, tắc-xi xích-lô thì tranh dành khách Mỹ, con gái mơn mớn phải đi bán bar, đường xá đen thui chỉ có máy điện Mỹ kêu soành soạch.

Có ai phủ-nhận lòng tốt và sự hiện của người Mỹ đâu ? Nhưng tự nhiên người dân phải đau lòng trước các cảnh tượng diễn ra hàng ngày trước mắt  và mong mỗi sớm chiến thắng cộng-sản sớm thanh bình để xây dựng đất nước, thoát khỏi vòng viện-trợ kinh-tế.

Hai sự kiện trên đây, dồn dập trong vòng mấy tháng nay, đã đem lại sự kiện thứ ba : sự bùng tỉnh của tinh-thần quốc-gia dân tộc.

Trước đây việc nước là việc của một số cán bộ, lãnh-tụ chính trị. Người dân trong thực tế chỉ sống một cuộc đời đơn giản, lo ngày hai bữa cho vợ con, và đừng bị ai ăn hiếp, phiền hà quá đáng. Công-chức bao giờ cũng là cộng-sự-viên của chính-phủ cầm quyền. Nếu lâu lâu cho tăng lương, cho rập bên thì hoan nghênh, còn không cũng ráng chịu ba cọc ba đồng. Ai có tài-ngoại, ở chỗ " tốt " thì kiếm thêm chút đỉnh bằng ngoại Ít khi có âm mưu khuyh đảo Chính-phủ. Còn quân-nhân chỉ biết kỷ-luật và lo đối phó với Việt-cộng, không làm chính-trị,   

Sự hiện diện mỗi ngày một nhiều của người Mỹ với những hậu quả xã-hội không hay của nó và nhất là tình-hình kinh-tế ngày càng khó khăn bị dạt với nạn lạm-phát khủng-khiếp 28 tỷ bạc, với tổng số thuế trực-tiếp hoặc gián-tiếp bỏ lên đầu dân là (57 tỷ bạc — Quỹ đối giá 12 tỷ 800 triệu) 44 = tỷ 120 triệu đồng, nhân thì dân, công-chức, quân-nhân không còn bình chân như vại được nữa.

Rất nhiều người vượt khỏi thái độ thụ-động đã tỏ ý lo lắng cho tiền-đồ tổ-quốc, phê-bình chính-sách chính-trị và kinh-tế của Chính-phủ.

Lòng dân muốn quốc-gia được độc-lập và suy nghĩ đến phương-thức vượt ngay khỏi sự viện-trợ về kinh-tế. Chúng ta có thể sống độc-lập được không? Nếu không có viện-trợ, làm cách nào để phát-triển kinh-tế và đừng rớt xuống vực thẳm nghèo đói, cạm bẫy của Cộng-sản Á-Đông.

Tới đây xuất hiện sự kiện thứ tư: Chúng ta muốn níu lấy ngoại viện, nhưng Mỹ cắt đứt viện trợ thì sao? Nhiều nghị sỹ Mỹ kiểu Phún-bờ-rai và Kê nờ-đi đã tiếng bắc, tiếng chì với Chánh phủ Mỹ, về ông cuộc viện trợ cho Việt Nam, và chỉ mong điều đình với Cộng sản, rút khỏi nước Việt Nam, còn sống chết mặc dân Việt Nam. Báo chí cũng đăng tải viện Ga Lốp thăm dò thấy 54% dư luận Mỹ muốn rút khỏi Việt Nam, nếu nội chiến lan rộng. Như vậy, dầu muốn dầu không cũng phải phòng ngừa trường hợp người Mỹ chào thôi, không viện trợ cho chúng ta nữa.

Khi đó nền kinh tế Việt Nam sẽ biến chuyển ra sao? Chúng ta có hy vọng

gi đứng vững không? Dân chúng sẽ phải trả giá nào để khỏi bị xô vào vòng hỗn loạn? Có phải hy sinh, bữa cơm, bữa cháo, và coi xe máy là hàng xa xỉ phẩm như nhân dân miền Bắc bị Cộng sản thống trị hay không?

Nhiều chính trị gia, nhiều chuyên viên kinh tế tài chánh nghi ngại khả năng của nước Việt Nam. Nếu chỉ nhìn qua các con số: xuất cảng 2 tỷ bạc, nhập cảng: 27 tỷ bạc, cũng đủ ón da gà và nghĩ rằng mình không bao giờ có thể quân bình cán cân thương mại. Dân chúng sẽ phải hy sinh đến chín phần mười các nhu cầu và tiện nghi do ngoại viện đem tới.

Mặt khác, muốn vượt khỏi tình trạng hậu tiến, ta phải có máy móc để phát triển kỹ nghệ và cơ giới hóa canh nông. Ngoại tệ đâu để nhập cảng? Không có viện trợ, lấy gì quân bình Ngân sách Quốc Gia?

Ngân ấy vấn đề đủ làm điên đầu chính quyền tương lai rồi. Phải chăng kinh tế tự túc, chỉ là ảo ảnh và mị dân?

Chúng ta có thể thất vọng trước hiện trạng đất nước, nhưng thái độ thụ động, ê chề, tê liệt rồi sẽ tiêu tan đi. Nếu không như thế, làm sao dân tộc ta giữ vững được bản sắc qua bao cơn thăng trầm của lịch sử, qua bao thế kỷ thống trị của ngoại bang?

Hai thuyền trưởng Pháp và Anh lái hai con tàu giữa bão biển. Theo truyền thống dân tộc, thuyền trưởng Pháp thời lựa gió, lựa sóng, đi vòng vèo qua những vùng im lặng để thoát khỏi cơn bão táp. Còn thuyền trưởng Anh thì nắm cứng bánh lái, đi xuyên thẳng qua trung tâm

bão lốc, mặc cho gió dập sóng vùi, miệng lầm bầm : «Ta sẽ thắng, ta sẽ thắng», và vượt qua được vùng nguy hiểm.

Thái độ của người dân lúc này cũng phải theo thuyền trưởng Anh. Một mai nếu không còn viện trợ, nếu chỉ còn người dân đứng lại trên giải đất bị tàn phá vì chiến tranh, chúng ta cũng

phải can rắng mà kiến thiết xứ sở, cương quyết đi tới, 

Trước khi đề cập đến một kế hoạch kinh tế tự túc, trong số tới chúng ta hãy xét lại các điểm về khả năng kinh tế của đất nước chúng ta. (còn tiếp)

DUY

TUẦN NÀO CŨNG VỀ THÊM NHIỀU SÁCH HAY,
GIÁ ĐẶC-BIỆT (GIÁ I. C.)

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

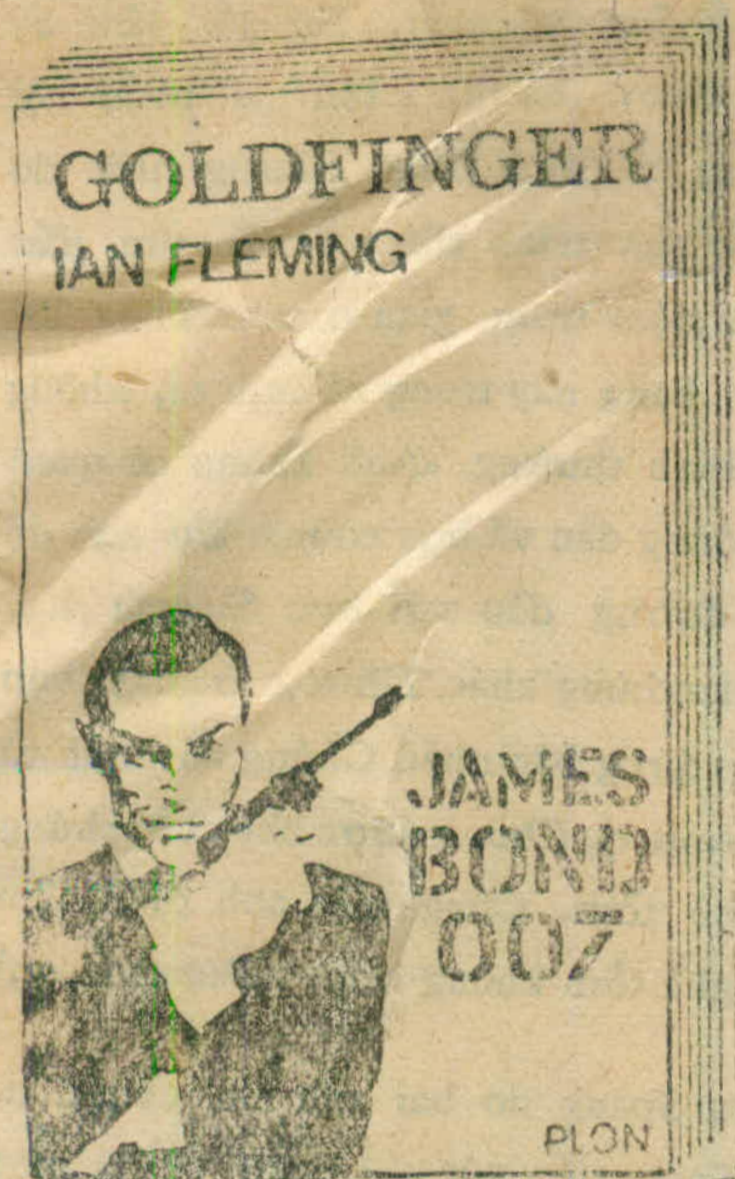
Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg



007 và đồng loại

Phiên luận về truyện của Ian Fleming và thế-giới James Bond

(xin xem BK.TĐ từ số 226)

Buôn lậu

Khám phá tổ chức quốc tế buôn lậu kim cương là đề tài cuốn truyện *Diamonds*. Được phái đi tìm nguồn xuất phát và con đường vận chuyển hột xoàn, James Bond đã phải "nhảy vào hang hùm". Tự tạo một lý lịch anh chị, đã có tiền án vì đã giết người (điểm này thì không hẳn sai sự thật), Bond muốn làm đôi việc nguy hiểm để kiếm tiền. Bond được tuyển dụng. Công việc rất giản dị, Bond sẽ đem một mỏ kim cương từ Anh qua Hoa Kỳ, tiền thù lao là năm ngàn mỹ kim, mọi sở phí khác do tổ chức chịu. Bond tiếp xúc với một người nữ tên Tiffany Case để được chỉ bày về chi tiết. Bond sẽ đi một

chuyến máy bay với Case, nhưng sẽ không quen biết nhau. Bond là một nhà thể thao, qua Mỹ đánh cù, nên đem theo đủ dụng cụ. Kim cương được giấu trong một trái banh. Dọc đường, nơi phi trường, trạm quan thuế, bót cảnh sát, Bond được rất nhiều người che chở tránh được mọi sự hỏi han khám xét phiền phức. Case luôn luôn có mặt bên cạnh Bond, để bảo vệ hàng hóa và để phòng sự phản trắc của Bond. Trên máy bay, còn có hai hành khách khác, mà sau này Bond biết là hai người của tổ chức gọi đi hộ tống và ngăn ngừa sự phản trắc của nữ nhân viên.

Mọi việc đều diễn ra tốt đẹp, Bond theo lời dặn, nạp hàng cho tên Michae

Tree và lãnh tiền thưởng. Bond học thêm được điều mới. Tree không trao số tiền đã hứa, viện lẽ người đột nhiên có nhiều tiền trong túi, thường hay nói năng say sưa bậy bạ, làm cho kẻ khác đề ý, và khi bị tra hỏi, không giữ kín được sự thật. Tree dựng lên cho Bond một tiểu thuyết. Hai người đã gặp nhau, đánh vài ván bài, Tree đã thua, và nợ Bond 500 mỹ kim. Bây giờ gặp lại, Tree đề nghị đánh một ván nữa, nếu Bond thua thì xí xóa nợ, nếu Tree thua thì trả gấp đôi. Bond đã thắng trong ván bài tưởng tượng đó và Tree trao cho Bond một ngàn mỹ kim thật sự. Còn bốn ngàn nữa, cho đủ số đã thỏa thuận, là một chuyện khác. Bond cần phải nghe và nhớ cho kỹ. Bond phải lên Saratoga, một trung tâm ăn chơi, thiên đàng của dân lưu manh hạ cấp. Tiền chuyên vận và khách sạn sẽ được hoàn lại. Bond sẽ đến trường đua ngựa vào chiều mai, đánh một ngàn mỹ kim nơi con ngựa Shy Smile, và sẽ ăn 5.000. Lợi tức vào như thế thật minh bạch. Bond phải chờ gần khóa sổ mới cá. Không được đánh quá số tiền và cũng không được tiết lộ cơ mưu. Xong rồi nhớ điện thoại về cho Tree biết. Mọi sự lỗi lầm sẽ không được tha thứ.

Trước khi lên Saratoga, Bond đã gặp đồng nghiệp Hoa Kỳ của mình là Leiter. Bond không thể giữ riêng tin tức, nhất là khi Leiter hiện nay phụ trách về các vụ gian lận ở trường đua. Leiter đã mua chuộc được tên nài cỡi ngựa Shy Smile.

Trái với ý của Tree và đồng bọn, Shy Smile không về nhất. Sự lỗi lầm ấy không được tha thứ: tên nài phản bội bị trừng trị đích đáng, nhưng nhờ đó mà các nhà trinh thám đi lần tìm dấu vết của đám trùm gian manh. Theo lời Leiter, hạng này trong xứ anh ta, không nên khinh thường. «Anh không có quan niệm đúng đắn về bọn chúng, khi anh đã quen đương đầu với bọn Smersh hay thứ gian hùng khác. Nhưng ở đây bọn Spang đứng bậc nhất. Chúng có một tổ chức tinh vi. Chúng được che chở, chúng rất ghê tởm. Công việc anh phải làm cũng ghê tởm không kém» (*Diamond*, 53)

Bọn Spang do hai anh em cầm đầu. Tên Tree, tiếp xúc với Bond, chỉ là một cán bộ trong tổ chức chúng. Bond cần tìm cho được hai tên đầu sỏ. Sau khi không lấy được tiền của mình nơi trường đua, Bond lại gặp Tree. Bond được lệnh đi đến Las Vegas, trung tâm đánh bạc danh tiếng. Bond sẽ đến đánh xì lát (blackjack) tại một bàn nhất định và chỉ được ăn tới số năm ngàn mỹ kim mà thôi.

Bond không đòi gì hơn. Chúng đã chịu khó bày cho lối đi, chúng đã vén màn hắc ám bao trùm những công việc phi pháp của chúng. Bond lên đến nơi, không ngờ lại gặp Tiffany Case chia bài cho mình. Bond đánh ván nào ăn ván nấy, một cách tự nhiên vô cùng như thể có thần tài hộ mạng. Sẵn trớn Bond tiếp tục đánh hơn số tiền Tree đã

cho phép. Mọi lỗi lầm sẽ không được tha thứ. Spang ra lệnh bắt Bond, và Case nữa.

Bond ngỡ là chỉ vì tội không vâng lời, vì tội đánh xi lát ăn quá số tiền, nhưng khi giáo mặt Seraffimo Spang (một trong hai anh em đầu đảng cướp) và bị tra tấn, mới biết là vì duyên cớ khác, duyên cớ quan trọng hơn: tội làm gián điệp. Bọn cướp đã được tin riêng từ Luân đôn cho biết lý lịch của Bond, và lối xảo trá của Bond đã tìm cách thay thế một người chở hàng hóa để dò la. Nhưng Bond lại thoát được nạn. Nhờ sự giúp đỡ của bạn Leiter, Bond và Case có đủ giấy tờ để lên tàu thủy về nước. Bọn Spang cũng kịp thời phái hai cán bộ theo chân để hạ sát. Một cuộc xô xát xảy ra trong đêm khuya trên chiếc tàu đang vượt Đại tây dương. Bond lại thắng.

Về đến Anh, Bond phải đi ngay qua Phi châu, vì manh mối con đường buôn lậu kim cương đã tìm ra được. Một trong hai anh em đầu đảng Spang, lại là viên chủ tịch lương thiện và khả kính của Công ty bán kim cương tại Luân đôn.

Nơi mỏ kim cương ở Sierra Leone, mặc dầu có sự kiểm soát gắt, những công nhân cũng thường đánh cắp được kim cương và đem bán cho một nha sĩ chuyên môn thu lượm và gửi về Anh theo kế hoạch kín đáo rất có hiệu năng. Đúng ngày hẹn trước, nha sĩ vào rừng, chờ nơi tọa độ địa lý đã định, dùng đèn

bấm ra hiệu cho một trục thẳng đầu xuống. Chỉ có vài phút để trao đổi kim cương, tiền bạc và mật lệnh. Lần này, phi công không phải là người mà nha sĩ thường giao thiệp, mà chính là Jack Spang. Vì biết công việc bại lộ, Jack thân hành đi chuyển chót, cướp túi kim cương, hạ sát tên nha sĩ để từ đây xóa bỏ con đường buôn lậu không còn dùng được nữa. Nhưng cũng trong đêm ấy, trong rừng hoang vu, không chỉ có một mình tên nha sĩ chờ đợi chuyển trục thẳng, còn có James Bond. Sau khi chứng kiến tội ác mới của Jack, Bond hạ sát tên này để tiêu hủy hoàn toàn bọn Spangled Mob, làm xong nhiệm vụ.

Chiến tranh vi trùng

James Bond là một người luôn luôn may mắn và sung sướng. Bond gặp thiếu phụ tên Tracy, trước kia làm vợ một bá tước, nhưng chưa tìm được hạnh phúc. Tracy, có lẽ muốn tiếp tục thí nghiệm để mưu đồ hạnh phúc, không ngần ngại hiến mình cho Bond. Thân phụ của bà bá tước biết được chuyện, cho người bắt cóc Bond, không phải để trừng trị mà để đề nghị với Bond nên cưới con gái ông ta. Bond sẽ được của hồi môn mấy trăm triệu mỹ kim, trả bằng vàng thật. Chuyện có vẻ thần tiên phù hợp với thể giới James Bond, nhưng không hẳn hoàn toàn phi lý. Người cha rộng lượng ấy là Draco, đầu đảng Union Corse, một tổ chức phi pháp không thua gì Mafia ở Ý hay mấy gang ở Hoa Kỳ, chuyên buôn lậu kim cương, vàng bạc.

được phàm, thuốc lá, khí giới khai, thác những nhà chứa bạc, gái điếm, bắt cóc, tổng tiền, ám sát, thanh toán những bọn cạnh tranh, chẳng biết đến luật pháp quốc gia hay quốc tế nào cả. Draco chỉ một con gái và không còn mong gì hơn là tìm cho Tracy một người chồng vừa ý. Bond có thể là người ấy, dựa vào cảm tình chân thật và sâu đậm của Tracy đối với Bond. Nhưng Bond tìm lời khất hẹn, vì sau khi được gần gũi Tracy, Bond biết thiếu phụ này là một bệnh nhân cần thầy thuốc điều trị, không phải cần chồng lý tưởng. Sự gặp gỡ bất ngờ không vô ích đối với Bond, về mặt nghề nghiệp. Nhờ Draco, Bond biết được tin tức của tên Blofeld, một tay rất ghê gớm làm việc cho Smersh, mà bấy lâu nay không hệ thống tình báo nào của Đồng minh tìm ra được dấu vết. Theo Draco thì Blofeld còn sống và hiện nay ẩn náu đâu bên Thụy sĩ.

Bond rời khỏi miền Tam nước Pháp, và dựa vào sự chỉ dẫn mỏng manh của Draco, trở về Luân đôn, ra công tìm kiếm. Tại sở nghiên cứu huy hiệu và gia phả của Anh, người ta có nhận được một bức thư của bá tước Belleville ở Thụy sĩ nhờ tra cứu về dòng họ của mình. So sánh các tài liệu thu thập và chân dung Blofeld qua lời tả của Draco, Bond đi đến giả thuyết Blofeld có thể là bá tước Belleville.

Vì Thụy sĩ là một nước trung lập, các cơ quan tình báo hay đặc công của

quốc gia khác không được dung nạp hay che chở. Điều kiện làm việc của Bond thành khó khăn hơn. Nếu có sự bất trắc xảy ra, chính phủ Anh sẽ phủ nhận tất cả hành vi của Bond và không xem Bond là một cộng sự viên của mình. Tuy nhiên, ở trong nước, Bond được mọi sự dễ dàng để tiến hành công việc, Blofeld không phải là mối thù của công việc, Blofeld không phải là một mối thù của cá nhân Bond, là mối lo âu của cả quốc gia.

Sở nghiên cứu huy hiệu đã liên lạc với bá tước Belleville, cho bá tước biết còn có đôi chi tiết cần phải hỏi kỹ càng, mới vạch được đầy đủ gia phả. Sở có ý gửi một nhân viên đáng tin cậy, Sir Hilary để tiếp xúc với bá tước nếu bá tước cho phép.

Bá tước Belleville trả lời bằng lòng và Bond, sau khi tập sự một thời gian tại Sở nghiên cứu để cho thạo với hồ sơ Belleville và với danh từ, thề thức chuyên môn, qua Thụy sĩ dưới danh vị Sir Hilary. Bond được tiếp đón cẩn thận và đưa về lâu đài của bá tước dựng trên núi tuyết, trong khung cảnh hùng vĩ của rặng Alpes. Cơ sở của bá tước có cả một khách sạn vừa là đường đường, để cho một số thân chủ được chọn lọc xử dụng, và những phòng thí nghiệm vì bá tước là một nhà nghiên cứu khoa học. Bond nhận thấy các cơ sở được canh phòng cẩn mật. Những người giúp việc hầu hết là người Trung Âu và Đông Âu. Bí

thư của bá tước là một thiếu phụ, một thứ trưởng ban có trách nhiệm săn sóc và canh chừng mười thiếu nữ đang dưỡng bệnh. Những cô này, từ nhiều miền Anh quốc, đã đến theo lời quảng cáo trên báo, dưỡng đường này có phương pháp trị bệnh quá mẫn (allergy). Quả thật, trước kia, các cô không ăn thịt gà được, hễ ăn thì khó chịu, đến nỗi rất ghét thức ăn ấy, đến nay, các cô lại thấy tất cả ngon lành của thịt gà và bữa nào cũng ăn mà không thấy chán.

Bond được may mắn hầu chuyện bá tước sau mấy ngày chờ đợi, và mừng rỡ không những đã đóng được vai tuồng Sir Hilary một cách đàng hoàng mà vì đã nhận diện được bá tước chính thật là Blofeld. Việc nghiên cứu khoa học lương thiện và nhân ái của bá tước, cũng như lối trị bệnh không ăn được thịt gà của mấy thiếu nữ Anh chắc hẳn che đậy một dự định gì quan trọng xứng đáng với tài nghệ sát hại lừng lẫy bấy lâu nay của Blofeld. Nhiều sự việc xảy ra trong khách sạn làm cho Bond vững tin nơi giả thuyết của mình. Lần hồi, Bond đã làm quen được các thiếu nữ, và quen rất thân một người trong bọn đến nỗi biết danh tánh và nguyên quán mỗi cô, và chứng kiến tường tận trong phòng riêng của người bạn mới, lối trị bệnh của Blofeld.

Phòng của thiếu nữ cũng như bất cứ phòng nào trong cơ sở này cũng có mặt điện tử và máy thấu thanh để kiểm soát tất cả hành vi ngôn ngữ của thân

chủ. Bond bày cho thiếu nữ của mình phương cách đề phòng, cốt để bá tước khỏi biết sự đan díu trái phép giữa hai người. Thiếu nữ đang mơ màng say sưa bên cạnh Bond nằm kề mình, bỗng đưa tay xuống dưới, bấm nút chiếc máy phát thanh đặc biệt. Theo cách trị bệnh của Blofeld, khi các bệnh nhân thiêm thiếp buồn ngủ, thì lời khuyên bảo của bá tước thì thăm bên tai: «Bây giờ cô buồn ngủ rồi. Tay cô trở nên nặng như chì. Hơi thở đều đặn và nhẹ nhàng như hơi thở của trẻ thơ. Mắt cô nhắm lại và mí mắt nặng trĩu. Cô nằm trong giường êm dịu và ấm áp. Cô đi lần vào giấc ngủ, ngủ, ngủ. Giường cô như một tổ chim dịu hiền ấm cúng. Cô nằm ngủ như một gà con trong cánh của mẹ. Ngủ đi, gà con yêu dấu...» Lời thôi miên ngừng một chốc rồi tiếp tục «Những gà con bây giờ đã đi ngủ. Chúng cũng như cô nằm trong tổ ấm. Cô yêu chúng, yêu chúng lắm, yêu tất cả giống gà. Cô là bạn của gà, bạn của tất cả chúng. Cô sẽ đến với chúng. Nay mai cô sẽ về với những gà yêu mến của cô để săn sóc chúng. Nay mai cô sẽ về quê hương để giúp đỡ cho tất cả giống gà trong xứ. Cô sẽ lo cho giống gà phát triển khắp Anh quốc. Điều đó sẽ làm cho cô sung sướng, sung sướng lắm. Cô không nói với ai bí quyết cô sẽ dùng để giúp cho giống gà. Người ta sẽ tìm cho được phương pháp bí mật của cô. Nhưng nếu cô tiết lộ, thì làm sao cô giúp cho giống gà cô thương yêu được...»

Khi Bond biết được bá tước là

Blofeld, thì Blofeld cũng thừa sức để biết Sir Hilary là gián điệp. Bond trốn thoát kịp trước khi thủ hạ của Blofeld định thủ tiêu. Bond đem về nước những dữ kiện để cùng với những cơ quan chuyên môn cố tìm mặt trái của chương trình chữa bệnh của đường đờng lạ lùng này.

Được biết, một thiếu nữ sau khi lành đã trở về East Anglia, và được biết theo báo cáo của Bộ Canh nông tại East Anglia gà chết toi quá nhiều, cơ quan tình báo phát giác ra được dự định sâu độc của Blofeld. Ghi những thị trấn nguyên quán các thiếu nữ đang chữa bệnh tại Thụy sĩ, theo tài liệu của Bond người ta nhận thấy những điếm ấy rải rác trên khắp lãnh thổ và quan hệ đến những miền nuôi rất nhiều gà. Các thiếu nữ đã vô tình trở nên đồng lõa của Blofeld và Smersh, tưởng là thương yêu giống gà và săn sóc chúng, nhưng kỳ thật sẽ len lỏi vào các trại nuôi, phòng triển lãm canh nông để reo rắc, theo lời dặn của của bá tước, thứ thực phẩm đầy vi trùng bệnh truyền nhiễm. Nếu chương trình thực hiện chu đáo, thì không bao lâu Anh quốc không còn giống gà nữa, và một nạn khan hiếm thức ăn có thể khởi đầu từ đó.

Bond, một lần nữa, được giao sứ mạng diệt trừ bọn Blofeld, và chỉ vì công việc xảy ra trên một nước trung lập, Bond phải nhờ đến Draco. Khi nghe Bond thuật lại mưu đồ của Blofeld, đầu đảng Union Corse

bằng lòng giúp, có lẽ với hy vọng rằng sau khi chàng thành công, Bond sẽ biết ơn mình mà bằng lòng cưới Tracy. Draco còn biết dùng một thứ lý luận thông thường, dựa trên sự tương đối của tội ác, để chứng minh hận thù của mình: « Đó là một mưu quá ghê tởm, cần phải tiêu hủy, và tiêu hủy luôn cả chủ xướng. Tôi đây là một tội nhân, một tội nhân trọng đại. Tôi bao thầu hằng trăm nhà gái điếm, tôi buôn lậu tôi che chở gian manh để lấy lợi, khi có thể được tôi ăn cắp những kẻ quá giàu. Tôi bất chấp luật pháp, có khi tôi cũng giết người trong khi hoạt động. Tôi biết là sai lầm và tàn ác, nhưng tôi không hề dừng lại hay thoái lui, nhất là khi đồng chí của tôi bầu tôi lên làm lãnh tụ. Một ngày nào đây tôi có thể tu tỉnh. Bây giờ nếu không được sự hậu thuẫn của đám người của tôi, tánh mạng tôi còn có ra gì. Nhưng tên Blofeld quá tệ, quá gớm-ghiếc với mưu mô của nó. Anh muốn bọn tôi giúp anh để trừ khử nó. Anh không cần đợi trả lời. Tôi phải thủ tiêu nó. (*Secret Service*, 164)

Bọn Draco cùng với Bond trở qua Thụy sĩ, dùng những phương tiện lớn để phá hủy cơ sở của Belleville, giết chết một số bộ hạ, nhưng Blofeld thoát được, để sau này trả thù và thách đố Bond và đồng loại nhiều phen nữa.

Vàng và Máu

Cũng như trong *Secret Service*, Bond nhờ một đám gian hùng để trừ khử một đại gian hùng, trong truyện *Goldfinger*

Bond nhờ một số sát nhân chuyên nghiệp và trộm cướp thặng thượng của Hoa-kỳ để diệt một tên lưu manh siêu việt có tham vọng cướp kho vàng ở Fort Knox.

Auric Goldfinger là một người rất thích vàng, thích đến nỗi như mắc phải bệnh tích trữ vàng. Chỉ vì ham thú kim khí ấy mà hắn đánh bạc gian lận. Bond đã khám phá ra được lối gian tân thời của hắn, khiến cho hắn bắt đầu thù ghét Bond. Goldfinger thích vàng đến nỗi sơn vàng trên thân những gái đẹp để chiêm ngưỡng và đồng thời để giết chết. Thác loạn của hắn có vẻ kinh tởm và mới lạ, nhưng từ thời thượng cổ, người Đông phương cũng như Tây phương cũng đã đến trình độ thác loạn ấy rồi. Người thường cảm thấy sung sướng thập bội khi vui thích của mình xây dựng trên sự đau khổ của kẻ khác. Người thường khoái lạc sâu đậm khi người mình hành hạ bị đau đớn và nhục nhằn ghê gớm. Cũng như người thời nào và phương nào, Goldfinger biết gia tăng khoái lạc bệnh hoạn của hắn khi dùng vàng nô lệ hóa kẻ khác, khi mua chuộc tất cả linh hồn nào có thể mua được. (Troug thực tế, có mấy linh hồn đương đầu được với sức mạnh của vàng, chỉ cần định cho đúng giá, biết chọn cách thức và cơ hội mua chuộc mà thôi). Goldfinger lại xây dựng được hạnh phúc tinh thần của hắn đem khả năng của hắn phục vụ một... lý tưởng (Chữ lý tưởng cũng như bao danh

từ tốt đẹp khác, lương thiện hay bất lương, ai cũng có quyền dùng). Nhưng theo ý nghĩ và nhận xét của phe thù - nghịch thì lý tưởng của Goldfinger là phục - vụ một tổ - chức giết hại loài người, đưa nhân loại đến chỗ sụp đổ hoàn toàn. Goldfinger dùng vàng để nuôi dưỡng bọn sát nhân của tổ chức phản gián và đặc công. Một lối giao tiền của hắn, là chôn nơi những chân cầu các thoi vàng, những đồng lữa theo lời dặn trước sẽ đến lấy khỏi phải ai nghi ngờ và không biết được sự liên lạc. Goldfinger còn có chương trình to tát hơn, là nhờ các đường buôn lậu vàng thầu lợi nhanh chóng rồi thu hút lần khối vàng dự trữ của các quốc gia. Vài năm sau, thấy công việc tiến quá chậm, Goldfinger định cướp ngay kho vàng Fort Knox ở Kentucky, nơi đó có chừng một triệu tấn. Lối canh phòng của nơi ấy không đáng khinh thường, về việc chuyển một triệu tấn là cả một vấn đề, nhưng Goldfinger biết nhìn rộng, nghĩ xa, mọi sự đã được trù liệu kể luôn cả việc giết chết hết sáu vạn dân lành ở Fort Knox, trừ ra không nghĩ đến đối phương có anh hùng James Bond. Sự thật, Goldfinger đã chú ý một cách đặc biệt đến tên Bond, kẻ đã lật tẩy hắn khi hắn đánh bài gian lận, kẻ đã biết hắn thắp vàng nơi ve Rolls Royce để tải qua Thụy sĩ đánh lừa được quan thuế. Hắn đã cẩn thận giam Bond bên cạnh cho đến phút chót, nhưng hắn không thể ngờ được kỳ tài của Bond đã phá được âm mưu của hắn. Goldfinger không thể lấy được một chỉ vàng của Fort Knox.

Vũ khí nguyên tử

Trong truyện *Moonraker*, một tên phản tặc, bấy lâu người ta nghĩ rằng đang thực hiện cho xứ sở một công trình khoa học và kỹ thuật, định dùng hỏa tiễn hấn chế tạo để tiêu hủy ngay kinh thành Luân Đôn. Nhân vật ấy, khi đã buộc James Bond phụng sự cho mình nếu không thì bị hạ sát, không ngần ngại cho Bond biết tâm sự kỳ quặc của hắn.

« Tên thật tôi là Graf Hugo von der Drake. Mẹ tôi người Anh. Vì đó tôi phải qua Anh ăn học cho đến 12 tuổi. Tôi không thể ở lâu trong nước dơ dáy này và tôi tiếp tục sự học tại Bá Linh và Leipzig. Lúc tôi mới hai mươi tuổi, tôi vào làm việc cho xí nghiệp của gia đình, một chi nhánh của công ty thép. Nếu trong thời chiến tranh, anh bị một viên đạn 88 ly, anh có thể tin chắc viên đạn ấy là của xí nghiệp chúng tôi làm ra. Tôi học được nhiều với những chuyên gia của hãng và học thêm ít nhiều về kỹ nghệ hàng không. Khi chiến tranh bùng nổ, tôi là trung-úy trong một tiểu đoàn quân xa. Chúng tôi đã băng qua các toán quân của Anh và Pháp một cách quá dễ dàng. Đó là những ngày tươi đẹp. Rồi tôi lại rời khỏi những gái và rượu của những miền chúng tôi chiếm cứ, trở về Đức huấn luyện thêm trước khi gửi qua Anh. Tôi thông thạo tiếng Anh, điều ấy cần thiết cho Sư đoàn tôi. Tôi dùng binh phục của Anh. Tôi đã được chuyển qua cơ-quan tình báo của quốc xã. Công việc

chúng tôi là khủng bố và phá hoại. Một giai đoạn cũng lý thú lắm. Rồi vì bọn tướng khốn kiếp của chúng tôi phản bội, quân Anh và Mỹ đổ bộ được trên đất Pháp. Riêng tôi không lấy thế làm buồn mà tìm ra được khung cảnh hoạt động hăng say. Chúng tôi công tác sau chiến tuyến của địch. Chúng tôi bí mật hoạt động sau một sư-đoàn Hoa kỳ, trong rừng Ardennes. Trong bọn hai mươi người chúng tôi, tình cờ có được bạn Krebs — là người anh đã biết — có biệt tài về tra tấn và hạ sát. Chúng tôi sống sáu tháng trong rừng ấy, dùng vô tuyến iên lạc với Tổng hành dinh. Rồi xảy ra ai nạn kỳ dị. Chính một phi cơ của quân đội Đức, sau khi thi hành một phi vụ thám thính, đề chúng tôi mà nã súng. Tôi vội vã cởi quân trang đã đánh lừa họ. Rồi tôi được quân Anh cứu, đưa về đồn trú của chúng. Tôi bị đạn cùng mình và gãy một chân. Vào bệnh viện, tôi được xem như là một binh sĩ Anh. Suốt một năm, từ bệnh viện này qua bệnh viện kia, tôi chỉ nghĩ đến mưu kế thực hiện một cái gì chống lại Anh quốc để trả thù cho quốc gia dân tộc tôi. Những bác sĩ săn sóc tôi muốn giúp tôi nhớ lại danh tánh. Sau khi đưa ra nhiều giả-thuyết, tôi nhận tên họ Hugo Drax. Từ Drache đến Drax, thế cũng được đi. Ra khỏi nhà thương, đi dạo trong thành phố Luân-đôn, tôi nghĩ đến việc tìm một ai mà giết và ăn cướp. Một hôm, tôi gặp tại một cơ quan nhỏ phía Piccadilly, mộ^t

người sẵn sàng cho tôi vay tiền. Mười lăm ngàn Anh kim để bắt đầu, để làm thứ việc trong thời đại nguyên tử này phải làm. Buôn lậu chất Columbite. Trong năm năm tôi hăng hái làm việc với mục đích kiếm cho được nhiều tiền. Phải trải qua những lúc rất nguy hiểm, mới được một triệu đầu tiên. Rồi đến hai triệu, năm triệu, hai mươi triệu. Tôi trở về Anh-quốc, xài một triệu và mua chuộc được Luân-đôn. Tôi qua Đức, gặp lại được Krebs, tìm thêm năm mươi đồng chí, những con dân Đức quốc trung thành, kỹ thuật gia có hạng bấy lâu ẩn náu dưới những tên giả. Tôi ra lệnh cho chúng chờ đợi một cách ngoan ngoãn, một cách hòa bình. Tôi đi Mạc tư-Khoa. Một người có Columbite có thể đi bất cứ đâu. Tôi gặp những người đáng được gặp. Tôi tỏ bày kế hoạch, dự định của tôi. Họ tán đồng, họ cho chúng tôi Walter, một kỳ tài về hỏa tiễn và phi đạn. Tôi trở về Luân-đôn. Lúc bấy giờ là Lễ đăng quang của Nữ Hoàng. Tôi dâng kiến nghị. Nước Anh ở dưới chân tôi. Máy bay của tôi qua đây để xây cất cơ sở trên một ngọn đồi của Anh quốc, làm một cầu tàu trên eo biển để dễ tiếp tế. Tiếp tế từ nơi các bạn thân của tôi ở Nga. Các bạn ấy sẽ qua đây khuya thứ hai này với tiềm thủy đình. Nhưng khi tên phản động Tallon bắt được mùi, định tâu với Bộ trưởng nó, chưa kịp thì Krebs đã biết rồi. Có năm mươi bạn tình nguyện giết Tallon. Đầu phi tiễn với những khí cụ quý báu Bộ trưởng Anh giao phó cho tôi, sẽ được thay thế bằng một phi tiễn khác, đúng

cân nặng, đúng hình thù. Cái kia chỉ qua năm yên ổn ở Stettin rồi, bên kia màn sắt. Tiềm thủy đình sẽ đến đem chúng tôi đi trưa mai... »

Drax biết chằm biếm, biết khôi hài. Drax còn nói với Bond :

« Anh biết khi chúng tôi xuống tàu, chúng tôi sẽ làm việc gì trước nhất không ? Chúng tôi sẽ cạo phớt mấy bộ râu mép làm cho anh thường khó chịu. Thứ đầu trọc và râu mép này đã được săn sóc cẩn thận lắm đấy. Thử cạo đầu anh đi và để một bộ râu cho dày, chính mẹ anh cũng không nhìn ra anh nữa. »
(*Moonraker*, 151).

Ngày sung sướng của Drax đã đến. Cuộc phóng hỏa tiễn được tổ chức trọng thể. Dân chúng tụ tập đông đảo cùng với quan khách, có cả Bộ trưởng Tiếp vận là người đã ủng hộ chương trình này. Phóng viên báo chí, nhiếp ảnh viên của các đài truyền hình, tất cả hệ thống làm danh vọng sẽ làm nổi bật hình ảnh, tên tuổi, tài ba của Hugo Drax, một công dân đáng quý của Anh quốc.

Trước khi bấm vào nút phóng hỏa tiễn, Drax được giới thiệu cho công chúng, và cũng có diễn từ thường lệ. Nhưng lời nói của Drax không thường lệ chút nào và có vẻ lạ lùng, khó hiểu.

« Hỡi nam nữ người Anh, tôi sắp sửa thay chiều lịch sử của nước này. Trong vài phút nữa, đời sống của tất cả các người sẽ thay đổi ít nhiều vì việc phóng Moonraker này. Tôi rất kiêu hãnh và sung sướng được lựa chọn trong số đồng

bào của tôi để châm ngòi vào cái mũi tên hận thù này, sẽ vọt lên trời xanh để nói cho thế giới biết sức mạnh của tổ quốc chúng tôi. Tôi hy vọng cơ hội này đủ hiệu lực cảnh cáo rằng số kiếp những ai thù nghịch nước tôi sẽ được viết bằng tro bụi, bằng nước mắt và bằng máu. (Câu này chắc hẳn để đáp lại lời bắt hủ của Churchill khi hô hào đồng bào ông ta hy sinh để diệt Đức quốc xã). Bây giờ xin cảm ơn tất cả mọi người đã nghe tôi và thành thật ước ao tối nay, những ai còn có thể làm được, sẽ nhắc lại lời của tôi cho con cháu họ nghe nếu như còn có con cháu. ».

Drax đã bước ra cầu tàu, đã trèo lên tiềm thủy đỉnh và chiếc này đã lặn sâu. Hỏa tiễn vọt lên trời, không theo dự định của Drax rơi xuống để tiêu hủy thủ đô Luân-Đôn, mà đã rơi xuống bề, đúng nơi chỗ tiềm thủy đỉnh trong đó Drax và đồng lõa có lẽ đang cạo râu. Chương trình khác đi như thế, là còn nhờ ai khác ngoài James Bond mà Drax cần thận, đã giam cầm gần nơi dàn phóng hỏa tiễn.

Vũ khí nguyên tử lại được dùng một lần nữa trong truyện *Thunderball*. Toán sát-nhân thuộc cơ-quan Spectre, một chi nhánh của Smersh đã cướp được 2 bom hạt nhân và định dùng khí giới ấy để tống tiền hai chính phủ Anh và Hoa Kỳ. Nếu yêu sách họ không được thỏa mãn, họ sẽ cho thả hai quả bom trên hai thị-trấn quan-trọng nhất ở hai nước ấy. James Bond làm cho dự định của tên đầu sỏ Emilio Largo thất bại, nhờ sự giúp

đỡ của một người nữ, Domino, tình-nhân của tên lưu manh kia, trả thù cho người anh nàng đã bị Largo giết.

Khoa-học trong tay cuồng loạn.

Người cuồng tâm, thác loạn thường do đôi ý muốn nhất định, khiến họ dùng tất cả phương tiện để đạt tới mục phiêu khao khát. Cuồng tâm hay lẫn lộn với kỳ tài. Bao nhiêu nhà khoa học nghệ sĩ, chính-khách hay lãnh-đạo tôn-giáo đã được xem như là thác loạn với cuồng tâm. Những tội nhân danh tiếng có thua gì những danh-nhân mà lịch-sử ca ngợi, Jean-Paul Sartre, người vô thần, cũng đã tự ý phong thánh một chú trộm cắp lưu manh, ông Thánh Genêt, người đã viết quyền tiểu-thuyết tự-sự *Le voleur*. Một phần lớn nhân vật trong truyện Fleming đều có triệu chứng hoặc hành-động cuồng loạn cả. Khá tiêu biểu cho đám ấy là bác-sĩ Nô (*Doctor No*).

Nô là con của một mục-sư Hoa-kỳ và một thiếu phụ Trung-hoa, thuộc gia đình tử tế. Nô sinh ở Bắc Kinh như một đứa con cả mẹ và cha ruồng bỏ, may nhờ một người bà con bên mẹ nuôi nấng và cho đến khi lớn không hưởng được một chút yêu thương một khung cảnh đầm ấm và bình thường của gia đình nào cả. Lớn lên phải lo kiếm kế sinh nhai, nhập vào bọn Tống, chuyên môn ăn cướp, giết người. Đám người sống khinh thường pháp luật hiến cho Nô một hình ảnh tương xứng với sự chống đối và hận thù của y đối với người cha phản bội. Nô thích sự giết

chóc và phá hoại, không bao nhiêu lâu đã trở nên thông thạo với tất cả kỹ thuật tinh xảo về tội ác. Trốn sang được Hoa kỳ, nhờ một mật thư ở Trung hoa gửi sang giới thiệu, Nô được kết nạp vào một trong hai hệ phái của đảng Tống. Khi ba mươi tuổi, được giao cho trọng trách thu quỹ, giữ chừng trên một triệu mỹ-kim. Nô thêm số tiền ấy. Đến khi hai hệ-phái của Đảng bắt đầu sát hại lẫn nhau tại Nữ-Uớc, Nô lợi dụng tình trạng hỗn độn, đem triệu mỹ-kim trốn trong vùng Harlem, rồi lại nghĩ đến một chân trời nào mà sự trả thù của Đảng không thể đến được, ví dụ có vào khám Sing-Sing có lính canh gác cẩn thận cũng không tránh được sự thanh trừng của chúng. Phép nước cũng thua luật đảng. Rồi một hôm không trốn tránh đâu được nữa, Nô bị đồng đảng bắt và tra khảo. Nô ráng chịu, không khai triệu bạc để đâu hay làm gì rồi. Chúng bèn chặt hai tay Nô, để cho mọi người biết đây là một kẻ cắp, rồi bắn Nô một phát súng nơi tim, kết liễu đời của tên phản đảng. Mạng của Nô còn lớn. Bọn sát hại không biết Nô thuộc vào hạng đặc biệt, trong một triệu người họa chẳng mới có một, Nô không phải người thường có tim bên trái. Tim của Nô nằm bên mặt. Nhờ đó. Sau khi được đem vào bệnh viện cứu cấp, Nô sống sót. Trong thời gian chờ bình phục Nô suy nghĩ về cách tẩu thoát với số bạc khổng lồ của mình, cách giữ và cách dùng món tiền đó. Rồi khỏi bệnh viện Nô bèn đến hiệu Silberstein, hiệu bán tem lớn nhất ở Nữ-Uớc, và mua một phong thư với những tem quý nhất, đắt

tiền nhất, mà giá-trị được bảo đảm nhất trên hoàn cầu. Nô phải chờ mấy tuần hiệu bán tem mới thu thập đủ. Tất cả tiền Nô đã đầu tư nơi tem quý, vì tiên đoán thế nào cũng có chiến tranh, thì tem không sợ phải nạn lạm phát và giảm giá của hầu hết tiền tệ. Trong thời gian đó, Nô đã thay hình đổi dạng, làm ra những bàn tay giả, đổi tên ra là Julius No thiên cư đến tiểu-bang Milwaukee, nơi không có dân Trung-Hoa rồi xin vào trường y-khoa, chôn vùi trong sách vở, phòng thí nghiệm, đề nghiên cứu về thể xác và tâm trí con người, đề xem khả năng của mình có thể đến đâu, dùng mình cách thế nào cho hợp lý và có hiệu năng để đạt đến mục-tiêu ám ảnh Nô : chiếm đoạt cho được quyền sinh sát, và quyền cho sống cho chết, quyền chế ngự tâm hồn, thể xác, tính mạng của kẻ khác mà trên thế gian, dưới hình thức này hay hình thức khác, một cách gián tiếp hay trực tiếp, can đảm hay rụt rè, công khai hay hồ thẹn, đạo đức hay không đạo đức, một mình hay cùng với những kẻ khác, hầu hết người ta ngày đêm hằng theo đuổi hay mơ ước.

Nô mua được một hòn đảo hoang-vu, tên Grab Key vì nơi đó rất nhiều cua khổng lồ. Hòn đảo thuộc quyền nhà nước Jamanica, không có một dân nào ở, chỉ là một nơi có rất nhiều chim đến tụ, có nhiều rong biển, bao nhiêu điều kiện đầy đủ để nghĩ đến việc khai thác phân bón. Nô thuê một trăm người nông phu đến canh tác, định biến đổi phân chim ra vàng bạc. Không bao nhiêu năm, xí nghiệp đã hoàn thành và phát

triển bình thường. Nhà cửa được xây cất, sự liên lạc với Jamaica không có gì là đáng ngạc nhiên. Huê-lợi vào đều đều. Nô sắp sửa thực hiện phần kế tiếp của chương-trình riêng, thì chỉ có một con chim cản trở công việc, gây cho Nô những chuyện rắc rối khó khăn. Nguyên loài *roseate spoonbill*, thứ chim có chân hơi thấp, mỏ vịt, lông hồng, thường sống ở miền Nam Hoa-kỳ, bỗng trở nên hiếm. Thứ chim ấy tình cờ đã đến định cư nơi đảo của Nô. Được tin ấy những nhà khoa-học trong hội Aubudon đến tận nơi điều tra, rồi trú tính làm tại Crab Key một khách-sạn đề gần nơi sông để cho người thích chim đến xem, ngắm. Những nhà khoa học tưởng làm như thế sẽ vừa lòng chủ-nhân của hòn đảo vì tăng giá-trị và danh-tiếng của đất hoang-vu này. Nô sáng kiến phù hợp với tình cảnh. Sau khi nghiên cứu riêng giống chim không mời mà đến đó. Nô nhận thấy loài chim rất nhút nhát, sợ các tiếng động. Nô mới gởi mua một máy cày đầm, thứ máy ở Florida thường dùng đào đất tìm dầu hỏa. Nô đem về cho chạy đêm và ngày, nơi đây và nơi kia, khắp hòn đảo. Kết quả, thứ chim rất hiếm rất quý rời khỏi đảo hết. Được tin, hội Aubudon mở cuộc điều tra. Một chiếc phi cơ chở một phái đoàn đến bị nạn khi hạ cánh xuống đảo. Nô giúp vào việc tìm xác, thăm quan tài liệm các nạn nhân và gởi các quan tài trở về xuất xứ. Một chiến hạm lại đến điều tra, được Nô tiếp đón niềm nở, Tai nạn máy bay được trình bày hợp lý và chiến hạm phải trở về không biết gì hơn. Nhưng tình

báo các nước liên-hệ không phải dễ bị lừa và vì tình báo Anh-quốc làm việc quá đặc lực, Nô đã sai người đến Jamaica hạ sát những nhân-viên phòng tình-báo.

Nhơn sự kiện ấy, James Bond được phái đến Jamaica, để điều-tra, tìm nguyên nhân và thủ phạm. Đột nhập tại đảo Krab, Bond bị Nô bắt. Giáp mặt kẻ địch, Bond mới biết rằng Nô không phải là một người chỉ vì muốn bảo vệ sự yên tĩnh và hiu quạnh của mình hay vì giữ gìn bí mật kinh doanh mà đã kháng-cự mọi vô tình hay cố ý xâm nhập. Nô thuộc hạng gian hùng quốc tế, đứng hẳn về

SÁCH MỚI

— « **Đơn sơ** », tập thơ của Bích-Nga và Minh-Quân do Xây-Dựng xuất bản và các tác giả gửi tặng. Tập thơ gồm 61 bài, dày 126 trang, phụ bản của Mai-Sỹ, Hoàng-hương-Trang và Như-Trị. Bản đặc biệt không ghi giá bán.

— **Khoa-học và đức tin** của Nguyễn-văn-Ái do Nam Chi tùng thư xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang giới thiệu tư tưởng của Teilhard de Chardin, những phê bình Tư tưởng và tiểu sử của ông. Bản đặc biệt không đề giá bán.

— « **Đặc san Pháp Hoa** » số 1, do ban Chấp sự Hội-Thương Phật-Hội Pháp-Hoa Việt-Nam gửi tặng. Đặc san in ronéo 2 mặt ấn hành nhân dịp lễ Phật đản, gồm 82 trang, khổ giấy 21 x 27.

phía chống lại thế giới tự do, dùng đảo hẻo lánh làm căn-cứ chiến lược để làm những tội ác không tưởng tượng được. Căn-cứ của bác-sĩ Nô có nhiều chuyên-viên về truyền tin và điện-tử cùng một số phản gián tài tình khác, Chúng nghiên cứu tất cả ám-hiệu các phi thuyền của địch, rồi truyền tin xen vào để đánh lạc hướng các phi thuyền ấy nhất là những chuyến phi thuyền bí mật mà nước này hay nước khác thường gửi đi trong những vụ thám thính hay liên lạc đặc biệt. Những chiếc máy bay trong đêm có thể vì những tin tức sai lầm mà rơi xuống Đại-tây-dương hay tan vỡ trong rừng sâu của Nam-Mỹ.

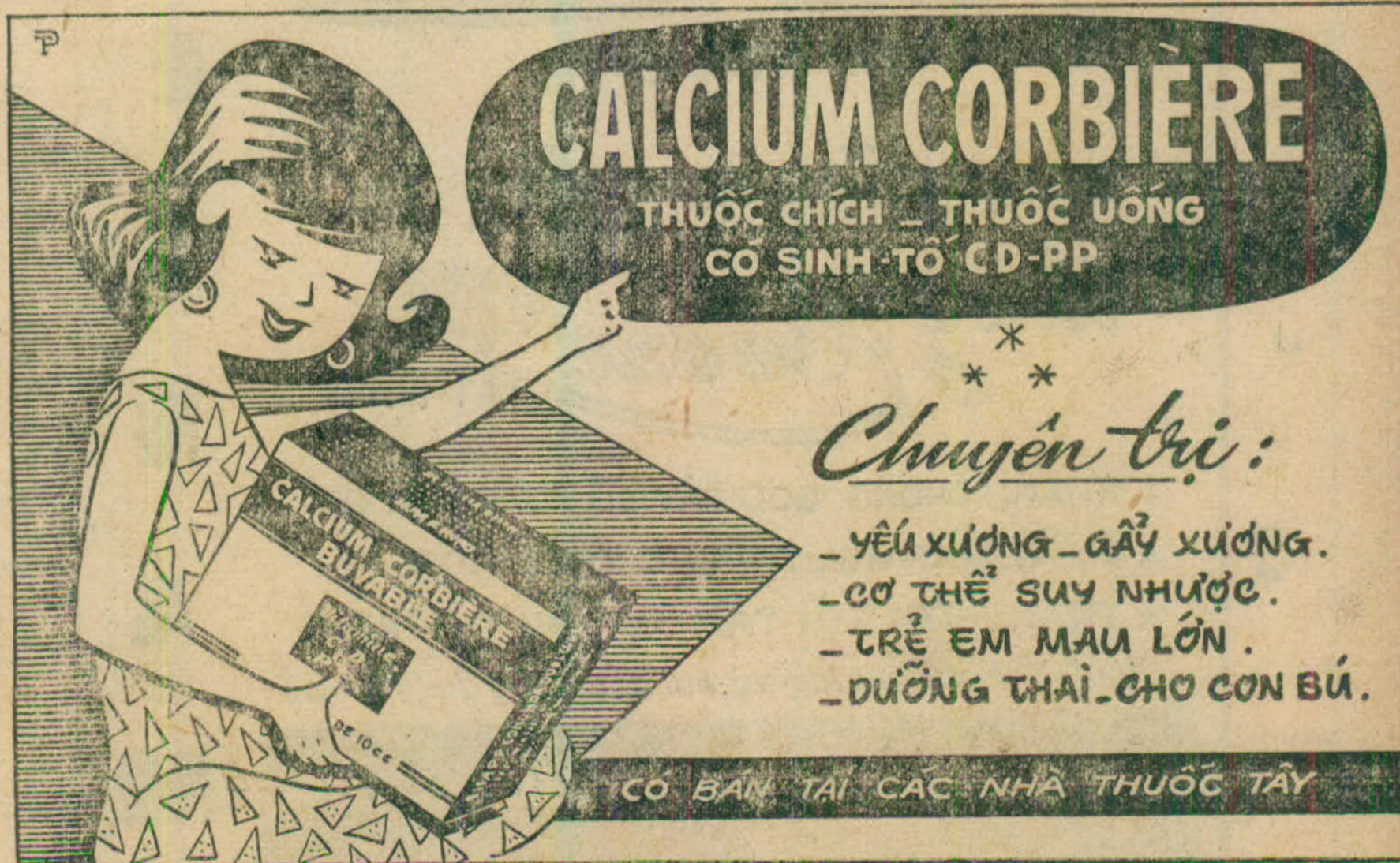
Một cơ sở có nhiệm vụ to tát như thế tất nhiên phải bảo vệ cho đến kỳ cùng và bác-sĩ Nô phụ-trách chương-trình vĩ đại ấy có đủ quyền và đủ phương-tiện để

thủ tiêu những kẻ háo kỳ. Gián-điệp chuyên môn như James Bond mà Nô chắc hẳn biết tông tích, được trưng trị thích đáng. Bond đã được thả trong hang của không lồ để bị xé thịt phân thây. Tuy nhiên, Bond thoát được ngục điện đó, nhảy thoát ra bề, tại đó có nuôi sẵn mực phủ để đón chờ người được may mắn gặp những cua không làm tròn phận sự. Một lần nữa, Bond vượt qua khỏi gian nguy và còn tiếp hạ được bác-sĩ Nô, lập thêm thành tích nữa để ghi vào bản công trạng khá dài, và Ian Fleming dụng ý đề trang hoàng thêm trong những truyện khác nữa.

(Còn tiếp một kỳ)

CUNG-GIỮ-NGUYÊN

Kỳ tới: *Nghệ thuật của Fleming —
Huyền thoại James Bond.*



CALCIUM CORBIÈRE
THUỐC CHÍCH - THUỐC UỐNG
CƠ SINH TỔ CD-PP

* * *

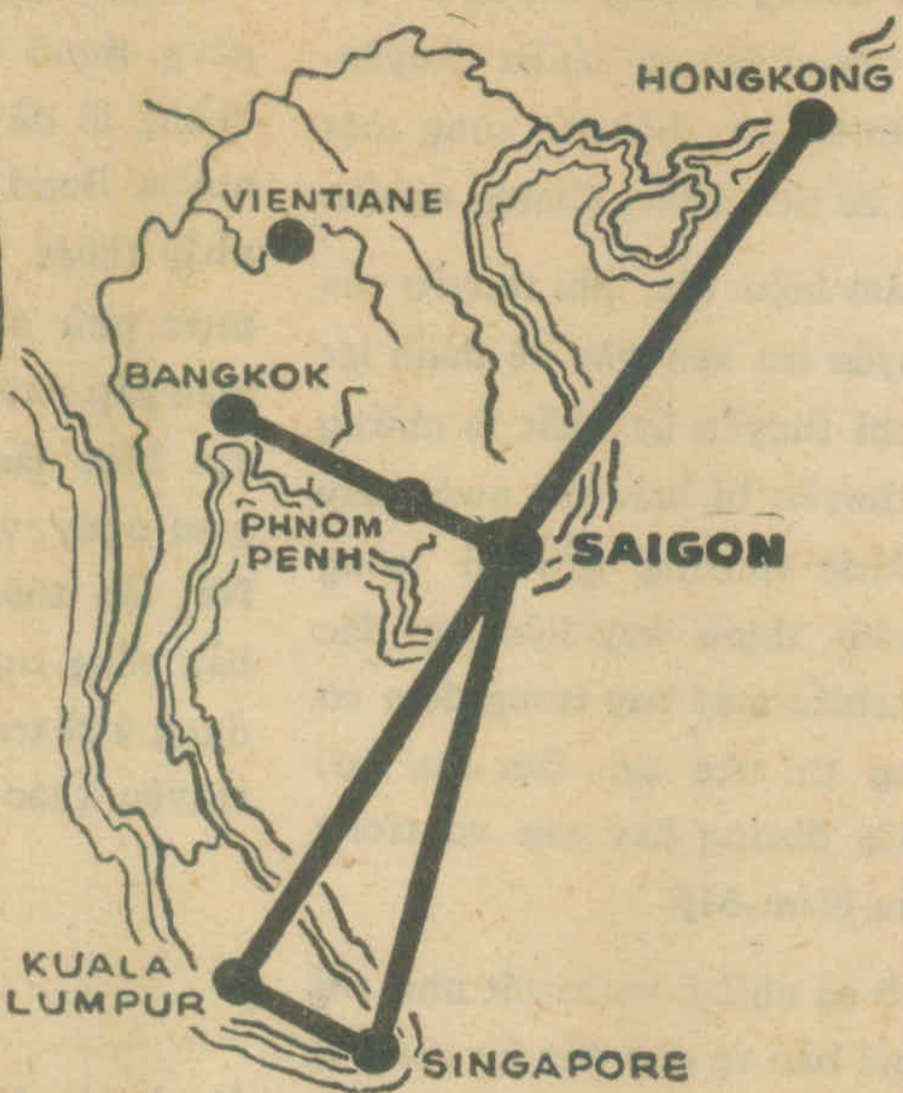
Chuyên trị:

- YẾU XƯƠNG - GÃY XƯƠNG.
- CƠ THỂ SUY NHUỘC.
- TRẺ EM MAU LỚN.
- DƯỠNG THAI - CHO CON BÚ.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

V
i
ệ
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
ô
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*
của
ĐƯỜNG BAY *Hasen* VIỆT-NAM
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THỀ-GIỚI

- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du-lich hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
5. NGUYEN-HUE. SAIGON. 21.624-625-646

NẠN LẠM - PHÁT

trên thế - giới hiện nay

ĐOÀN-THÊM

Hiện nay, nạn lạm phát đang hoành hành ở Nam Dương và nhiều xứ Châu Mỹ như Uruguay, Chili, nhất là Argentine và Brésil.

Tại các xứ đó, sản xuất kém nhưng tiêu thụ thì nhiều; số lợi tức do quốc gia thu hoạch rất ít, mà số chi phí lại gấp mấy lần; các chánh phủ mắc nợ, dự trữ vàng và ngoại tệ bị hao hụt; số giấy bạc phát hành phải tăng không ngớt; đồng tiền mất giá quá nhiều; giá hàng vọt cao và cứ lên mãi không biết tới mức nào; các tầng lớp đều chịu cảnh gạo châu củi quế, và cơ cực nhất là những hạng lãnh lương ba cọc ba đồng như công nhân, công chức, quân nhân...

Ở Brésil, so với mức 1958, giá sinh hoạt tăng hơn 11 lần, khối tiền tệ gấp 15 lần vào tháng 6/1965. Hối xuất của đồng bạc Cruzeiro 1958 là 138 đồng đổi được 1 Mỹ kim, thì nay là 1850 đồng 1 Mỹ kim. Các công ty ngoại quốc hoảng sợ đua nhau rút vốn, 69 triệu Mỹ kim đã bị chuyển qua xứ khác, riêng về năm 1962.

Argentine cũng bị khủng hoảng từ lâu. Giá chính thức mỗi Mỹ kim năm 1962 là 83 đồng Peso bản xứ, đã lên 135, 145, 172; giá sinh hoạt tăng gấp 7 lần.

Một nước lớn 22 triệu dân và hơn 2 triệu cây số vuông, đã được kỹ nghệ hóa và chỉ còn vền vện 150 triệu Mỹ kim dự trữ, nghĩa là chưa bằng của Việt Nam. Giấy bạc phát hành tăng thêm 47 tỷ 6 trong vòng 1 năm, từ 1963 qua 1964, nhưng chánh phủ vẫn không đủ tiền trả lương, cứ phải khuấy lần nhiều tháng; và bởi chi tiêu tăng quá nhiều rồi, chánh phủ không dám tung ra thêm, bèn trả công chức và các nhà thầu bằng những chứng phiếu có thể đem bán lại. Nhiều xí nghiệp bị phá sản vì thiếu phương tiện hoàn trái; nạn thất nghiệp lan tràn..

Trở lại gần chúng ta, thấy Nam Dương có thể thi đua tuột dốc với hai xứ Nam Mỹ. Khối tiền tệ, từ 186 tỷ Rupiahs (1962) lên 265 tỷ (1963) 395 tỷ (1964) và 600 tỷ (1965). Giá hàng hóa tăng 29% năm 1960, 67% năm 1961, 111% năm 1963, vào 150% năm 1965; riêng giá gạo vọt lên 183% so với giá 1963. Cuối 1964, muốn nhập cảng, phải tùy loại hàng mà mua Mỹ kim với giá chánh thức 520 đồng Rupiahs, 1.050 đồng, 1450 đồng... hoặc 4.262 đồng, còn giá chợ đen lên tới 10.000, hay trên 20.000... Tháng 7/1964, lương công chức và quân nhân được tăng 150%, với một «phụ cấp túi cơm, Food packet allowance» 1000

đồng mỗi tháng, và được miễn thuế lợi tức; tuy vậy, cũng chỉ đủ tiêu chừng một tuần lễ. Nên tới tháng 9, chánh phủ lại phải trả thêm bằng thực phẩm: 6 kí gạo và 2 kí lúa mì mỗi tháng cho mỗi người, không kể một số đường, dầu hỏa, xà bông vv... theo giá chánh thức.

oOo

Thực-trạng bi-đát như trên là hậu-quả của nhiều biến chuyển đặc biệt ở mỗi xứ, song ngoài ra, cũng do những sự-kiện tương-tự có thể coi là căn-nguyên chính-yếu của một bệnh-tình chung.

Trước hết, là sự bất-đôn trong lãnh- vực chánh-trị đã gây nhiều xáo trộn cho các kế hoạch kinh-tế. Ở Argentine, sau cuộc Cách-mạng lật đổ Perou (1956) bốn năm chánh phủ liên tiếp thay đổi chánh sách, lúc thì kiểm soát quá chặt chẽ, lúc thì buông thả rồi lại gò bó, khó lòng tiên- liệu và dự toán để xây dựng bền bỉ. Tại Brésil, 80 triệu người chen lấn nhau trong nhiều vụ đảo lộn và những cuộc xung đột khốc hại giữa nông thôn và thành thị, Trung ương và 26 Địa phương quân đội và chánh quyền dân sự; nên không mấy chương trình được thi hành liên tục để tới kết quả mong đợi. Bên Nam Dương, Sækarno cầm quyền từ 1945, song không nắm vững được tình thế, vì sự cạnh tranh nhiều phen đẫm máu của tôn giáo và đảng phái; ông lại theo đuổi một chánh sách bất nhất, khiêu khích và bài ngoại, làm tiêu tan tin

nhiệm là điều kiện tối yếu cho sự hợp tác và giao thương quốc tế.

Bệnh căn thứ hai, là sự lạm chi quá lớn khiến các ngân sách quốc gia bị thâm thủng mỗi năm một nhiều. Trong khi các chuyên viên chủ trương tiết kiệm, thì các chánh phủ ngả theo chánh sách mị dân, mua chuộc cử tri và đảng phái, hy sinh các dự án thiết thực cho những công trình xa xỉ, dùng tiền không đúng chỗ, vung tay quá trán dù để khuếch trương hay quảng cáo. Ở Brésil, mỗi nhóm lên cầm quyền đều cố tuyển thêm nhân viên để nâng đỡ bè phái. Tại Argentine, nhiều xí nghiệp bị quốc doanh hóa hay công sở hóa, và sự quản trị theo lẽ lối công chức đã chậm chạp lại gây hao tổn, đến nỗi phần lớn số thiếu hụt của ngân sách là do sự thua lỗ của các cơ sở kinh tế nhà nước (70 tỷ trên tổng số 97 tỷ, tài khóa 1964-65). Những nội các Nam Dương gồm hơn 100 Bộ trưởng cũng gây thiệt hại cho công nho như các dinh thự, khách sạn và miếu đường mà Sækarno ra lệnh xây cất để ghi công muôn thuở giữa lúc dân chúng thiếu ăn: chẳng khác gì những tạo tác vĩ đại và tối tân mà cựu Tổng Thống Kubitschek cố thực hiện ở tân đô Brasília. Ngân sách Brésil thâm thủng 760 tỷ Cruzeiros, thì ngân sách Nam Dương cũng thiếu hụt 168 tỷ Rupiahs, và hễ các chánh phủ túng tiền thì các ngân hàng quốc gia lại phải in thêm giấy bạc để cho vay. Cứ như thế không biết chừng dân chúng các xứ này,

sẽ phải gánh từng thúng bạc đi mua rau cũng như dân chúng Tàu 1945 khiêng vác từng bồ quốc tẻ đi chợ...

oOo

Đề đối phó với nạn lạm phát, tất các chánh phủ đều cố thi hành nhiều kế hoạch ổn định.

Ngoài những biện pháp đặc biệt thích ứng với những nhu cầu đặc biệt của mỗi xứ, các kế hoạch đều có đồng điểm và nhằm những mục tiêu quen thuộc : tránh xa phí, tăng số thu, giảm số chi để quân bình ngân sách ; tăng gia sản xuất và xuất cảng, đề tự túc và kiếm nhiều ngoại tệ ; thu thuế cao hầu hút bớt số bạc quá thừa trong dân gian ; nhờ ngoại viện hoặc vay nợ quốc tế để có phương tiện mua hàng ngoại quốc, lấy vốn trang bị và phát triển kỹ nghệ v.v...

Song công cuộc đó không thể hoàn tất mỹ mãn trong thời gian ngắn ;

ĐÌNH CHÁNH

Trong bài « Chung quang thời sự » của Đoàn Thêm đăng trên BKTD số 226 (1-6-1966) trước đây, trang 11, ngay câu đầu đã in thiếu như sau :

..André Maurois đã phân biệt thời kỳ tâm trạng tốt...

nay xin thêm cho đủ là :

André Maurois đã phân biệt thời kỳ tâm trạng xấu với thời kỳ tâm trạng tốt.

Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và quý vị độc giả.

hơn nữa, còn đòi hỏi điều-kiện tiên quyết là cải thiện guồng máy chánh-quyền duyệt lại những quyết-bình chưa hữu hiệu, huấn luyện đủ chuyên-viên, tổ chức thể nào cho các mệnh lệnh được tuân hành triệt để... Nhưng sự cải thiện này chỉ có thể thực hiện do một chánh-phủ sáng suốt và bền vững.

Thành thử các xứ lâm vào khủng hoảng tiền-tệ và kinh-tế, phải dứt khoát lựa chọn một trong hai đường lối : hoặc là cố giữ yên nội-tình để chống lạm phát; hai là mặc cho lạm-pháp theo đà ngựa chạy đề lôi cuốn toàn dân xuống hố, giữa những phong trào không chịu lắng.

Điều này rất dễ hiểu đối với những ai có đôi chút thường thức kinh tế, hướng hồ các chính khách và lãnh tụ. Song nhiều người trong các giới này, lại viện lẽ cần tranh đấu để thay đổi chế-độ hay lật đổ chánh quyền, mới mong có những sự cải thiện cần-thiết mà cứu vãn một tình trạng kinh tế suy sụp.

Cứ như thế, nên hơn mười quốc-gia trên thế-giới hiện nay chạy quanh trong một vòng lẩn-quẩn, chưa tìm đâu ra lối thoát. Nhà kinh-tế bảo tránh xáo trộn để chống lạm-pháp, nhà chính trị kêu chính vì phải chống lạm-pháp mà cần tranh đấu đến... hạt gạo cuối cùng ? Trong khi chờ đợi, vật giá cứ cao vọt mãi, đời sống mỗi ngày một khó-khăn, và dân-chúng cứ việc chịu cơ-cực để thấy tan dần giấc mộng ấm no.

Đ.T.

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S. A. au capital de : 120.000.000 F. F.

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 6è

SAIGON

36, Rue Tôn-Thất-Đạm

Téléphone : 21.902 — 3 Lignes

135, Đại-lộ Nguyễn-Huê

(Immeuble TAX)

Téléphone : 22.797 B. P. N° E-5

PHNOM-PENH

Moha ithei Preah Bat Norodom

(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 48

B. P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P. O. Box N° 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Phạm Duy và Tâm ca

LẦN ĐẦU TIÊN TÔI THẤY ÔNG LÃO-TỬ

☉ THÍCH-MÃN-GIÁC

Lần đầu tiên, trong một chốc lát, tôi nhận thấy ông Lão Tử... và bị lầm! Ông Lão Đam vốn chống sự hiện hữu của lễ nhạc... và tác dụng của nó. Hình như ông cho rằng có lễ nhạc, (trong trường hợp tôi nói đây là *nhạc*) thì xã hội nhân-sinh mất hướng thượng và chỉ xuống dốc.

Suy đến cực vi cực diệu thì Phật-giáo của chúng tôi và Lão-giáo của phái vô vi có chỗ *tương đồng*, cho nên trong khi mặc áo tu hành, chúng tôi vẫn dành một chỗ đáng tôn kính trong tâm tư. Nhưng có một hôm gần đây...

Vâng, đúng rồi, có một hôm gần đây. Vào ngày mồng Ba tháng Ba năm dương lịch này, tôi đã nói chuyện thuyết về *Ảnh hưởng Phật-giáo Nhật Bản sau Đệ Nhị thế chiến* trước một số đông giáo chức Phật tử Huế, tại chùa Từ-Đàm; và sau đó, ngay sau khi tôi nói

chuyện, cũng tại chùa Từ Đàm, ngay tại chỗ diễn giả vừa dứt lời, ban dân ca của anh Phạm Duy liền trình bày *Tâm ca và Trầm ca*. Trong khi anh Phạm Duy trình bày *Tâm ca*, có cả một thiếu nữ người Mỹ lấy tên Việt là Tuý Phượng đã đứng ra ca một bài *Tâm ca*...

Xin thú thật là khi nghe anh Phạm-Duy trình bày bài *Kẻ thù ta đâu có phải là Người* trong những bài *Tâm ca* tôi đã ứa nước mắt.. Và có thể nói là tâm hồn tôi đã trải qua một trạng thái *phong phú* chưa từng có trong đời tu hành của tôi. Tôi nói *phong phú* mà không nói *xúc-động, cảm động*... vì đó là một trạng thái mà ngôn ngữ không diễn tả được, văn chương không thể hiện được: tôi đã dùng tất cả cái nhứt trí của toàn diện phần hồn của một con người để đón tất cả những âm thanh từ những bài *Tâm ca* và *Trầm ca* nói chung, từ bài *Giọt mưa trên lá* đến bài *Nỗi buồn nhược tiểu*

tiều nói riêng, vọng lên và đi thẳng vào tôi như đi vào diện tích của một mảnh đất trống cũng như một khoảng không gian trống trải nào đó, đón hết cả một ngọn gió lớn không loại đi một hơi thở thiên nhiên thoang thoảng nào... Chung quanh tôi lúc ấy có cả một xã hội nhân-sinh rất nhỏ gồm có thính giả đã nghe tôi nói chuyện về văn hóa và nghe Phạm-Duy trình bày *Tâm ca*, ấy thế mà chính tôi quên mất sự có mặt của thiên hạ và sự hiện diện của chính mình ; cả tấm lòng của con người tôi tan vào những ngọn suối âm thanh dốc vào thính giác, tràn vào cõi tế-vi nhất của tâm hồn và hòa vào tế-bào của cơ-thể. Tôi lạ quá : có lẽ người ngồi đồng đón linh hồn những người đã khuất vào cơ thể biến thành những cá-nhân khác... cũng thế thôi !

Bỗng sực nhớ : dân tộc tôi đang đau thương vì chiến tranh, đương hận thù và máu xương, đương khóc, đương than.... đương cùng với cơ thể và tâm hồn đương tiếc đương thương của chính tôi.., đương hòa đương tan vào nhạc thương, nhạc than của *Tâm Ca* và *Trầm Ca* khóc chuyện khói lửa của đất nước ! Tiếng thở than chung vọng lên : tôi tưởng như nghe tiếng thở than của chính mình vọng từ cõi sâu xa nhất của chính tâm tư mình, vọng lên mệnh mông và vun vút...

oOo

Tạp-chí Bách-Khoa số 224 ra ngày 1-5-1966 có đăng một bài của giáo sư Lý-Chánh-Trung : « *Phủ nhận Tâm ca* »

và một bài khác của giáo-sư Nguyễn-văn-Trung « *Tâm ca của Phạm Duy hay Văn-nghệ phủ nhận chiến tranh hiện nay.* »

Bài trên đề cập đến giá trị *Tâm ca* của Phạm Duy, đến tác-dụng của *Tâm ca* đối với tác-giả bài báo, và bản khoản lo ngại cho cái « hiềm họa ảo tưởng và gian trá mà nó có thể tạo nơi người hát ». Người hát đây là Phạm Duy mà cũng là học sinh, sinh viên hát *Tâm ca*... Tác giả cũng khuyên thiên hạ hát *tâm ca* nhưng cũng nên kháng cự lại *Tâm Ca*; vì đó là « kinh nghiệm bản thân » của ông Lý-Chánh-Trung.

Bài dưới của giáo sư Nguyễn-Văn-Trung không theo một luận điệu như bài của giáo-sư Lý-Chánh-Trung nhưng cũng mấp mé bản khoản như vậy : chỉ có khác là ông Nguyễn-văn-Trung nói rằng : « Văn nghệ phản chiến phải đưa tới một tư tưởng chính-trị và một tranh đấu chính-trị... Không có tư tưởng chính trị và tranh đấu chính trị, văn nghệ phản chiến chẳng những không giải quyết được gì, mà còn có thể đưa tới những tác dụng nguy hại, huyễn diệu ».

Được nghe *Tâm Ca*, được biết rằng học sinh, sinh viên và thanh niên nam nữ say mê *Tâm Ca*, rồi được đọc hai bài báo phản ảnh hai luồng dư luận về *Tâm Ca* của hai giáo sư danh tiếng, dù muốn dù không, tôi cũng bản khoản đặt vấn đề với chính mình. Về *Tâm ca*, về tác-dụng của *Tâm ca*, và về dư luận về *Tâm Ca*.

Suy nghĩ rồi, tôi hệ-thống-hóa ý-tưởng của mình và viết bài này theo lời yêu cầu của một nhóm sinh viên đề đưa một luồng dư luận trong những luồng dư luận có đã sẵn có rồi. Ấu cũng là góp ý kiến với trí thức giới về một vấn đề văn nghệ và nhân sinh. Vô tình hay hữu ý, tôi đặt luôn vấn đề nghệ-sĩ và lịch-sử, và sứ-mạng của văn nghệ trong lịch sử. Và trong trường hợp này, tôi đề cập luôn đến tác dụng phản chiến của ca-nhạc-kịch. Nói một cách khác, văn nghệ có thể tránh hiểm họa gian trá và ảo tưởng được không văn nghệ có thể đưa tới một tư tưởng chính trị và một tranh đấu chính trị và có thể giải quyết một số vấn đề xã hội không? Có thể... không? Hay nếu có thể thì có thể tới mức nào?

Thật ra, lại gặp một vấn-đề quá cũ

Trước đệ-nhi thể-chiến những ông Thiếu-Sơn, Hoài-Thanh, Trương-Tửu, Hải-Triều... đã đôi phen bàn đến. Sau đệ-nhi Thể chiến các ông Thiên Giang, Tam-Ích... cũng đã thảo-luận. Và cũng đã có những cuộc bút chiến khá sôi nổi về chính những vấn đề ấy. Các ông Lý Chánh Trung, Nguyễn-văn-Trung và chính tôi, chúng ta nói ra đây những gì để kết thúc giùm cho chính những nhà văn ngày xưa chưa kết thúc ngã ngũ ra sao được? Đã biết rằng ngày nay rất có thể chúng ta mở xẻ một cách khác, dùng những danh từ khác, trích những câu văn khác của những danh-nhân tư-tưởng khác để củng cố thái độ của mình.

Nhưng đi hết một con đường lập luận, mỗi người chúng ta lại cũng sẽ trôi dạt qua một bờ, hai bên một biên giới.

Bài nhạc hay, bài văn hay... bài thơ hay, có cái hay đượm thuần túy của nó, nghĩa là nó chỉ biết cảm dỗ, gian trá, ảo tưởng... đề « bịp » lòng người, hay là nó phải đi sát một căn bản nhân sinh thiết thực trong lịch sử tranh đấu của con người, nghĩa là phải vọng lên một *chính nghĩa* chính trị? Nói một cách khác, nó phải vạch ra một tư-tưởng chính trị và một tranh đấu chính trị hay nó có quyền làm cái việc thông thường nhất là gây xúc động thôi; còn cái việc đưa tới một tư tưởng chính trị và một tranh đấu chính trị là việc của những *chiến-sĩ xã-hội*?

Thật là cơ khờ, lạy Phật!

Té ra, nếu tôi muốn ngồi vào bàn tròn trí-thức để góp ý-kiến trên văn-đàn, trước tiên tôi phải có một thái độ dứt khoát, nói toạc ra một kết-luận, ngô cho ra ngô, khoai cho ra khoai. Hay có trốn tránh chằng nữa thì cũng phải *dung hòa* cái lối ba phải! Phạm-Duy hơi (chỉ mới hơi thôi) bị công kích rồi đấy! Tôi bênh hay không bênh Phạm Duy đây nhỉ? Bênh thì chống với hai giáo-sư; còn nếu cùng đứng với hai giáo-sư một « *chiến-tuyến* » ý-tưởng thì tôi cũng đem Phạm Duy ra gần vành móng ngựa..»

Thật ra, tôi thấy hai giáo-sư Lý chánh Trung và Nguyễn-văn-Trung hơi nghiêm khắc. Đó, chính vì ở Nga-sô và Trung-

Cộng cùng Bắc-Việt, họ cứ đòi, đòi hoài... kiêu ấy làm giới văn-nghệ mất ăn mất ngủ đấy, làm cho văn nghệ không tiến-hóa, đứng ý ra một chỗ đấy ! Trong trường hợp Phạm Duy của chúng ta, lẽ tự nhiên là hai ông không đòi... theo ý hướng của Bác của Đảng, như ở xa xôi kia là lẽ cố nhiên, nhưng đòi ca nhạc (ở đây là Tâm Ca) phải gây một tư tưởng chính-trị chống chiến tranh, một tranh đấu chính trị chống chiến tranh... cho sát thì tôi cho rằng đòi một việc thiên nan vạn nan ở những nhà văn nghệ.

Văn nghệ phản chiến? Vậy ai đang ở trong vòng chiến?

Trực tiếp trong không khí chiến tranh là Chính-quyền Bắc-Việt và Chính-quyền miền Nam Tự-do; gián tiếp trong không khí chiến-tranh là tất cả các cường quốc có quyền lợi ở đây. Lấp ló chân trong chân ngoài là quân đội Hoa-kỳ (nếu không phải là có chân trong hẳn hoi). Văn-nghệ có chống họ thì họ cũng đã đánh nhau, đương đánh nhau và còn đánh nhau ! Phạm Duy là một cá nhân văn nghệ lẻ loi (ở đây nhà văn nghệ lẻ loi lắm, ngay cả trong Đạo cũng thế !) có lẽ đã chẳng muốn làm một việc khi biết trước là không đi tới đâu, mà lại mang tiếng là *huyền*. Thôi thì họ Phạm đánh nâng cao văn-nghệ lên một nấc nữa, kéo dài kích thước văn nghệ (danh từ này có một nhà văn hay dùng lắm !) ra cho dài thêm : kẻ thù chúng ta chẳng phải người này người kia mà là sự gian ác, sự hận thù, tính vô lương, lòng tham

lam, lòng tị hiềm, óc tự kiêu. Và chỉ vì muốn nâng cho cao, kéo cho dài mà Phạm Duy mang tiếng là « phản kháng tiêu cực » (ông Nguyễn-văn-Trung trang 44, *Bách Khoa*, số 224).

Có lẽ họ Phạm cho là những nỗi, những niềm, những mối có tên trong từ-điền là *gian ác, vô lương, tị hiềm, tự kiêu*... thường ăn sâu một lông mọc cánh trong tâm hồn con người, cần phải nhổ nó đi, dứt nó đi... thay, vào đó những thực-thể tâm-lý khác có tên là từ-bi, bác ái, hỷ-xả... Thì rồi tự nhiên oán hờn ghen ghét mất, và chiến tranh cũng mất theo. Con người mới sẽ hiện ra trên trái đất.

Đó là tôi tự đặt tôi vào địa-vị Phạm-Duy mà nghĩ vậy. Chứ cái việc bị công kích phải tự bào chữa cho mình là việc của nhạc-sĩ Phạm-Duy, thật quả tình tôi không dám chiếm sứ mạng của ai cả. Tôi chỉ biết trách hai giáo-sư hơi nghiêm khắc, thế thôi.

Và tôi vẫn đồng ý với Tchekov và Frédéric Fellini, một người xưa và một người nay, hai người đều có ý nói rằng nghệ-sĩ là người chỉ có một sứ-mạng phản ảnh nhân-sinh mà thôi. Còn việc cải tạo nhân sinh, hay là việc *giải-quyết* những vấn đề nhân sinh gây đau thương là của các nhà luân-lý hay là của những nhà an-bang tế-thế. Nghệ-sĩ giỏi thì tác-phẩm (văn, thi, họa, nhạc...) có giá trị ; nghệ sĩ dở thì tác-phẩm thiếu giá-trị và bị lịch-sử loại đi.

Dân tộc Việt-Nam đương chịu đau

nhất hay lẽ vô vi của Lão-giáo. Lễ nhạc đã có rồi, thì phải dùng nhạc để hướng con người về bản thể trạm-tịch thường hằng. Nghĩa là nhạc có tác dụng giáo hóa vậy.

Khi loài người chưa phát sinh và có thương vì chiến tranh. Phạm Duy là người phản ảnh đúng cái đau thương ấy và làm cho thiên hạ cảm động. Phạm Duy không phải là nhà luân-lý mà cũng chẳng phải là nhà chính trị. Ở đời ai lo việc nấy ai có sứ mạng nấy. Chung nhau mà lo thì lo được việc chung. " Dẫm lên chân nhau " thì hình như chỉ có một tác dụng là gây xáo trộn bất lợi cho đại cuộc.

Đã đành là ai cũng cầu nguyện cho có nhiều Maxime Gorki, Jack London... nhưng nếu lúc nào chúng ta cũng đòi cho có những Maxime Gorki thì lại là ảo tưởng hơn ai hết, hơn lúc nào hết. Đó là chưa nói tới văn nghệ gây xúc-động được là... làm được việc lớn rồi: Việc lớn khác sẽ đến sau. Nghe nhạc Phạm Duy sẽ cảm xúc... Sự buồn thương sẽ biến thành thương tiếc, niềm thương tiếc sẽ biến thành giận hờn, và có giận có hờn mới có vùng dậy. Khi con người vùng dậy là lịch sử giống chuông. Chuông lịch sử giống lên tức thiên hạ đứng lên.

Nhà nghệ sĩ dù sao cũng là người đã có công đánh tiếng chuông thứ nhất — lúc đầu. Dù chỉ là tiếng chuông suông cho người ta xúc-động suông mà thôi! Phải vậy chăng ?

Vậy thì nghệ sĩ là kẻ có công rồi đó. Sao chúng ta lại phủ nhận ? Tội nghiệp cho họ !

Bây giờ độc giả đã hiểu tại sao tôi lại nói ở đầu bài này rằng trong một chốc lát, tôi đã thấy ông Lão-Tử lăm... vì chính tôi, tôi thừa nhận tác-dụng của lễ nhạc. Và ở trường hợp này là Nhạc vậy. Không phải bỏ lễ nhạc đi thì con người mới trở về được với cái lẽ đăc

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Luận lâm I của Hồ-hữu-Tường**, do Huệ Minh xuất bản và tác-giả gửi tặng, sách dày 80 trang giá 30đ.

— **Poems and Short stories** Tuyển tập thơ và truyện ngắn của một số nhà thơ, nhà văn V.N Anh và Pháp ngữ của Hội Bút Việt, do Tin Sách ấn hành, giá 100đ.

— **Hiện diện mới** Tập thơ và truyện của một nhóm nhà văn thơ " hiện diện mới " dày 24 trang, khổ 14x28, giá 10đ.

— **Vạn Hạnh** tạp chí nghiên-cứu, phát huy Phật giáo và Dân-tộc, số Đặc biệt kỷ niệm Phật Đản 2510, với 40 tác giả và 2 nhạc phẩm của Phạm Duy, Thẩm Oánh. Bìa Sérigraphie của Hà Uyên. Bản đặc biệt.

mặt trên trái đất thì ông Lão-Tử có lý. Ngày nay, lễ nhạc đã cùng với loài người phát sinh rồi, thì ông Lão-Tử đáng tôn kính lại không hợp lý nữa, ngược lại ông Khổng-Tử lại có lý lớn, vì ông Vạn-thế-sur-biêu là người đã đặt vấn đề xác định văn hóa của âm thanh.

Ngay đến nhạc của cửa Thiền, chúng tôi cũng đã có từ ngàn xưa. Nói gì xa tôi, hãy nói chuyện gần : đó chỉ vì nghe tiếng nghe quen, nên tiếng mõ sớm, tiếng chuông chiều trở nên thông thường đấy

thôi : thực ra những âm thanh thông thường hằng ngày ấy đã từng tác-dụng. Con người vốn không kiểm soát nổi cái cõi cực tế cực vi của tiềm-thức và vô thức.

Vả lại tôi chưa từng thấy âm nhạc tôn giáo nào thúc đẩy sự oán hờn bao giờ. Từ trong mọi Phật-đường, giáo-đường bước ra, người ta vốn muốn gần nhau. Nhưng đi sâu vào đời sống ồn ào, tâm thể nó mới biến đi đấy mà thôi.

THÍCH MÃN GIÁC

Tác giả « Tâm ca của Phạm Duy » góp ý :

Nếu đọc kỹ hai bài cảm nghĩ về Tâm Ca, hẳn độc giả phải thấy rõ đối tượng của những suy nghĩ đó không phải là bàn nhạc về phương diện nghệ thuật mà là về những tác dụng của nó nơi người hát. Nói cho rõ hơn, thật ra là **nhân** hát Tâm Ca, suy nghĩ về những thái độ trước cuộc chiến tranh hiện tại. Do đó, không có vấn đề khen chê hay khắc nghiệt với nghệ sĩ, tuy thật ra trên phương diện nghệ thuật, đã rõ là chúng tôi khen, bằng chứng là chúng tôi đã thích hát Tâm Ca, và đã hát sau 10 năm không hát nữa. Nhưng khi viết : « Tâm Ca văn nghệ phản chiến phải đưa tới một tư tưởng chính trị, một tranh đấu chính trị » thì đó là nêu lên một **đòi hỏi** ở nơi người suy tưởng và làm chính trị, phải **tiếp tay** với nghệ sĩ đã làm xong vai trò của nó là nói lên, bày tỏ ra bằng hình ảnh, hình tượng, nhằm lay động tâm tình. Tôi đã viết : « Nếu nghệ thuật nhằm bày tỏ những tâm tình của một thời đại, một lớp người thì nghệ sĩ đã làm tròn vai trò của họ khi nói lên mọi tình tự của đa số người viết hiện nay » và « Tuy nhiên, trách nhiệm gây ra ảo tưởng lợi dụng không phải ở người nghệ sĩ vì họ đã làm xong vai trò của họ mà là ở suy tưởng với người làm chính trị.»

Tôi ngạc nhiên và hơi thất vọng vì thấy độc giả có thể hiểu lầm đến thế. Tôi càng buồn hơn khi nghĩ đến cuộc chiến tranh này, không phải chỉ là **một** chiến tranh, mà có hàng chục thứ chiến tranh khác nhau mắc mứu giao thoa với nhau, xuất hiện dưới đủ mọi hình thức, mà một trong những nguyên nhân chính gây nên tình cảnh bi đát này, phải chăng là sự ngộ nhận ? Trong ý nghĩ trên, tôi mong gặp lại Phạm Duy để đề nghị anh sáng tác thêm « Ngộ Nhận Ca » sau Tâm Ca và Phẫn Nộ Ca.

NGUYỄN VĂN TRUNG

CHUYỆN LẠ Y - HỌC :

HAI CUỐN LỊCH SỐNG

★ NGỌC VÂN

Người hay máy? Thiên tài hay đần độn? Đó là những câu oái oăm mà các nhà tâm lý bệnh học và các bác sĩ tại Viện Tâm Lý bệnh học Columbia, ở New York đang tự hỏi. Đã hơn ba năm nay bác sĩ Horwitz của Viện và các nhà tâm lý bệnh học nổi danh trên khắp thế giới đã theo dõi, quan sát, trải nghiệm và thí nghiệm sự phát triển tâm lý khác thường của hai anh em sinh đôi Charles và Georges.

Hai trẻ đần độn.

Khi bác sĩ Horwitz đã tình cờ tìm ra được hai người này trong một viện giáo dục các trẻ em kém trí khôn ở tiểu bang New York. Hai anh em Charles và Georges có tất cả những dấu hiệu thông thường của các trẻ em kém trí khôn. Năm nay 2 người đã 24 tuổi nhưng trí óc mới chỉ phát triển ngang với mức của một đứa trẻ lên 8 tuổi. Hệ số thông minh của hai anh em, sau ba năm khổ công rèn luyện ở Viện, chỉ mới tăng từ 40 đến 60. Trong khi đó với một người

bình thường thì hệ số này ở vào khoảng 100 cho đến 120. Cả đến hình dáng của hai anh em cũng không khác gì một đứa trẻ đần độn: tóc đều chỏm, mắt lé và cận thị nặng ẩn dưới hai cặp mắt kính dày. Mặt lúc nào cũng có vẻ sợ sệt, ngây dại. Khi ở trong phòng một mình thì chúng chơi thơ thẩn như trẻ con: đu đưa trên ghế, hát ê a hoặc mân mê mấy ngón tay. Khi thấy bác sĩ chăm nom chúng vào thì chúng reo lên như những đứa trẻ, nhảy lên ôm lấy cổ các bác sĩ hôn lấy hôn để.

Cũng như các trẻ em kém thông minh khác, cả hai anh em đều có khứu giác rất tinh. Chúng có thể nhận ra người quen hay quần áo của chúng mặc bằng cách ngửi. Khi đi chơi, chúng cũng tìm đường bằng cách « đánh hơi » như súc vật. Chúng không biết tính toán, dù chỉ là những tính nhân, chia, trừ, cộng dân dị nhất. Chẳng hạn như 2 lần 3 thì chúng bảo là 18; 6 cộng 4 là 31, và mua một gói đồ giá 5 đô-la, nếu đưa đồng 10 đô-la thì người bán hàng sẽ trả lại 27 xu

Hai cuốn lịch « sống »

Nếu chỉ có vậy thì ai cũng bảo hai anh em là đần độn. Nhưng tuy đần độn chúng lại có biệt tài, mà lại là biệt tài xuất chúng vượt hẳn khả năng của những khối óc thông minh và những máy điện tử tinh vi nhất. Đó là biệt tài có thể định rõ ngày tháng suốt trong khoảng thời gian hàng mấy chục ngàn năm trong quá khứ cũng như trong tương lai.

Chẳng hạn, chúng có thể cho ta biết ngày 28 tháng 8 năm 1591 là ngày thứ tư. Ngày 15 tháng 2 năm 2002 là ngày thứ sáu. Bao giờ hai anh em cũng trả lời rất nhanh và đúng ngay cả với những câu hỏi phức tạp như :

— Những tháng nào trong năm 2002 có ngày mừng một nhằm vào ngày thứ sáu ?

— Tháng ba, tháng hai và tháng 11.

— Ngày thứ hai trong tuần lễ thứ 4 của tháng hai năm 1993 là ngày mấy ?

— Ngày 22.

— Ngày 4 tháng 7 năm 42930 là ngày thứ mấy ?

— Thứ hai.

Những câu trả lời ra một cách dễ dàng, nhanh chóng và tự nhiên đến nỗi người ta có cảm tưởng rằng hai anh em là hai cuốn lịch điện tử bất tận. Chỉ cần bấm nút là có thể có tất cả các đáp số về ngày tháng trong quá khứ cũng như tương lai.

Hơn thế nữa, hai anh em lại có biệt

tài nhớ tất cả những gì có liên quan đến ngày tháng. Georges có thể nhớ cả thời tiết của bất cứ ngày nào trong khoảng năm năm, ngày nào bác thợ làm vườn bị bỏng vì tàn thuốc lá, ngày nào cô nữ điều dưỡng bị cảm. Cả hai anh em đều nhớ ngày sinh, ngày qua đời của tất cả các Tổng Thống Mỹ. Nhưng ệhỉ có các Tổng Thống Mỹ thôi. Các danh nhân và các nhân vật lịch sử khác, hai anh em không chú ý đến. Chúng có thể nhớ ngày phóng vệ tinh Spoutnik là vào ngày thứ sáu, mùng 4 tháng 10 năm 1957, nhưng chúng không biết và cũng không muốn biết Spoutnik là gì.

Tất cả kiến thức của hai anh em chỉ phát triển vượt bậc trong một lãnh vực rất nhỏ hẹp là ngày tháng và những gì liên can tới ngày tháng. Ngoài lãnh vực đó, hai anh em không biết gì hết và cũng không thể hiểu được những điều dẫn dịnhhất.

Thiên tài đần độn

Trong khoa tâm lý bệnh học người ta đã thấy có vài trường hợp tương tự. Các nhà tâm lý học không biết xếp loại những người như vậy vào loại người nào ? Thiên tài hay đần độn ? Và cũng không biết gọi các người có triệu chứng khác thường như vậy là gì. Họ đành phải dùng một danh từ ghép nghe rất trái tai « thiên tài đần độn ». Danh từ này đã được dùng lần đầu tiên tại Pháp vào thế kỷ thứ 19, chỉ những người có óc thông minh rất kém, nhiều khi đến mức ngu xuẩn đần độn, nhưng lại có

một khả năng trí thức đặc biệt, phát triển vượt bậc và hầu như không có liên can gì đến hoạt động tâm lý khác.

Các "thiên tài bẩm sinh", phần lớn đều là những người có tài tính toán, đôi khi có người giỏi về âm nhạc hay về niên lịch như trường hợp hai anh em sinh đôi vừa nói trên. Cho tới nay, mặc dầu những tiến bộ về y học, về phân tâm học và tâm lý học thực dụng người ta vẫn chưa hiểu và giải thích được "thiên tài bẩm sinh". Đối với Charles và Georges thì hiện tượng này lại càng đặc biệt hơn nữa vì cả hai anh em đều có biệt tài như nhau.

Hoàn cảnh gia đình

Bác sĩ Horwitz đã mời tất cả các bác học nổi danh trên thế giới đến khám nghiệm hai anh em. Họ đã làm đủ mọi thí nghiệm và trắc nghiệm: phân tích máu, quan sát nhiễm sắc thể của hai người bằng kính hiển vi điện tử, v.v... Họ chỉ biết hai người là hai anh em sinh đôi thành hình từ một trứng khi còn là bào thai và trong giòng họ hai người chưa có ai có triệu chứng tinh thần bất thường cả.

Charles và Georges có hai người chị, hiện làm y tá, đã có gia đình, có con và sống cuộc đời bình thường. Thực ra khi sinh chúng ra thì bà mẹ sinh ba nhưng mười hai giờ sau khi sinh thì đứa trẻ gái chết. Còn lại hai anh em, người ta phải nuôi trong lồng kính trong hai tháng vì thiếu tháng.

Cho đến khi được hai năm rưỡi, hai anh em lớn lên như các đứa trẻ khác

nhưng sau đó thì biểu lộ những triệu chứng bất thường. Suốt ngày la hét, dẩy dụa, đập đầu vào tường, cắn những người chung quanh, có khi cắn chính mình, đập phá luôn tay.

Hoàn cảnh gia đình của hai anh em cũng rất lộn xộn. Cha nghiện rượu và thường hay to tiếng cãi nhau với mẹ. Đã nhiều lần hai người muốn ly dị. Khi hai anh em lên ba, một bác sĩ nhi đồng cho bà mẹ biết là hai con bà thuộc loại trẻ em bẩm sinh, sẽ không bao giờ khôn lớn, trưởng thành được. Bà mẹ kinh ngạc, thất vọng và không buồn săn sóc gì đến hai anh em. Hai cô chị lớn đành phải lãnh lấy nhiệm vụ săn sóc và dạy hai anh em tập nói, tập tính toán.

Phát triển tâm lý

Cũng vào thời kỳ đó, Georges bắt đầu phát triển biệt tài tính ngày tháng. Người ta thấy nó ngồi hàng giờ chăm chú đọc một quyển lịch vĩnh viễn trong đó có ghi ngày tháng cho nhiều năm. Ông bố thấy vậy mừng lắm. Cho rằng trời đã đền bù cho đứa con ngớ ngẩn một biệt tài. Ông ta bèn mua cho Georges một bàn tính nhỏ để có thể tính các ngày tháng khác nhau. Trong vòng 4 năm Georges đã có thể tính ngày tháng rất nhanh mà không sai mảy may. Một bà cô của Georges làm thư ký cho một luật sư đã thường phải hỏi Georges về những ngày tháng của các văn kiện. Lúc đó Charles vẫn chưa để ý gì đến chuyện xem lịch hoặc đến việc tính toán ngày tháng. Có lẽ vì vậy mà Georges bao

giờ cũng trả lời các câu hỏi về ngày tháng nhanh hơn Charles một vài giây.

Khi lên 9 tuổi, người ta cho hai anh em vào học ở trường cho các trẻ em kém trí khôn. Từ đó không bao giờ hai anh em rời nhau, và Charles cũng bắt đầu để ý đến thú say mê của Georges. Hai anh em ở trong trường được 15 năm thì gặp bác sĩ Horwitz và được đưa về Viện Tâm lý bệnh học Columbia.

Bí ẩn khoa học

Cho đến nay vẫn chưa ai giải thích được những trường hợp "thiên tài dẫn độn" tương tự như trường hợp của hai anh em Charles và Georges. Biệt tài của hai anh em không phải nhờ trí nhớ. Họ có thể trả lời những câu hỏi về năm 40.000 là năm mà hiện nay chưa có quyển lịch nào ghi ngày tháng cả. Biệt tài ấy cũng không phải là biệt tài áp dụng hoặc ngụy ra một công thức để tính. Vì khi hỏi là hai anh em trả lời ngay, không do dự gì cả. Và lại, các thí nghiệm khác cũng chứng tỏ rằng hai anh em không thể làm nổi những tính nhân, chia, trừ cộng dân dị nhất.

Một điểm đặc biệt đáng ghi nhận là tất cả các «thiên tài đầu độn» đều vì

nguyên nhân này hay nguyên nhân khác, bị thương tích ở đầu hoặc óc ngay từ khi còn nhỏ những thương tích này khiến cho sự phát triển của trí khôn bị chặn đứng lại. Nhưng có một phần nào của óc vẫn còn nguyên vẹn nên tiếp tục phát triển, và phát triển vượt bậc như đề đền bù lại những thiếu sót của các bộ phận khác. Hiện tượng này tương tự như trường hợp các người mù thường có khứu giác rất bén nhạy. Hai anh em Charles và Georges cũng đã trải qua những kinh nghiệm như vậy. Khi mới lọt lòng, vì thiếu tháng, nên phải nuôi dưỡng trong lồng kính suốt hai tháng giời. Hệ thống não và thần kinh do đó có thể đã bị hư hại ngay từ ở trong bào thai vì thiếu dưỡng khí.

Đó mới chỉ là một trong nhiều lý thuyết đưa ra để giải thích nguyên nhân của hiện tượng «thiên tài dẫn độn». (ác biệt tài nay phát triển ra sao? Bộ óc của các người có biệt tài này làm việc như thế nào? Những yếu tố nào đã tạo nên biệt tài đó? Những câu hỏi nay hiện nay vẫn ở ngoài tầm hiểu biết của khoa học.

Theo Dr. Escoffier, Lambriot, e,
Le Monde 24/2-2/3/1966

và Gilles Lambest,

Le Figaro Litteraire, 6/1/1966

NHÀ XUẤT BẢN SÁNG TẠO ĐÃ CHO PHÁT HÀNH

Thời Thơ

(Tập Hạ)

của LƯƠNG-THẾ-NAM

(đồng thời cả hai tập Thượng và Hạ đóng vào làm một).

Tướng Mac-Arthur và «chiến tranh hạn chế»

● VŨ - BẢO

Cách đây 16 năm, cũng tháng này, vào ngày 25, trong khi Tổng Thống Hoa kỳ Harry Truman đang nghỉ mát tại quê nhà ở Missouri, trong khi tướng Mac Arthur tư lệnh Đồng minh tại Thái bình Dương còn đang ngủ một giấc ngon lành tại bản doanh ở Tokyo thì quân đội Bắc Cao tràn qua vĩ tuyến thứ 38 xuống Nam Cao.

Chiến tranh Cao Ly bắt đầu và kéo dài trên 3 năm. Nếu không kể tới số người bị thương và chết (995.600 người về phía Nam Cao và Đồng minh, 1.420.000 người về phía Bắc Cao và Trung Cộng) thì cuộc chiến tranh đó quả thật đã có nhiều giai đoạn kỳ thú : nào thủ đô Hán Thành mất rồi được tái chiếm rồi mất lại và lại được tái chiếm, nào trận đánh tại Đồi-không tên hay trận đổ bộ tại Inchon, nào cuộc nổi loạn của vũ binh Cộng sản tại đảo Kojé hay việc Tổng Thống Lý thừa Văn thả trong một đêm 29.000 tù binh, nào chiến dịch vu cáo Đồng minh mở cuộc chiến tranh vi trùng, nào cuộc thương thuyết dằng dai 2 năm rông tại Bàn môn Điếm...



Mac Arthur

Gần đây với chiến cuộc tại Việt Nam người ta lại càng hay liên tưởng với cuộc chiến tranh Cao Ly và một giai đoạn hiện nay được nhắc đến nhiều

nhất là vụ tướng Mac Arthur bị cất chức Tư lệnh Tối cao Đồng minh vì bất đồng ý kiến với Tổng Thống Truman trong việc nên hay không nên tấn công Trung Cộng để sớm kết thúc chiến tranh Cao Ly.

Ngày đó chính phủ Hoa Kỳ đã buộc Mac Arthur không được tới gần sông Áp Lục chứ đừng nói gì đến tấn công sang bờ bên kia. Đất Trung Cộng là một « thâm cung » (sanctuaire) bất khả xâm phạm.

Nhưng ngày nay tại Việt Nam thì chính giới Hoa Kỳ lại tuyên bố rằng Cao Mên hay Trung Cộng đều không phải là « thâm cung » nữa và nếu có lực lượng nào từ đó xuất phát mà tấn công vào quân đội Đồng minh tại Việt Nam thì Hoa Kỳ sẽ không ngần ngại sử dụng quyền truy kích.

Thế là chủ trương của Mac Arthur bị gạt bỏ tại chiến trường Cao Ly, 16 năm sau tại chiến trường Việt Nam, đã được coi như là một việc dĩ nhiên phải làm.

Cũng phải nhận rằng tình hình thế giới giữa 1950 và 1966 có vài điểm khác nhau.

Trước hết là hồi đó, Nga Sô và Trung Cộng còn đang còm đẻo cạnh ngọt, chưa đi tới chỗ đồ vỡ như ngày nay. Đánh vào Trung Cộng ngày đó là Nga Sô phải can thiệp, là Âu châu lại bước vào một đại chiến nữa, sau khi thế chiến thứ hai mới chấm dứt được 3 năm và tại hầu hết các nước các vết thương

giác già chưa được hàn gắn xong.

Ngày nay có đánh vào Trung cộng, Nga sô sẽ có thể nhơn danh khối xã hội chủ nghĩa mà nổi giận một cách dữ dội, nhưng không chắc gì Nga sô sẽ chịu chết thay cho đôi mắt đẹp của Mao Trạch-Đông.

Hồi chiến tranh Cao Ly, Anh quốc và Tổ chức Liên hiệp quốc cũng phản đối kịch liệt chủ trương « leo thang » của Mac Arthur và chính dư luận quốc tế đó đã bó tay Hoa kỳ rất nhiều. Ngày nay thì Anh quốc tán thành chính sách của Hoa kỳ tại Việt Nam, còn đa số các nước hội viên của Liên Hiệp Quốc nếu không chia sẻ quan điểm của Hoa kỳ thì cũng chỉ phản kháng lấy lệ.

Do đó mà chủ trương của Arthur từ 16 năm trước đây, nay bùng lên một ánh sáng thời sự và nhắc lại sự bất đồng ý kiến giữa Tổng Thống Truman và tướng Mac Arthur tướng cũng không phải là vô ích.

oOo

Ngày 15-9-1950, quân đội Đồng Minh đổ bộ tại Inchon thì 13 ngày sau họ chiếm lại được thủ đô Hán Thành. Giữa một thành phố hoang tàn vì khói lửa, trong một dinh thự chỉ còn trơ lại bốn bức tường, Mac Arthur làm lễ trao lại thủ đô cho chính phủ Nam Cao Ly. Khi ông ta đọc diễn văn, những mảnh kính vụn vẫn còn tiếp tục rơi lã chã. Mac Arthur mời mọi người cùng đọc kinh cầu nguyện rồi quay về phía Lý Thừa-Văn, ông ta nói :

« Thừa Tổng Thống, ngay sau đây các sĩ quan dưới quyền tôi sẽ cùng tôi trở về quân ngũ và chúng tôi xin trao lại Tổng thống và chính phủ trọng trách điều khiển công việc dân sự » .

Tổng thống Lý thừa Văn nắm lấy tay Mac Arthur, vừa cất tiếng nói thì nước mắt đã chảy giòng giòng :

« Ông là cứu tinh của dân tộc chúng tôi ». Và hướng về phía quân đội Đồng Minh, Lý thừa Văn bỏ sang một bên bài diễn văn đã sửa soạn trước, chỉ nói vắn vắn một câu : « Làm sao mà tôi nói hết được với các bạn lòng biết ơn vô tận của tôi và của dân tộc Đại Hàn ? » .

Ngày đó, cả thế giới sôi nổi bàn tán không hiểu quân đội Nam Cao rồi đây có vượt vĩ tuyến thứ 38 không, hay người ta sẽ để cho quân Bắc Cao nấp sau vĩ tuyến mà tổ chức lại hàng ngũ để phục hận.

Tổng thống Lý thừa Văn đã trả lời câu hỏi đó một cách mau mắn :

« Vĩ tuyến thứ 38 ở chỗ nào ? Làm gì có vĩ tuyến đó ! Tôi sẽ cho quân bắc tiến để thống nhất xứ sở tôi cho muôn đời sau, và không phải Liên Hiệp Quốc có thể ngăn cản nổi tôi ». Các sĩ quan Nam Cao thì vỗ vào kiếm của mình, hẹn ngày « rửa kiếm trên giòng sông Áp Lục » .

Người ta không phải chờ đợi quá lâu phản ứng của Trung cộng. Ngày 30 tháng 9, Chu ân Lai tuyên bố là Trung Hoa không thể ngồi im để mặc cho « đế quốc xâm lăng » Cao ly.

Trước sự đe dọa một cuộc can thiệp của Trung cộng, Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân Hoa Kỳ liền điện ngay cho Mac Arthur những chỉ thị hết sức rõ rệt :

« Mục tiêu của ta là đánh tan các lực lượng Bắc Cao. Để đạt mục tiêu đó, Thống Tướng được phép hành quân về phía bắc vĩ tuyến 38. Nhưng các lực lượng thủy, lục, không quân của ta không thể vi phạm bất cứ lý do nào để vượt biên giới giữa Cao Ly và Mãn Châu. Vì những lý do chính trị không một đạo quân nào, ngoài quân đội Cao Ly, được phép đem sử dụng tại các tỉnh cận biên. Các sự yểm trợ của không quân và hải quân cho những cuộc tảo thanh ở phía bắc vĩ tuyến đều không được phép tấn công vào lãnh thổ Mãn Châu » .

Muốn chắc chắn hơn, Tổng Thống Truman lại còn gửi tiếp theo một điện văn khác :

« Trong mọi trường hợp và bất kể những chuyện gì có thể xảy ra, Thống Tướng phải xin phép Hoa Thịnh Đốn trước khi có hành động gì nhằm vào các mục tiêu trên lãnh thổ Trung Hoa. »

Ngay từ khi nhận được các chỉ thị đó, Mac Arthur đã thấy rằng trong tương lai sẽ gặp rất nhiều khó khăn do những sự hạn chế nói trên. Từ nay Mãn Châu và Tây-Bá-Lợi-Á sẽ là những « thâm cung » bất khả xâm phạm mà Trung Cộng sử dụng để điều động binh lính tới sát chiến trường Cao Ly. Không được tới gần biên giới nghĩa là không được

phép ném bom vào các nhà máy thủy điện trên sông Áp Lục đang cung cấp tổng số điện năng cho Mãn Châu và Tây Bá Lợi Á, nghĩa là không được phép đánh phá trung tâm tiếp tế Racin cách biên giới có vài cây số và được dùng làm kho đạn dược, quân trang do Nga Xô đưa từ hải cảng Vladivostok vào để tiếp tế cho quân đội Bắc Cao.

Mac Arthur viết trong cuốn hồi ký của ông ta đã ghi rằng khi nhận được các lệnh đó "tôi có cảm tưởng như là người ta đang lần lần tước hết các kh₁ giới trong tay tôi."

Trung Cộng hình như biết rõ là Mac Arthur bị bó tay trong những chỉ thị của Hoa Thịnh Đốn, nên lặng lẽ huy động 56 sư đoàn quân chính quy gồm 498.000 người, nhập Mãn Châu và đóng sát bên kia bờ sông Áp Lục. Nếu kể thêm vào đó 370.000 địa phương quân, thì Trung Cộng đang chuẩn bị ném 868.000 người vào vòng chiến.

Ngày 6 tháng 11 Mac Arthur lên tiếng báo động là quân Trung Cộng đã vượt qua sông Áp Lục và ông tóm tắt tình hình như sau: "Trong khi quân đội Bắc Cao đã bị chúng ta tiêu diệt hay làm cho tê liệt thì một đạo quân tinh nhuệ sắp tấn công chúng ta. Đạo quân tinh nhuệ này được hỗ trợ bằng một số không lồ dự bị quân và một kho quân trang, vũ khí hết sức quan trọng, vừa tiện đường tiếp tế lại vừa ở ngoài tầm tấn công của chúng ta do những hạn chế chặt chẽ về vùng được phép hành

quân của chúng ta. Số dự bị quân kia có được đem ra sử dụng không và đến mức nào, điều đó còn phải chờ xem, nhưng chắc chắn là vấn đề này sẽ có những ảnh hưởng quốc tế vô cùng nghiêm trọng".

Cộng quân vẫn ùn ùn kéo qua sông và quân đội Liên hiệp Quốc càng ngày càng thấy gần nguy cơ bị tràn ngập dưới biển người đó nếu không chặn đứng lại được sức nước vỡ bờ kia

Mac Arthur bèn ra lệnh cho Tướng Stratemeyer cho 90 phóng pháo cơ B 29 ném bom xuống các cây cầu qua sông Áp Lục. Tin này về đến Hoa thịnh Đốn thì tướng Marshall, Bộ trưởng Quốc phòng lập tức đánh điện cho Mac Arthur phải ngưng ngay các cuộc oanh tạc.

Khỏi cần phải nói, người ta cũng đoán được tất cả sự bất bình của tướng Mac Arthur. Ông ta điện trả lời Hoa thịnh như sau:

"Chỉ có một cách độc nhất để chặn đứng sự xâm nhập của địch quân, đó là oanh tạc các cây cầu và các cơ sở tập trung ở phía Bắc sông Áp Lục. Mỗi một giờ chậm trễ sẽ phải trả với một giá đắt bằng xương máu của quân lính Hoa kỳ và Liên hiệp Quốc. Trung tâm chính cho việc xâm nhập của địch quân là thị trấn Siniuju. Trung tâm này phải được oanh tạc ngay và khi tôi gửi tờ trình này các phi vụ tấn công đang được chuẩn bị. Tôi phản kháng kịch liệt về các

chỉ thị mới nhận được nhưng tôi xin tuân lệnh ông Bộ trưởng mà cho ngưng ngay các cuộc oanh tạc. Tôi xin lưu ý ông Bộ trưởng tới những ảnh hưởng tai hại về vật chất cũng như về tinh thần do những hạn chế mà tôi phải chấp nhận. Tôi xin ông Bộ trưởng trình ngay việc này lên Tổng Thống vì tôi tin chắc rằng các chỉ thị của ông Bộ trưởng sẽ đưa tới một thảm họa mà tôi không thể nào lãnh nhận trách nhiệm nếu Tổng Thống chưa đích thân nghiên cứu và thấy rõ tình thế. Yếu tố thời gian là yếu tố quyết định, tôi khẩn khoản xin ông Bộ trưởng xét lại chỉ thị mới đây. Trong khi chờ đợi lẽ tất nhiên lệnh của ông Bộ sẽ được tuyệt đối tuân hành».

Sau bức điện văn quyết liệt đó, Hoa thịnh đốn nhượng bộ đôi chút và cho phép Mac Arthur được phép ném bom vào đầu cầu phía Cao Ly mà thôi. Tướng Stratemeyer đã lắc đầu :

— Làm sao mà thi hành được —
Hoa thịnh đốn phải biết như vậy chứ !

Tướng O'Donnell, Tư lệnh không quân Thái bình dương đã tả những phi vụ đó như sau :

«Chúng tôi không được phép bay trên một tấc đất Trung hoa nào cả. Trong khi đó sông Áp Lục chảy quanh co, chúng tôi phải lái phi cơ bay theo một đường ở phía cực Nam. Bên kia bờ, địch quân đặt cao xạ dọc theo giòng sông và bắn như mưa rào trên suốt đường bay của chúng tôi. Bọn tôi lãnh

đủ mà không được phép bắn trả, sợ vi phạm đất Trung hoa. Hơn nữa Cộng quân cho khu trục cơ bay ở bên kia bờ song hành với phi cơ chúng tôi và chờ lúc thuận tiện lên cao vút khoảng 10.000 thước rồi đâm bổ xuống chúng tôi, nhả hết đạn, sau đó ung dung trở về thâm cung của họ.»

Một phi công Hoa kỳ bị bắn hạ theo kiểu này, một cánh tay bị đứt hẳn, gặp khi Tướng Mac Arthur đến thăm, đã thều thào nói vào tai Mac Arthur :

— «Thưa Thống Tướng, bọn ở Hoa thịnh đốn chúng đứng về phe nào?»

Mac Arthur chau đôn lạng người đi nhưng không biết trả lời ra sao hết.

Với sự tham chiến của Trung Cộng, và những sự hạn chế hành động của tướng Mac Arthur, tương quan lực lượng đã lật ngược hẳn và Mac Arthur thực sự đã không còn đủ phương tiện và quyền hạn để đối phó với tình thế mới.

Kết quả là quân đội Đồng minh đã phải tháo lui chối chết cho cho khỏi bị bao vây, Bình Nhưỡng rơi vào tay Cộng quân và Hán Thành bị thất thủ lần thứ hai, tướng Ridgway phải triệt thoái trên 100 cây số về phía Nam vì tuyến 38. Báo chí Hoa kỳ hoảng hốt cho rằng Đồng minh chỉ còn chờ ngày bị hất ra ngoài biển.

Nhưng không một lúc nào, Mac Arthur nghĩ rằng mình có thể thất bại. Trái lại ông ta luôn tin tưởng rằng nếu được

xử dụng binh lực không hạn chế ông ta không những có thể cứu được Cao Ly mà lại còn đủ sức giáng cho Trung cộng những ngọn đòn chí tử để tiêu diệt tiềm lực gây hấn của Bắc kinh trong nhiều năm sắp tới.

Mac Arthur thảo một tờ trình dài về quan điểm của mình, gửi về Hoa Thịnh Đốn và ông xin phép được áp dụng 4 biện pháp trả đũa Trung Cộng:

- 1) phong tỏa bờ biển Trung Hoa.
- 2) oanh tạc các cơ sở kỹ nghệ.
- 3) cho tăng cường quân số ở Cao Ly bằng các đội quân mà Thống chế Tưởng giới Thạch sẵn sàng gửi tới.
- 4) cho quân đội Đài Loan thanh đông kích tây ở miền duyên hải, đồ bộ nếu cần để cầm chân Trung Cộng.

Mac Arthur viết trong tờ trình: «Trước đây chúng ta không áp dụng các biện pháp này vì ngại Trung Cộng can thiệp. Nay Trung cộng đã can thiệp rồi chúng ta không còn phải giữ ý gì nữa.

«Câu hỏi đặt ra là các biện pháp đó có khiến cho Nga sô nhẩy vào vòng chiến không? Về phần tôi, tôi vẫn nghĩ rằng Nga sô có quyết định gây một cuộc thế chiến nữa hay không là tùy thuộc nhận xét của họ về cán cân lực lượng của đôi bên và chỉ khi nào họ biết chắc là họ sẽ thắng trận chứ không phải vì lý do nào khác. Chúng ta mà bỏ Cao Ly thì hậu

quả đối với các dân tộc Á châu không thể nào lường được. Ấy là chưa kể tới việc Trung cộng sẽ có thêm nhiều cơ hội gây hấn ở những nơi khác quan trọng hơn.

«Tôi hiểu rõ những những nhu cầu của nền an ninh Âu châu và đồng ý là phải làm tất cả những điều có thể làm được tại khu vực đó, nhưng không thể nào mà tới mức phải chấp nhận một sự thất bại ở bất cứ nơi nào khác, vì chấp nhận như vậy sẽ đưa tới cả sự thất bại ở Âu Châu. Theo chỗ tôi biết, hệ thống phòng thủ Âu Châu ít ra phải hai năm nữa mới hoàn thành. Nay ta xử dụng binh lực ở Viễn Đông, không những đã không phương hại tới nền an ninh Âu Châu mà lại còn giúp cho quân đội ta thiện chiến thêm đề sau này nếu cần có thể dùng ở Âu Châu, trong khi đó Âu Châu lại có đủ thì giờ phát triển và củng cố khả năng quân sự của mình».

Tờ trình của Mac Arthur vừa sáng sủa trong quan niệm, vừa thực tế trong các biện pháp đề nghị, nhưng đã được Hoa Thịnh Đốn trả lời từ chối một cách khéo léo: phong tỏa bờ biển Trung Hoa thì phải thương thuyết với Anh Quốc về vấn đề Hồng Kông, oanh tạc các cơ sở kỹ nghệ thì chỉ có thể làm được khi nào Trung Cộng tấn công một nơi nào khác ngoài Cao Ly, sự giúp đỡ của Đài Loan không đủ để lật ngược tình hình ở Cao Ly, và lại nên dành thể cớ đó cho một trường hợp sau này... vân... vân...

Nghĩa là theo Hoa Thịnh Đốn thì không làm gì mới cả, cứ gắng gượng cầm cự, đến đâu hay đó, quá lắm thì rút khỏi Cao Ly kéo về Nhật Bản. Thực ra thì Hoa Thịnh Đốn đang ngả theo khuynh hướng muốn thương thuyết với Bắc Kinh, nếu cần thì nhượng bộ Trung Cộng cả về vấn đề Đài Loan và biểu Bắc Kinh một ghế ngồi ở Liên Hiệp Quốc, để chấm dứt cho rồi cuộc chiến ở Cao Ly.

Giữa lúc đó thì xảy ra vụ Joseph Martin làm cho mối tương quan giữa Mac Arthur và Hoa Thịnh Đốn càng gay gắt thêm. Joseph Martin là nghị sĩ của đảng Cộng Hòa, lãnh tụ thiểu số tại Quốc Hội Hoa Kỳ.

Ngày 21 tháng 2 năm 1951, Martin kêu gọi « mở một mặt trận thứ hai tại Á Châu » bằng cách cho quân đội của Thống chế Tưởng giới Thạch tham chiến. Ông ta tuyên bố ông « tin chắc là tướng Mac Arthur tán thành việc mở mặt trận đó ». Joseph Martin cũng đã kích quan niệm chiến tranh hạn chế :

« Nếu chúng ta đem quân giúp Cao Ly mà không phải để chiến thắng thì phải đem chính phủ Truman ra xử tội để trả lời về việc đem sát hại hàng ngàn thanh niên Hoa Kỳ ở "Cao Ly" »

Nếu Joseph Martin chỉ tuyên bố lớn một mình thì không sao, đảng này Martin viết thư hỏi ý kiến Mac Arthur về các lời tuyên bố đó

Và Mac Arthur trả lời như sau :

« Quan điểm của tôi đã được trình bày trong chi tiết với Hoa Thịnh Đốn.

« Đối với võ lực chúng ta phải trả lời bằng võ lực. Ý kiến của nghị sĩ đề nghị xử dụng quân đội Đài Loan là xác lý. Hình như có một số người không hiểu nổi là Cộng sản đã chọn Á Châu để khởi hấn nhằm chinh phục thế giới, và ở đây chúng ta đang bảo vệ Âu châu bằng võ khí trong khi các nhà ngoại giao còn đánh giặc bằng lời nói xuông. Nếu chúng ta thua Cộng Sản ở Á châu, chúng ta sẽ không giữ nổi Âu châu ; nếu chúng ta thắng, Âu châu sẽ tránh khỏi chiến tranh và bảo vệ được tự do của mình. Như nghị sĩ đã nói chúng ta phải chiến thắng. Không cái gì thay thế được chiến thắng cả ».

Mac Arthur chỉ nghị rằng nhận được thư thì phải trả lời, không dè Joseph Martin đem công bố thư đó lên khiến Tổng Thống Truman ở vào một tình thế thật tế nhị.

Cùng lúc đó ở mặt trận Cao Ly, Mac Arthur ra một thông cáo về chiến sự. Thông cáo chỉ là một việc làm thường lệ nhưng trong đó có đoạn như sau :

« Chiến cuộc ở Cao Ly đã phát lộ ra một điều là kẻ thù mới, Trung Cộng, không có đủ những phương tiện kỹ nghệ để theo đuổi một cuộc chiến tranh lâu dài. Trung Cộng chưa đủ sức sản xuất và duy trì những chiến cụ cho không quân và hải quân. Trung Cộng không

thề tự cung cấp chiến xa và trọng pháo. Lúc đầu thì với số nhân lực khổng lồ, Trung Cộng có thể trám được những lỗ hổng đó. Nhưng với kỹ thuật mới của chiến tranh ngày nay, quân số và sự can đảm dù là cường tin cũng không còn đủ thắng nữa.

« Mặc dầu quân đội Liên Hiệp Quốc bị hạn chế hành động, và mặc dầu Trung Cộng khai thác được các hạn chế đó, Trung Cộng cũng đã không đủ sức chiếm Cao Ly bằng võ lực. Kẻ thù chắc đã nhận thấy một cách đau đớn rằng nếu Liên Hiệp Quốc từ bỏ thái độ hạn chế ngày nay mà mở rộng mặt trận ra miền duyên hải và tại vài yếu điểm ở lục địa, Trung Cộng có thể bị xụp đổ hoàn toàn về quân sự. Nếu chỉ giải quyết chiến tranh Cao Ly trên bình diện đó thì đâu có khó, miễn là người ta đừng mớ nổi vấn đề Cao Ly với những vấn đề ngoại giới như là quy chế Đài Loan hay ghế ngồi của Trung Cộng tại Liên Hiệp Quốc. »

Thông cáo này đã là giọt nước làm tràn ly. Liên Hiệp Quốc và Hoa Thịnh Đốn cho rằng « kiêu binh » Mac Arthur đã muốn phá vỡ những cố gắng thương thuyết với Trung Cộng.

Tổng Thống Truman sau này viết trong hồi ký : « Với bản thông cáo đó, Mac Arthur đã không còn để cho tôi sự chọn lựa nữa và tôi không thể chấp nhận lâu hơn sự bất phục tùng của ông ta. »

Truman triệu tập Thượng Hội Đồng

An Ninh quốc gia và sau khi lấy ý kiến mọi người, bèn quyết định cất chức tướng Mac Arthur trong các nhiệm vụ Tổng Tư Lệnh quân đội đồng minh, Tổng Tư Lệnh lực lượng Liên Hiệp Quốc và Tổng Tư Lệnh quân đội Hoa Kỳ ở Viễn Đông.

Truman điện cho thứ trưởng quốc phòng Pace hiện đang viếng thăm mặt trận để báo tin cho Mac Arthur. Rủi làm sao một anh ký giả lấy trước được tin đó, bán cho một tờ báo ở Chicago và tòa soạn cho chạy máy in luôn.

Truman không còn đủ thì giờ để giữ đầy đủ lịch sự với Mac Arthur nữa, vội vã triệu tập một cuộc họp báo vào 1 giờ đêm ngày 11-4-1951 và trao cho báo chí bản thông cáo như sau :

« Tôi hết sức ân hận phải đi tới kết luận là tướng Douglas Mac Arthur sẽ không thể nào ủng hộ toàn vẹn chính sách của chính phủ Hoa Kỳ và của Liên Hiệp Quốc. Với trách nhiệm Hiến Pháp Hoa Kỳ đã trao cho tôi, cộng thêm với trách nhiệm mà tôi được Liên Hiệp Quốc ủy thác, tôi bó buộc phải thay thế vị Tổng Tư Lệnh ở Viễn Đông. Tôi đã giải nhiệm tướng Mac Arthur và cử tướng Mathew Ridgway thay thế. « Sự tự do thảo luận các vấn đề chính trị quốc gia là một yếu tố sống còn trong Hiến pháp của nền dân chủ Hoa Kỳ. Nhưng các vị chỉ huy quân sự luôn luôn phải áp dụng chính sách quốc gia và tuân theo các chỉ thị của chính phủ, như luật lệ

và Hiến pháp đã trù liệu. Trong những giai đoạn nghiêm trọng, điều đó lại càng cần thiết.

« Thống tướng Mac Arthur được lịch sử Hoa Kỳ ghi nhận là một vị chỉ huy quân sự lỗi lạc. Quốc dân chịu ơn ông về những huân công rực rỡ trong những năm ông phục vụ Tổ quốc ở những chức vụ trách nhiệm hết sức nặng nề. Vì lý do đó mà tôi cần nhắc lại, tôi rất ân hận trước quyết định mà tôi tự xét thấy bó buộc phải làm. »

Các hãng thông tấn loan tin liền sau buổi hội báo và khi Bộ trưởng Pace chuyển được quyết định của Truman cho Mac Arthur thì đương sự đã hay tin trước đó 20 phút.

Mac Arthur đang dùng cơm trưa với hai người bạn và đang cười lớn về một câu pha trò. Bà Mac Arthur nhìn ra cửa sổ bỗng thấy bộ mặt hoảng hốt của đại tá Sidney Huff, sĩ quan tùy viên. Bà ta nhẹ nhàng đứng dậy ra bên cửa, và được Huff, nước mắt chạy quanh, kể lại tin vừa nghe ở đài phát thanh.

Bà trở lại phòng ăn đề tay lên vai chồng rồi khẽ nói cho chồng biết. Mac Arthur không đề lộ một chút sức động nào, ngồi im một lát rồi ngược mắt lên nhìn vợ, nói bằng một giọng êm đềm nhưng đủ để cho khách cùng nghe :

« Jenny, thế là chúng ta sắp được trở về quê nhà ».

oOo

Một vũ nghiệp sáng lạn, đã được chấm dứt một cách hết sức tàn nhẫn. Như

Mac Arthur sau này có dịp nhận xét : « Muốn cho một chị hai nghĩ việc người ta cũng không thể thiếu hẳn một chút lịch sự sơ đẳng như là đối với tôi ». Mac Arthur trở về Hoa Kỳ như là nạn nhân của một sự bất công và ông được đón tiếp một cách vô cùng nồng nhiệt. Ở một nước đánh giá sự hoan nghênh của dân chúng bằng trọng lượng giấy và confetti mà dân chúng Nữ Ớc từ những nhà chọc trời thả xuống đầu các vị nhân diễn hành dưới các đường phố, Mac Arthur đã ghi được một kỷ lục đặc biệt : ông đã đón nhận được 3,249 tấn giấy đủ màu, đủ loại trong khi Charles Lindbergh sau chuyến bay đầu tiên qua Đại Tây Dương năm 1927 chỉ tiếp nhận được có 1.750 tấn (1).

Quốc hội Hoa kỳ đã dành cho Mac Arthur một vinh dự hiếm có. Cả Thượng nghị viện và Hạ nghị viện họp chung một phiên khoáng đại biểu quyết một kiến nghị «Quốc hội và Dân tộc ghi ơn». Mac Arthur đã đọc một diễn từ, lời lẽ cảm động và sau đây là mấy đoạn chính :

«Hôm nay tôi muốn được hầu chuyện quý vị, lòng không một chút đắng cay, không một chút giận hờn khi bóng chiều đã ngã trên một cuộc đời dốc hết vào sự phục vụ xứ sở và nay đã gần tới mãn kỳ...

Người ta đã gọi tôi là một kẻ muốn mở rộng chiến tranh Không còn có điều

(1) Kỷ lục của Mac Arthur vừa bị phá gần đây Sau chuyến bay không gian, John Glem đã được dân Nữ Ớc dội trên đầu 3.474 tấn giấy.

nào xa sự thực hơn! Tôi chỉ nghĩ rằng khi chúng ta bị buộc phải lâm chiến thì phải làm đủ mọi cách để chấm dứt chiến tranh một cách mau chóng. Mục tiêu của chiến tranh là sự thắng trận chứ không phải là một sự do dự kéo dài. Trong một cuộc xung đột không cái gì có thể thay thế được chiến thắng. Quân lính của tôi hỏi tôi tại sao lại nhường cho địch những lợi thế quân sự trên chiến địa? Tôi thú thực không tìm thấy câu trả lời...

Hôm nay tôi chấm dứt 52 năm quân ngũ. Khi tôi bước chân vào quân đội, — lúc đó thế kỷ này chưa khai sinh —, tôi thấy như đã thực hiện được những khát vọng của tôi và bao nhiêu hoài bão tuổi thơ của tôi đã trở thành sự thực. Trái đất đã quay nhiều lần từ khi tôi tuyên thệ tại trường võ bị West Point nhưng từ đó các hoài bão, các khát vọng của tôi đã tiêu tan hết. Tôi còn nhớ điệp khúc của bài ca mà

hồi đó chúng tôi thường hát trong các doanh trại. Lời ca hùng tráng nhắc tới những lão binh chỉ mờ khuất mà không bao giờ chết. Giống như người lão binh trong bản điệp khúc, tôi chấm dứt cuộc đời quân ngũ để mờ khuất như một người lính già đã cố gắng làm nhiệm vụ của mình với tất khả năng mà Thượng đế cho phép, Xin kính chào vĩnh biệt».

Trở về tới quê nhà, người lão binh còn nhận được 20.000 bức điện tín và 150.000 bức thư chờ sẵn, và trong nhiều tháng sau dân chúng Hoa kỳ còn tranh luận sôi nổi về quan điểm của tướng Mac Arthur chống đối lối «chiến tranh hạn chế», «chiến tranh phong cầm» có vào dân ra của Tổng Thống Truman.

Tới đầu năm 1964, lão binh Mac Arthur mới khuất mờ hẳn, hưởng thọ 84 tuổi, sau khi đã vào lịch sử ngay từ lúc ông còn sống.

VŨ BẢO

Bạn đọc đón coi :

HAI MƯƠI NĂM QUA

của **ĐOÀN THÊM**

Việc từng ngày, từng tháng, từng năm (1945-1964): Quốc tế, Chính trị, Quân sự, Hành chánh, Kinh tế, Tài chánh, Văn hóa, Xã hội...

Xin hỏi : Ô. PHÙNG TẮT ĐẮC Kim Lai ấn quán : 3 Nguyễn Siêu Saigon

Bạn đã đọc 2 tác phẩm mới nhất này của HỒ HỮU TƯỜNG chưa ?

LUẬN LÂM, I & KỂ CHUYỆN

đề biết nhà dùng văn họ Hồ vượt biện chứng pháp thế nào và quan niệm về kể chuyện ra sao, và mời các bạn chờ trường giang tiều thuyết :

GÁI NƯỚC NAM LÀM GÌ ?

Riêng núi riêng sông

Mọi người kiếm cháo bỏ muối cho Thuấn ăn, lấy dầu bôi khắp người cho Thuấn. Thuấn khóc bằng con mắt còn lại sau hồi bị bệnh đậu mùa. Giọng Thuấn khản đặc. Thuấn phải ngủ một giấc rồi mới ngồi cho mọi người hỏi chuyện. Thuấn nói trước: «Từ hôm mọi người đi tôi chỉ ở ngoài đầm sen vào làng» nhưng người ta vẫn hỏi ồn ào, người nọ lấn người nọ lấn lời người kia. Có vài người gặng hỏi, dồn Thuấn phải trả lời theo dự đoán của mình rồi bật lên khóc. Có người chửi rửa bọn ở lại giữ lang bẻ mía, lấy thóc lấy lúa phá nhà mình. Nó người chỉ ngồi im nhìn Thuấn mà khóc như thể Thuấn là sự đồ nát của làng thôn thu nhỏ lại. Thuấn muốn hỏi họ xem Thiết đâu. Lúc Thuấn đã mệt, mọi người đã tản đi, Thuấn mới nghe tiếng nói, «Con Thiết vô tình ở với chị nó ngay từ bữa ở xã lên» Thuấn lên văn phòng trại kê khai tên tuổi để lãnh trợ cấp rồi lại trở về nhà người anh họ chòm mền ngủ. Lúc còn lẩn lút ở đầm sen. Thuấn nghĩ nhiều tới những người thân thuộc đã chết bấy giờ, Thuấn bỏ quên những giờ hấp hối của mình và chỉ nhớ tới Thiết. Lẽ ra sau những ngày gian nan đó, Thuấn phải được gặp Thiết ngay mới phải. Thiết vào trong tỉnh, chắc làm mướn cho mấy tiệm bán diêm tẩm giải khát như Thiết đã nói hồi còn ở nhà. Thuấn lại ngủ mê mệt như thể chưa dứt hẳn được cõi chết gần gũi mấy hôm vừa qua.

Thuấn lần nữa ở lại rồi bị kẹt đường vì người chị của Thuấn. Chị Thuấn sống với hai đứa con gái đã biết làm mùa giúp má. Chồng chị tập-kết đã nhiều lần nghe nói chết. Chị khóc nhiều lần, ngày rằm và mừng một đèn thấp hương khấn anh nhưng vẫn tin có ngày nào đó anh trở về. Thuấn nghe chị nói chờ chị thu xếp cùng đi nhưng tới bữa có trận đánh lớn bên kia sông mở đường cho đồng bào, Thuấn vẫn phải lộn lại tìm chị. Lúc đó, Thuấn mới nghe chị khuyên nên ở nhà. Chị khóc vào lúc Thuấn hốt hải chạy đi «Tôi có chết giữa đường cũng vì chị». Bị kẹt đường, Thuấn ra ẩn núp ở rừng dương bên kia đầm sen. Ba đêm Thuấn lên ra phía sông rồi lại trở về. Bên kia sông có

quá nhiều lính. Ban đêm họ không phải ở trong làng như lúc ban ngày sợ máy bay. Họ đi lại, tụ thành từng ò sau những bờ đất và có khi cười nói. Như vậy từ bờ sông ra tới lộ chắc họ đã kiểm soát hết. Thuấn nghĩ vậy trước và sau những giấc ngủ chập chờn cho quên đời. Những người còn ở lại trong đó có chị Thuấn chắc đã nghĩ Thuấn đi khỏi làng. Thuấn quanh quẩn trong rừng dương, đêm đêm men ra bờ đầm sen lén lút ra bờ sông. Sang tới ngày thứ tư, Thuấn thấy kiệt lực. Nhưng dù sao cũng phải liều trong đêm nay, không lẽ ở lại phục xuống rừng dương, bờ đầm sen mà chết như một giấc ngủ quên dậy. Thuấn không sốt nhưng da thịt mỗi ngày một nóng, lúc đứng dậy, chân tay mỗi lúc thêm rã rời. Cảm giác nhiều khi không thực. Lòng sợ hãi một tiếng hô bất chợt, một tiếng nổ lóe lửa trong đêm, một trái lựu đạn gài trên đầu trên lối đi dần dần suy yếu bên cái chết lảng vảng có cha, có mẹ, có anh em. Những người mấy bữa trước còn gặp đã thành xa xôi. Thuấn thấy gần gũi cha mẹ anh em như đang gần với cái chết bứt đầu văng ruột của họ. Ngoài Thiết chỉ còn những xác chết bầy nhầy đó, những hình dạng xương thịt dị kỳ đó khiến Thuấn có những khoảng khắc nghĩ tới người khác, ngoài mình. Những luống lang trên con đường từ bờ sông trở về biết bao nhiêu củ nhưng đã ba lần Thuấn không dám bới. Một vết chân in đậm ở nơi vắng vẻ này còn có thể dẫn tới những người đi bắt Thuấn, có lần từ bờ sông trở về, trời tối mò, Thuấn nằm áp bên bìa đầm, mong nghe tiếng ếch nhái trái mùa. Cái đài sen dưới đầm, Thuấn đã lội xuống lấy ăn ngọn ngấu. Có lúc, nằm trong một bụi gai trong rừng dương. Thuấn nhắm dậy thấy xây xẩm mặt mày. Thuấn thở ra nhìn về mạng đầm sen một nửa mình trần đê trên mặt cát, hai tay ôm chiếc áo có từng vết mồ hôi trắng nhờ chốc chốc lại đưa gần miệng thè lưỡi liếm. Bên kia đầm, làng thôn từ sớm tới giờ vẫn chỉ nghe có tiếng chim hót tiếng cành cây và gió thổi. Những người ở lại đã kéo nhau lên núi từ lúc gà gáy. Máy bay ngày nào cũng cày bom xuống làng. Chiều tối lúc bầu trời xanh gay gắt mùa nóng úa màu, người ta mới trở về, lao xao dưới những ngọn cây cháy xém, trên những nền nhà ngồn ngang từng đồng gạch ngói vỡ nát, những khung nhà còn bốc khói. Tối đến ở ngay những nơi đó, lửa được đốt sáng bập bùng, người ta ngồi nghiêng ngả, vỗ tay theo tiếng trống, tập hát theo tiếng hát của người hướng-dẫn cầm tù.

Thuấn úp mặt trên tấm áo thiếp ngủ nhiều lần. Mỗi lúc tỉnh dậy, Thuấn lại bị khuấy động bằng nhiều tiếng hót xung quanh. Khắp nơi đều dậy lên những tiếng riu rít. Rừng dương, đầm sen và thôn xóm đều dành cho loài

chim. Tiếng chim nhanh, gọn nhưng thoát nghe, rào rào như tiếng lá reo. Mùa chim dòng dục. Trên những ngọn tre ở bờ đầm héo vàng vì nắng, chim đậu từng hàng vừa nhảy vừa kêu. Dưới đất, trên những lớp lá cành khô, những bóng chim màu đất, bụng vàng đuôi dài chuyền qua chuyền lại nhộn nhịp. Tồn ten giữa trời, những chiếc tổ giống như chiếc vó bằng cỏ dừa treo đầy trên các ngọn cây. Thuấn nhớ tới Thiết và cái chết. Thiết có cơm ăn, đã thành xa xôi. Những cục đất, cục đá liệng từ chỗ rình rập không bao giờ trúng cũng không giập tắt được tiếng chim. Thuấn ngửa mặt lên trời, mắt khép chặt, vo tròn cái cổ áo cho vào mồm nhai và nuốt ừng ực.

Mấy ngày liên tiếp Thuấn nằm bình trên giường, hết mê sáng đòi ăn dài sen lại kêu «bùng bùng» như tiếng lựu đạn nổ, và bắt chước tiếng chim hót. Trán và lưng Thuấn rạch đầy những vết tổ bằng mảnh chai để nặn máu độc. Những lúc tỉnh, Thuấn khóc ướt một bên má xin người anh họ cứu mạng. Bữa bệnh đã giảm, Thuấn được vợ người anh kiếm lá tre, lá bưởi nấu nước xông. Thuấn ngồi co ro trên giường chòm kín hai ba tấm mền trước cái nồi lá hơi nóng ngùn ngụt. Mồ hôi của Thuấn ra xối xả giổ giọt trên mặt. Chốc chốc người chị lại vén mền, bỏ vào nồi một cục ngói run bóng. Nước sôi ào ào, hơi nóng đặc sệt xông lên mù mịt, Có lúc Thuấn muốn tắt thở, tưởng chừng ngã chúi đầu xuống nồi nước.

Khỏi bệnh Thuấn thấy người còn quá yếu nên chưa nghĩ tới chuyện vào tỉnh kiếm gặp Thiết. Thuấn nghe mọi người nói Thiết có ít ngày đã khác trước kia nhiều lắm, Thiết bán quán và ăn mặc thiết sặc sỡ như người ở tỉnh. Người ta nói thiết rồi cũng hoang như chị Chị Thiết bán gạo ở tỉnh ngày giổ cha cũng không dám về làng. Thuấn nghe miết rồi thấy sợ những lời nói về chị em Thiết. Thuấn im lặng bán khoán Không hiểu sao Thiết chẳng ghé ra đây một lần. Lẽ nào Thiết đã thay đổi tới độ quên Thuấn bị kẹt đường, không biết Thuấn bị đau nằm ở đây. Dù sao Thiết vẫn là đứa con gái mới lớn, ngớ ngẩn dễ thương, Chị Thiết có thể làm hại Thiết, chỉ có Thuấn mới thương Thiết, như hồi còn nhỏ hai đứa thương những con chim dòng dục ở bìa đầm xen. Sao Thiết lại mặc quần áo sặc sỡ lúc Thuấn bị bệnh đó Thiết.

Một buổi sáng, Thuấn mượn một cái mũ lúc đội đầu, nói với người anh họ vào tỉnh kiếm Thiết. Tỉnh nhỏ, tiệm Thiết bán lớn, Thuấn tìm thấy ngay Thuấn đứng lẫn với bọn trẻ nít và những người phu xích lô vây trước cửa tiệm đùa giỡn với mấy người lính Mỹ ngồi uống rượu. Thiết thiết rục rờ trước con mắt đi lâu ngoài nắng của Thuấn. Trong tiệm chỉ có nó và hai đứa con gái mập thù lù khác. Nó đang chạy lăng xăng bung đồ uống tới từng

bàn, mắt vẫn sâu nụ cười vẫn mét. Hai đứa con gái kia lớn hơn, cũng ăn mặc nhã hơn nó. Thuấn nghĩ chắc nó thiếu mộng, thiếu ngực nên phải lòa loét vậy nom cho vui mắt.

— Thiết.

Thuấn bật kêu.

Người đàn bà môi đỏ ngồi sau quầy hàng nhô đầu ra khỏi bình huệ trắng nhìn ra chỗ Thuấn. Bọn trẻ nít, phu xích lô ngó mặt Thuấn.

— Thiết, thiết

Thuấn kêu lớn hơn. Nụ cười mét của Thiết tắt ngấm, đôi mắt lớn yếu ớt ngạc nhiên nhìn Thuấn. Nó chạy lại quầy nói gì với người đàn bà rồi bước ra chỗ Thuấn. Thuấn đẩy lại mũ ngó nó chăm chăm. Nó hỏi Thuấn:

— Anh lên hồi nào

— Lâu rồi

— Anh bệnh ?

— Bệnh

Thiết ra dấu cho Thuấn đi lại phía hông tiệm. Thuấn hỏi:

— Sao không ra ngoài? Mong muốn chết.

— Chị Ba cấm. Chỉ thù người làng.

— Chỉ thù cả anh?

Thiết cười yếu ớt, lắc đầu:

— Không thù mà cũng không ưa.

— Sợ chị Ba vậy sao ?

Thiết gật :

— Sợ

Nó vuốt ve tấm áo của mình, ngo ngằn nhìn Thuấn. Thuấn bảo:

— Chừng nào mạnh, có nhà ở riêng, cưới. Thiết liền khỏi có sợ chị Ba. Khuôn mặt xanh xao của Thiết nhờ nhờ màu hồng, đậm dần. Nó bỏ chạy vào trong tiệm. Thuấn quay ra đường, tìm đến nhà mấy ông giáo sư, mấy đứa bạn cũ. Chị Thuấn ở lại, Thuấn thấy mình bỗng dung sụt xuống thấp dưới những người Thuấn vẫn gặp gỡ thường ngày. Trước kia, tuy không có mặt ở đây nhưng chị như đã tạo cho Thuấn mối bình đẳng với mọi người. Thiếu chị, mọi người thành xa cách và Thuấn thành lằm lũi. Thuấn chỉ còn đám người làng cùng khổ để nương tựa. Tương lai Thuấn thiếu chị tham dự cũng đã thay đổi hình dạng. Thuấn chỉ còn mong có một cái nhà để ở riêng cưới Thiết.

Tới mỗi nhà, Thuấn đều nói muốn nhờ xin một việc làm. Lòng tốt của mọi người chỉ đủ làm họ nán ngồi nghe Thuấn thuật lại những ngày

gian nan của mình, hoặc khá hơn, thêm vài ba chục đũa cho Thuấn với nổi bồi rồi. Họ vẫn nghĩ Thuấn còn nhiều lòng hồ thẹn. Thuấn biết họ cũng chẳng thể giúp gì được hơn, cười gượng gạo thay cho lời cảm tạ rồi ra khỏi nhà Thuấn bẻ cao cổ áo cho đỡ bỏng gáy, kéo hai ống tay xuống để khỏi thấy nếp vải bám ghét, ra chợ mua một hộp đồ của Mỹ ôm ra bờ sông ngồi ăn. Trời nắng gay gắt. Thuấn đi trên cát tìm một chỗ có bóng mát. Trước mặt Thuấn từng vũng nước đọng xanh ngắt nên trời Thuấn nhìn xuống một vũng nước thấy có những đám mây trắng trôi thấp thoáng, có khuôn mặt vàng vọt và con mắt mở lớn của mình.

Thuấn ngồi dưới một tàng cây ngã xuống bờ sông, khui gói đồ ăn dần, chờ chiều về phố ghé thăm Thiết lần nữa. Lúc nắng đã dịu, gió đã thổi lớn lên dòng nước ngoằn ngoèo giữa lòng sông, Thuấn nghe có tiếng súng trên bờ. Dưới bãi cát nhìn lên, Thuấn thấy cảnh sát và lính hiện đầy trên bờ sông cây đại mộc xum xuê. Thuấn hoảng hốt chạy nhào lên bên ghe một đám đông trẻ con nhao nhao chỉ vào Thuấn la hét.

— Nó đó, nó đó

Rồi chúng bật cười vỗ tay reo hò, Thuấn vội lặn vào đám đông, thấy không ai để tới mình mới bớt sợ. Con đường mòn bụi mù vì đoàn người vỗ trang và đám người rảnh rang, lũ con nít lôi thôi rượt theo tên tù xông khỏi nhà giam. Ở một gốc cây, một người cảnh sát bỗng nổ súng vào bụi rậm. Bọn trẻ nít sau lưng ông ta vỗ tay reo cười. Một lát sau người ta bắt được tên tù. Hắn rúc xuống mấy thân cây ngã xuống bờ. Đó là một người vạm vỡ quần áo bà ba đen mặt vuông cứng bê bết bùn nhão. Ngực hắn nút áo đứt tung, nhô ra trước vì bị trói giật hai khuỷu tay ra sau. Người ta đẩy hắn đi. Bọn trẻ ồn ào vây quanh, chạy theo. Có người hỏi chuyện hắn. Mấy người lính xong chuyện yên lặng đi bộ về, mấy người cảnh sát thì khỏi hài tội nghiệp hắn. Hắn gượng gạo hỏi:

— Chắc tôi bị đánh chết?

Một ông cảnh sát giở mũ, gỡ mớ tóc bạc lắc đầu:

— Chúng tôi chỉ biết phải bắt bằng được anh.

Từ ngoài phố một chiếc xe có người huýt còi chạy tới.

— Ông đó ông đó.

Mọi người thi nhau nói. Bọn trẻ tản mát lần lần như thể trò chơi đã dứt. Thuấn cũng bỏ đi, thấy lúc tới tiệm sẽ có chuyện kể với Thiết.

Căn nhà kê đủ một chiếc giường và một cái chõng nực nội mùi hôi người chị họ Thuấn để. Người anh họ Thuấn lúc nào cũng phải quanh quẩn trong đó không còn thì giờ ra ngồi ngoài quốc lộ với đám đàn ông người làng ngóng về xã chờ đợi một tin tức vu vơ. Thuấn xin trại được một tấm bạt cũ đem căng trước nhà làm chỗ nghỉ ngơi. Buổi sáng nếu được lãnh tiền, Thuấn thay chị ra chợ, ra bến sông mua cá về nấu muối ăn. Ít khi có món ăn ngoài món đó. Nếu không ăn cá thì lại ăn mực, nhưng chậu mực thối ngấm ở chợ trong tỉnh mấy ngày không ai mua mang ra ngoài bán. Từ bữa người chị họ để, tiền trợ cấp hầu như dành hết cho đứa nhỏ. Trưa nay ăn cơm xong, Thuấn nằm dưới tấm bạt thấy mệt mỏi mà không ngủ được. Bao giờ Thuấn có một căn nhà, bao giờ có thể ở với Thiệt. Những ngày vào phơi nắng trên các phố trong tỉnh như những ngày bị từ chối vô vọng. Cuối cùng thâm nhập thói quen mọi người ở đây, Thuấn cũng chỉ ngóng về làng chờ đợi một biến chuyển vu vơ.

Mấy con bò buộc ở bụi tre cuối dãy nhà nằm thở phì phò giữa những đồng phân be bét. Trong nhà có tiếng mút chùn chụt. Người anh họ Thuấn bú sữa vợ. Sau ngày để vú vợ anh lên sữa căng cứng. Chị có vẻ đau đớn nếu lâu lâu không được anh vạch bụng, kè môi hút sữa ra. Một lần thấy chị ngồi trên giường banh áo, anh áp mặt vào vú, Thuấn nom rõ vẽ khoan khoái của chị, vẻ tỉnh táo của anh trong khi Thuấn buồn ói vì mùi hôi trong nhà. Tiếng nức vẫn chóp chép đều đều lẫn với tiếng thở hì hà của người chồng. Thuấn xây qua xây lại vẫn không ngủ được chỉ thấy sức nóng trên vải bạt phủ xuống lưng trần xuống mặt.

Từ một căn nhà cuối dãy, một ông già mở cửa đi tới chỗ Thuấn. Ông Bầy. Nắng soi trên cái đầu hói vòng vòng mớ tóc của ông. Ông nhai vài thứ gì trong miệng, chiếc cầm có cụm râu bạc rung rung. Lúc ông chui vào lều Thuấn mới chắc ông gặp mình mới nhồm dậy.

— Nắng dữ ha. Không ngủ được sao này?

Ông nhìn Thuấn phủ bụi trên da thịt vừa cười vừa nói. Nom ông vẫn còn khoẻ. Bộ quần áo bà ba đen sạch sẽ, cặp kiếng trắng tròn nom lanh lẹ. Ông chỉ tấm áo Tuấn vắt vào vách lá.

— Mặc áo đi uống nước chơi, nực vậy làm sao ngủ.

Thuấn chắc ông Bầy muốn nhờ mình việc gì nhưng cũng mặc áo đi theo ông. Ông Bầy đã già nhưng có một đàn con còn nhỏ, người vợ còn trẻ. Từ ngày lên đây, ông không biết gì khác đàn bò trên hai chục con và những ván bài xì tố. Ông lo lắng cho đàn bò của mình bao nhiêu ông chơi bài nhiều

chùng đó, Loạn bò thiệt rẻ trong khi các thứ thực phẩm khác hiếm hoi, dất đổ Những con bò thay vì cày trên cánh đồng được dồn thành từng đoàn chạy lên thành phố. Đám con ông Bầy ngày ngày bắt kể sớm trưa, ra những bờ ruộng đã bị gặm nhấm, đến bên những hàng rào kẽm gai kiếm cỏ cho bò. Ông Bầy nhìn đám con phơi nắng tối ngày, nhìn đàn bò dóc dần da thịt, sanh ra sốt ruột. Ông kiếm chỗ nặn bài cho quên. Hồi này mới phát hành một loại giấy năm trăm mà những người đánh bài gọi là «cua gạch», Bốn hoặc ba «cua gạch» có thể đổi lấy một bò. Đã nhiều lần, người ở đây thấy ông Bầy đi đánh bạc về và một lúc sau, dắt một hai con bò đi theo. Người vợ trẻ của ông la khóc nhưng ở chỗ cách biệt tuổi tác như vẫn còn có lòng kính trọng. Với lòng kính trọng đến sợ hãi đó, người vợ hàng ngày nhìn những con bò được dắt đi theo nỗi trụy lạc của tuổi già.

Hai người kiếm đến một quán giải khát lợp tranh bên quốc lộ. Thuấn nói muốn được hút thuốc thơm. Ông Bầy kêu một gói ruby và hai chai bia.

— Thời loạn nhưng cũng có lúc phải ăn uống cho quên bớt mọi chuyện chớ.

Ông Bầy cười nói. Thuấn cầm cái ly vai chao chao cho đá va vào thành thủy tinh. Thiệt không mộng, không ngực áo quần sặc sỡ trước con mắt hoa nắng vẫn ở đó thì nỗi đói khát rách rưới vẫn còn ở đây, kể từ cái cúi đầu nuốt sung sướng từng hớp lave.

Mặt đường nhựa bốc hơi lung linh sau lưng ông Bầy. Ông nói tới đàn bò của mình. «Bây giờ một con bò đổi lấy mười con gà không ai muốn đổi...» «Chỉ một cái đèo, chỉ cách nhau có ba mươi mấy cây số, một con bò ở đó bán rẻ cũng hai mươi ngàn...». Ông Bầy kể chuyện hôm mới đây gặp mấy người đi bán bò. Đèo nói là nguy hiểm, khó khăn, họ vẫn vượt qua và mang về cả một nón bạc loại «cua gạch». Miễn sao chính quyền ở đây không biết là được. Qua đèo đóng thuế cho nẫu là xong, êm ru. Vất vả cũng chỉ ở chuyển đi. Đi đêm. Bò phải lùa ra mặt lộ, qua sông không cầu nhưng đã có người hướng dẫn khỏi lo. Lúc về đây một nón tiền có thể uống rượu, uống lave cho qua đêm dài.

— Bác muốn tôi lùa bò đi với bác ?

Thuấn hỏi. Ông Bầy lắc đầu :

— Tao già rồi, mắt đi đêm không được. Nếu không nửa đui nửa sáng, tao sợ gì. Mấy người tao gặp hôm mới đây có người còn nhỏ hơn mày, cũng có người tóc trắng hơn tao. Tao không sợ nhưng không đi nổi. Trời phạt tao rồi. Mày giúp tao được không ? Chỉ một chuyến này cả hai bác cháu cùng đỡ

khô. Tao vẫn thương mây từ trước tới giờ nên tao mới tin mà giao cả gia-tài cho mây, người khác, ai mà dám.

— Bán hết bò, khi được trở về lấy gì mà cây ?

Thuấn hỏi đề khỏi phải trả lời thẳng ông Bầy. Đôi mắt ông sau cặp kiếng thành bối rối, trán ông nhăn nhúm co lại. Ông nói như gắng gượng:

— Biết ngày nào về ? Không tính vậy không lẽ ngồi chờ, nom bò chết lần.

Thuấn lắc đầu:

— Nguy hiểm lắm tôi không kham nổi.

Nom vẻ thành thực của Thuấn, ông Bầy vẫn gắng nhẫn nại nài nỉ. Thuấn ngồi im thỉnh thoảng lại lắc đầu. Ra khỏi quán, hai người cùng buồn xo. Ông Bầy chia tay Thuấn, ghé vào một nhà đánh bài.

Thuấn toan đi qua cầu vào tỉnh gặp Thiết thì nghe có tiếng người gọi ở con đường dốc. Tiếng chị Thuấn. Trời nắng lóa mắt, Thuấn phải định thần mới thấy chị ngồi ở một căn nhà lá dưới mặt đường. Thuấn ngờ ngợ thấy không có đứa nhỏ nào bên chị, chỉ có cái khăn gói trên vai. Chị òa lên khóc bên người đàn bà Thuấn chắc là chủ nhà. Thuấn ngồi xuống bên chị hỏi sẽ:

— Mấy đứa nhỏ đâu chị ?

— Ở nhà. Mà sao nom cực khổ vậy em ?

— Giọng chị toàn nước mắt. Thuấn không dám nhìn chị, hỏi lảng:

— Chị lên hồi nào ? Làm sao mà lên được ?

Người đàn bà ngồi với chị Thuấn bỏ vào trong nhà. Chị Thuấn vẫn nấc lên từng chập. Thuấn dần dần lấy lại bình tĩnh, nhắc cái gói khỏi vai chị. Khăn gói nhồi toàn gạo. Mồ hôi và nước mắt tạo những vệt dài trên má chị. Thuấn đứng dậy lại chỗ người đàn bà cầm cái quạt cho chị. Chị nói lên đề gặp Thuấn và hỏi Thuấn giờ ra sao. Thuấn nói khổ hơn trước, không có việc làm. Búi tóc sau gáy chị trước nom vàng khô vì cháy nắng giờ thêm xơ xác. Chị kêu hai đứa nhỏ giờ sống tới ngày với đoàn thể và dặn Thuấn đừng nói chuyện chị lên tìm Thuấn với bà con. Chị giấu mặt với tất cả. Chị muốn được sống gần Thuấn, muốn Thuấn cùng chị trở về. Mai mốt sẽ còn nhiều người từ dưới làng lên đòi anh em bà con về, Thuấn không việc chi mà hãi. Tới đây chị lại khóc. Người ta cho chị bây giờ phải đòi bằng được Thuấn về nếu không chị sẽ phải lên núi học tập. Thuấn nghĩ tới những người vợ nghĩa quân, những người đàn bà bị bắt và những lúc được thả rong trên các triền núi mà ở đây sáng chiều nhìn lên chỉ thấy một màu lam mờ mịt. Thuấn buộc lại cái khăn gói, gấp quạt đứng dậy hẹn sẽ gặp chị tối nay ở đây.

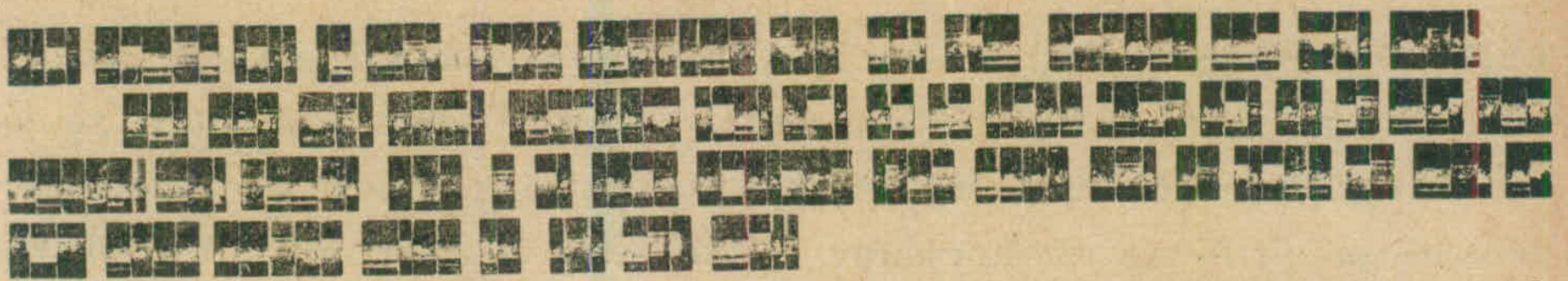
Buổi chiều, Thuấn bỏ trại vào ở trong tỉnh.

•••

Trong đám trẻ nít và những người nhà quê thường trực bao trước cửa tiệm, ngấp nghé nhìn vào căn phòng màu hồng nhờ nhờ bên trong, Thuấn đầu chúi cẩn thận, áo bỏ trong quần, đứng vờ vẫn chờ đợi. Mấy đêm nay, Thuấn sống được ở đây nhờ cách đó. Trước cửa bar, một hàng rào cao tới sát má hiên bằng dây thép cứng ô vuông sơn xanh đỏ gắn những ngôi sao, bóng đèn vòng tròn lồng nhau bằng thiếc sáng như bạc. Ngoài đường, sát bên lề những chiếc xe nhà binh kẻ sao trắng đậu thành hàng. Thuấn dựa lưng bên những chiếc xe đạp ép bên hàng rào. Ở đây không có plastic nỏ, những người Mỹ đến bar nhiều khi cỡi xe đạp. Mỗi lúc cửa phía trong hàng rào mở rộng cho một vài người đi ra. Thuấn chỉ việc tiến lại công rào, lễ phép hỏi: «Đu du he bai xi cun ?» Mỗi cái gật, túi Thuấn lại có thêm vài mươi đồng. Thuấn có đủ tiền để mua những gói đồ khô ngoài chợ sống qua ngày trong lúc cần phải lánh mặt chị Thuấn. Chị vẫn chưa chịu về. Nhiều người vẫn gặp chị đeo khăn gạo luồn quần ở ngoài tỉnh tìm Thuấn. Vào trong này chị có thể bị bắt. Thuấn nghĩ vậy và đỡ lo gặp lại chị.

Những người ở ngoài hàng rào bỗng xô đẩy nhau nhìn vào trong. Thuấn ngồi lên một chiếc xe ghếch cồ nhìn vào. Mấy người lính của mình hồi nãy đi vào bây giờ đang say ngất ngư ở một góc phòng. Họ nhìn những đứa con gái ngồi bên mấy bàn người Mỹ rồi yên lặng uống từng ly rượu. Cởi lần từ đôi giày, đôi vớ, manh áo đặt trên mặt bàn, vắt sau lưng ghế. Cuối cùng, quanh bàn đó chỉ còn là mấy người vận may ô, quần sà lôn hút thuốc, uống rượu. Một vài người Mỹ ra khỏi phòng, rồi tất cả. Những đứa con gái ở lại thì nhón nhác, mấy người lính thì ôm quần áo vào học và học và vẫn lầm lì kêu thêm rượu.

Thuấn đưa hết xe đạp lững thững đi xuống đường. Qua tiệm Thiết bán hàng, Thuấn đưa cho Thiết một gói kẹo Mỹ rồi lại nhà đứa bạn Thuấn ở nhờ. Tới một con đường vắng, Thuấn thấy trước mặt mình một người đàn bà búi tóc khoác khăn gói đang chần chờ muốn băng qua mặt lộ. Như bị ma đuổi, Thuấn quay trở lại đi nép vào các mái hiên như chạy. Tới giờ giới nghiêm, Thuấn mới dám trở về. Trên đường, Thuấn vẫn chần chợn sợ bóng người đó hiện ra bất chợt. Suốt trong giấc ngủ, hình ảnh những người đàn bà được thả rong trên triền núi sương lam mờ mịt luôn luôn khuấy rối Thuấn khiến Thuấn phải mở bừng mắt trong bóng tối lặng lẽ khốc để kiểm lại một tiếng hét điên cuồng.



Một buổi chiều về tới trại sửa soạn ăn cơm, Thuấn thấy đứa bạn ở trong tỉnh ra kêu nói có chuyện gấp. Thuấn ăn vội vã rồi đi theo nó vào tỉnh. Nó kể với Thuấn Thiết bị lính say rượu vô tiệm làm ầu. «Nó ôm đại con nhỏ» nó nói. Thuấn hỏi dồn: «Rồi sao?» thì nó cười «không sao hết. Chưa kịp làm gì tên lính đã bị quân cảnh bắt. Nhưng cứ tới sẽ thấy chuyện này kỳ lắm». Tối tiệm Thiết bàn, Thuấn thấy có mấy chiếc xe nhà binh đậu sát lề. Ngoài cửa tiệm, mấy người Đại Hàn có băng đô kẻ chữ vuông ở cánh tay đứng gác. Những người tò mò xúm lại xem bị đuổi sang bên kia đường. Thuấn nghe họ bàn tán «kỷ luật Đại-Hàn có khác, nghiêm như Nhứt-Bồn». «Bị rờ ầu một cái, có khi được bồi thường à» Bên này đường nhìn sang. Thuấn thấy Thiết đang cùng tên lính say diễn lại truyện làm ầu để quay phim. Thiết quần áo sạch sẽ, ngo ngác bung một cái khay thiếc đựng ly và mấy chai «33» giữa mấy người lẳng xăng hướng dẫn. Tên lính thì ngồi trên ghế, dựa đầu vào cái trụ quét vôi xanh ở giữa tiệm nom vừa một mỗi vừa buồn.

Thuấn kéo vai đứa bạn ra dẫu đi chỗ khác. Ra tới bờ sông, Thuấn vô một cái quán lá kêu rượu để bắt đứa bạn uống.

— Tháng nữa tao cưới nó, mọi chuyện êm hết. Chị Ba nó sức mảy mà không chịu.

Thuấn hậm hực nói.

Mấy hôm sau, về những làng dọc theo con sông Ông Bồn, gặp chị Ba Thiết, Thuốc vẫn giữ vẻ hậm hực. Đó là một bà mặt trờn khéo mạnh, mắt sáng ướt đen. Không ai rõ chị đã có bao nhiêu đời chồng và hiện giờ có mấy người đàn ông để đi lại. Từ hôm bắt đắ dĩ phải chết chung trên một chuyến xe chị ta mới chịu giáp mặt người làng. Chị ta thường ngồi trong những chiếc xe Lam ba bà oánh bọn đàn ông thuê thảy tới địa điểm đã định trước những chiếc khác cả giờ đồng hồ. Xe vừa đậu, trong khí bọn đàn ông còn nghe ngóng, chị ta đã lanh lẹn xông xao một cách liêu lĩnh. Bữa nghe tin chị ta tới tiệm Thiết bán gây lộn vì nghi Thiết được Đại Hàn bồi thường đem tiền gởi người đàn bà chủ tiệm, Thuấn sợ chị sẽ kéo Thiết đi theo. Chị ta đem Thiết đi thiệt nhưng Thiết không đi sớm như chị. Sau khi chị đã gom góp được một số, Thiết mới cùng những người đàn bà, những người nhút nhát tới chuyền lên xe. Một bữa, nghe có tiếng súng của quân đội ở vùng bên kia sông, Thuấn tự

nhiên có ý tưởng về làng kiếm chị. Thuấn rủ mấy người đàn ông gan dạ cùng đi. Làng mạc coi vắng vẻ hơn cả khi Thuấn bỏ trốn. Mọi người sợ có lựu đạn gài trên các cành cây hai bên đường, băng qua các khu vườn, các nền nhà mà đi. Đi sâu vào làng được một đôi thấy vẫn như ngày trước chỉ có tiếng cành cây và gió thổi, Thuấn đã không chắc gì gặp lại chị. Nhưng lúc mấy người tản đi thu dọn đồ đạc, Thuấn vẫn chạy về nhà. Ngôi nhà chị em Thuấn và hai đứa cháu sống những năm đi học vẫn nguyên vẹn cửa đóng im-ỉm. Giàn bí đầu nhà có mấy trái đang lớn đã chắm đầu xuống những ngọn cỏ dại mọc phía dưới. Cửa bếp bỏ ngổ, gió thổi vào san bằng tro tàn trên nền đất. Sợ trước khi rút du kích gài lựu đạn, Thuấn không dám mở các cánh cửa, chỉ đứng dưới sân nhìn lên. Bên những hình vẽ mèo chó bằng phấn của hai đứa nhỏ trước kia, giờ thêm mấy khẩu hiệu kẻ nguệch ngoạc. Ở tấm phên che cửa sổ, có gài một chiếc lược gãy răng có những sợi tóc vàng khô quăn quít của chị Thuấn Chị đã đi thật rồi.

Thuấn chui qua hàng rào đi kiếm những người trong bọn. Lúc mọi người ra khỏi làng chợt nghe có một tiếng nổ dữ dội ở bên kia bờ sông.

— Xe bị mìn rồi.

Một người kêu lớn. Cả bọn cùng chạy nhào về bờ sông. Thuấn nghĩ tới Thiết. Chỉ có xe của Thiết mới nặng hơn những chiếc xe bọn Thuấn đi hồi sáng. Bên kia, nơi khúc quanh đầu sông, người ta xúm đen mặt đường. Một chiếc xe Lam lật ngửa dưới bờ nước cạn. Thuấn chạy tới thì người ta đang lội xuống mò từng xác người, từng cánh tay, từng chiếc đầu mang lên vệ đường. Dòng nước lờ lờ tù hãm lều bều những miếng mỡ. Trên mái ngói một căn nhà bên kia đường có một bộ ngực trong lớp áo đen rách bung, ruột chảy lòng thòng.

— Thiết.

Thuấn kêu lớn vệt đám đông xô vào. Thiết đang khóc nức nở bên xác chị Ba sưng nước da đầu bị lột răng nhe đen sạm. Chiếc vòng vàng trên cái tai còn lại như hơi muội đèn. Xe Thiết chưa lên tới nơi, chiếc xe Lam của chị đã về. Xe chở đầy thóc và gạo, người phải ngồi chất trên mui,

Đã có một số người quen của Thuấn sốt ruột với ruộng đất trở về làng. Những người ở lại không còn những chuyến xe chờ ngoài lộ vào các buổi sớm, chân tay lại bỏ không như trước. Thuấn đã vào ở lại trong tỉnh; tối tối đứng trước cửa bar với giọng lễ phép «Đu du he bay xi cun». Ngay đêm chị Ba chết, Thuấn đã sang ngủ với Thiết. Bảy giờ, Thuấn lại chịu những tiếng xấu của chị Ba ngày trước nhưng Thuấn không thù ghét ai. Hai vợ chồng vẫn chưa có

một căn nhà riêng nhưng không ai còu nghĩ tới điều đó nữa. Có lần Thuấn đã nghĩ tới chuyện về làng bán ngôi nhà lấy tiền cho vợ buôn bán nhưng lại ngần ngại. Thuấn vẫn còn mừng trọng có ngày chị và hai cháu trở về. Lúc này, cũng chưa có ai nghĩ tới chuyện mua nhà, tậu đất. Còn ngôi nhà đó, giữa hai chị em chưa có sự cách biệt rõ ràng.

Một buổi sáng Thuấn và Thiết sang bên trại lãnh trợ cấp về cái chết của chị Ba. Trại vắng vẻ, có nhiều ngăn bỏ trống. Gia đình người anh họ Thuấn người vợ trẻ và đám con ông Bảy cũng đã về. Mọi người có thân nhân thiệt mạng tụ tập ở trước văn phòng trại. Trợ cấp phát cho thân nhân người chết của năm sáu vụ nổ, những người có vợ, chồng bị bắt lên núi, nên tặng phẩm chất cao tới mái nhà. Thiết được lãnh một bao gạo và một thùng dầu. Thuấn bảo vợ đem gửi bao gạo, bán thùng dầu cho mấy người ngấp nghé ở công trại lấy tiền về thăm làng.

Người anh họ Thuấn nhà cháy hư hỏng hết, sang ở nhờ nhà Thuấn nên lần này về nom đỡ tiêu sơ như kỳ trước. Buổi trưa; vợ chồng Thuấn ở lại ăn cơm với gia đình anh. Anh kể hôm mới về, mở cửa vào nhà, trống trơn hết. Cả cái bàn thờ cũng đầu mất. Thuấn nói đùa.

—Còn chiếc lược của chị tôi.

Lúc vợ chồng Thuấn ra, chị họ Thuấn ngắt một trái bí ở đầu nhà đưa cho Thiết. Qua đầm sen, Thuấn kéo vợ ghé vào chỗ mình ẩn trốn trước kia. Đầm sen rộng nhưng tối những bóng cây, sát bìa đầm lác mọc chen chúc, phía sau ngôi thánh thất với những trụ cột sặc sỡ với màu, nơi có một vạt cát nổi cao có dăm bảy cây dương cao chọc trời là còn thấy lá sen thả dọc theo bờ; nước với vài cái bông, cái nụ màu hường lợt, những cụm lộc bình hoa tím lúc lắc như có gió thổi. Những con chuồn chuồn bay dập dình như mỗi khi trời trở gió. Dưới gốc mấy cây dương rễ nổi gồ ghề, chốc chốc từng lớn cát lại nổi lên xuôi theo chiều gió.

Hai vợ chồng ra tới bờ sông, thấy người ta đang xẻ thịt một con bò bị trúng đạn. Thuấn bảo vợ đưa tiền, lại mua ít thịt ít lòng. Thiết ngồi trên bờ cỏ nhìn vợ vắn chiếc ghe bên kia sông. Trời sáng chói chang. Mặt nước uốn éo chảy dài không biết tới tận đâu. Lát sau chiếc ghe khua chèo trôi sang Thiết đứng dậy cất tiếng gọi chồng. Nó thấy Thuấn vắn quần tới đầu gối, đứng ở bãi cát dưới bờ sông đang cúi mình rửa thịt và lòng bò.

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (4)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Chị khóc nức nở. Những hình ảnh cũ, những đau đớn đã trải qua làm lồng ngực căng đau nhức, nước mắt chảy liên tiếp trên má, rớt xuống nóng ran từng khoảng trên đùi. Tía hoảng hốt xích lại gần, nắm tay xiết chặt :

— Tôi có nói chi đâu ! Tôi thương em lắm, tôi có định chê em đâu. Lâu lâu gặp người cũ nhắc lại chuyện xưa cho vui vậy thôi. Có chi đâu mà em khóc.

Qua làn nước mắt, nhìn dáng điệu hoảng hốt của người đàn ông, nét mặt luống cuống lo ngại, chị thấy bớt buồn. Bàn tay bắt đầu cảm thấy hơi ấm toát từ lan da ấm cứng của người đàn ông. Tía rút khăn ra lau những giọt mồ hôi trên trán, ngượng ngịu mỉm cười với dáng điệu thường có khi còn là một người bạn trai tính nóng nảy nhiều khi giận lẫy như trẻ con. Chị hết buồn; bây giờ hai bàn tay chị đã bị kéo đặt lên đùi người đàn ông. Thằng Bê nhặt được một trái mít xanh rụng lăn lóc ngoài sân, hướng vào nhà gọi :

— Má ! Má !

Chị quay ra la lớn :

— Con đá banh đi, con đá banh đi má coi.

Bàn tay người đàn ông vòng đặt lên lưng từ hồi nào bắt đầu cử động. Chị biết khi bàn tay cử động như thế, người đàn ông đang muốn gì và các cử động kế tiếp sẽ ra sao. Chị không muốn điều đó nhưng một thúc đẩy từ bên trong làm chị nhủ thầm : đợi một chút, một chút nữa... Những ngón tay sau khi lướt nhẹ trên vải áo, tiến lên. Chị vùng gạt tay người đàn ông, đứng dậy, hơi thở khó khăn :

— Đừng có bê bối ! Tui la làng bây giờ.

Tía toan đứng dậy theo nhưng lại thôi, ngồi lặng một chỗ đầu cúi xuống, giọng nói như thì thào và buồn rầu :

— Tui đâu muốn bê bối em. Tại tôi thương em. Em biết bữa tôi bỏ xã, tôi chỉ mong kiếm được nhiều tiền, mở một tiệm sửa xe đạp là về xin cưới em. Hai đứa mang nhau ra khỏi tỉnh khỏi lo có ai quấy nhiễu như ở vườn... Nhưng mãi cũng không làm được chi... Biết em có chồng con rồi, tôi vẫn nhận làm đại diện xã để trở về... Tôi thương em quá.

Giọng nói ngập ngừng nhiều khi như e dè làm chị cảm động, hồi hộp y như một ngày đã lâu lắm, khi Tía nói thương chị bằng một giọng nhỏ hơn bây giờ. Bờ ruộng đã ướt sương đêm nhưng chị chưa muốn về cho tới khi Tía lụp chụp hôn lên má. Buổi đêm tiếng rế kêu rì rả, một vòng tay luống cuống ôm và một chiếc hôn trên má ấy, chị đã nằm thao thức cho tới gà gáy sáng và chiếc xe lăm chuyển sớm nhất rờ máy chạy trên quốc lộ. Hồi ấy chị còn là cô gái chưa biết gì và Tía còn hung hăng như một con gà trống. Chị ra ngoài sân, thằng Bê vẫn loay hoay nghịch trái mít khô, chị nhìn Tía, người đàn ông cúi mặt, chị chỉ thấy đôi môi mấp máy. Tía không còn trẻ như xưa, chị cũng vậy. Nhiều truyện đã xảy ra từ ngày ấy. Ý nghĩ làm chị vụt buồn rĩ rợi.

* * *

Vũ vẫy tay ra hiệu cho quân rời vườn vào lộ. Chiếc đồn nham nhờ ám khói đã hiện ra, người lính gác trên vọng canh bất động như ngủ thiếp. Khu chợ nằm đối diện bên kia lộ, một cái chợ quê thông thường như bao nhiêu chợ khác đã đi qua, nhưng trông thấy nó chàng vẫn thấy vui thích — những vui thích giản dị và chẳng có gì nhiều : một chai bia có đá cho những giọt mồ hôi đang chảy dọc người, một ly cà phê túi bốc khói vào sáng sớm và buổi chiều, một tờ báo hàng ngày tới lúc gần tắt nắng chàng không bao giờ đọc kịp trang tư vì hoàng hôn quá ngắn và ít khi có dịp đóng quân nơi thấp được đèn.

— Đóng chỗ cũ. Nấu cơm ăn ngay đi cho chắc.

Chàng gạt đầu mỉm cười với bà chủ nhà, tháo túi đeo lưng đặt vào vách, mở nắp lấy khăn. Nước mát vỗ tung tóe trên da mặt khoan khoái và êm tĩnh. Những người lính đi lại, những chiếc khăn đưa lên lau cồ những chiếc nồi nhỏ đen lắc lư. Ở góc vườn một binh sĩ bắt đầu dóm bếp dưới góc cây đu đủ, một làn khói xanh mỏng bốc lên theo mái tranh đầu hồi. Cơn gió lùa qua nhà máy xay làm những lá cây lật ngược sáng lên dưới nắng, bao phủ một lớp mát quanh thân thè, tạo một cảm giác an ninh êm ái trong tiếng động cơ một xe hơi nhỏ nhỏ dần. Chàng tháo giầy đạn đặt lên túi đeo lưng dựng sát vách, cầm súng đeo lên vai đi lại chợ. Trời xanh không mây trên cao, nắng lấp lánh trên nhựa đường sạch bụi bốc khói như hơi tỏa. Quán ăn Tàu nằm gần sát quốc lộ, bàn ghế quét véc-ni nâu sẫm, ly đựng ớt lau sạch và nước dấm trong làm những khoanh ớt thái mỏng đỏ ửng lên. Chàng tựa người vào tường chân gác lên ghế nhìn các mảng tường và mái đồng móc đen bên kia đường, uống liên tục ly bia từng ngụm nhỏ, nghe luồng nước mát thấm vào bụng từng đợt. Hai chiếc xe hàng rờ máy chạy qua, làn khói xanh từ ống thoát hơi tỏa mờ dần. Chàng đặt ly xuống chầm thuốc. Người trung sĩ ngồi bàn bên cạnh cất tiếng :

— Đại đội hôm nay về sớm thế chuẩn úy ? Mới có bốn giờ.

Vũ quay lại :

— Lâu lâu cũng phải có chiều thông thả... Còn tắm rửa, uống bia, đọc báo một chút chứ. Cứ kéo lên kéo xuống con đường này hoài !

— Cuối tháng này đại đội chuẩn úy đổi phiên cho đại đội I. Sang đó tuy nằm trong rừng nhưng giữ đồn thì khoẻ hơn.

— Dĩ nhiên rồi.

Một quân nhân xuất hiện sau ụ đất cửa đồn, phù hiệu cấp bậc trên ngực phản chiếu ánh nắng buổi xế trưa, vach vải trắng bảng tên nổi rõ trên áo trện. Vũ theo dõi hình dáng xa lạ ấy len lỏi theo lối đi chữ chi giữa hàng rào kẽm gai, quay lại hỏi viên trung sĩ :

— Sĩ quan mới tới đây phải không ?

— Chuẩn úy Định, bổ sung cho đại đội chuẩn úy đó. Trông cũng có đường lắm đấy.

Định bước vào quán, ngẩn ngừ nhìn chung quanh. Các bàn đều có lính ngồi, súng gác ngồn ngang trong tầm tay. Vũ lên tiếng :

— Mời anh ngồi đây. Tôi là chuẩn úy Vũ đại đội 3. La-de chẳng ông bạn ?

..

Tía vụng về hôn, hơi thở dồn dập buồn buồn trên thái dương làm chị quay mặt đi, đôi môi đưa ngang tầm người đàn ông. Chị nhắm mắt lại khi làn da bắt đầu tiếp xúc với môi Tía khô và nóng, thân thể rung nhẹ nhẹ. Một vài lần đi coi chiếu bóng ngoài tỉnh, chị đã thấy đàn ông đàn bà ôm nhau rất lâu và có vẻ sung sướng — ngày xưa Tía cũng đã hôn chị nhưng ngắn và nhẹ trên má. Nỗi rung cảm mới lạ làm chị mong Tía giữ nguyên vị trí lâu hơn, lâu hơn nữa. Nhưng chị bắt đầu ngạt thở và lo lắng :

— Thôi, hôn chi mà dữ...

Tía cười, không còn vẻ lúng túng nào trong dáng điệu, tự tin như khi ngồi sau bàn tại trụ sở hội đồng xã. Chị bắt đầu bối ngỡ khi nhận ra mình trở thành rụt rè trước người đàn ông quen thuộc. Tía nói :

— Mới có thể đã kêu dữ... Thế này mới...

Vũ xoay cái ly cho hơi lạnh thấm vào da tay :

— Tôi không hiểu anh ấy, anh Định. Tôi tình nguyện đi Thủ Đức, ở đơn vị tác chiến là truyện dĩ nhiên, còn anh... Từ ngày tới sư đoàn này hơn một năm rồi, anh có biết tôi ngủ trên giường bao lâu không ? Mười sáu lần, mười sáu ngày phép !

Định giữ nguyên dáng ngồi, tiếp tục nhìn ra lộ :

— Mệt nhỉ.

— Ở miền này còn khá. Trước trung đoàn này còn ở miền dưới, lội bùn tối ngày. Quần áo nhớp nhúa, mồ hôi, nước sông, bùn cứ thế trộn lẫn. Có khi cả tuần không có dịp thay quần áo.

— Tôi có ở hậu giang một năm trước khi động viên.

— Ở như một dân chính thời bình ! Anh có biết bùn với dân tác chiến là cái gì không ? Một chất lầy nhầy hôi hám lúc nhúc, mồ hôi đổ ra ướt đầm người để đi 50 thước, chân lún sâu tới đầu gối là tối thiểu... Anh biết không, rồi cái miền ấy một tháng rồi tôi còn nằm mơ thấy mình bị tụt xuống bùn. Lút đầu !

Định giữ nguyên dáng điệu nhìn ra quốc lộ, hỏi :

— Thế rồi sao nữa ?

Nỗi tức giận, không phải tức giận con người mới tới ngồi kia, không phải tức

giận bộ quần áo nhóp nhép đang mặc, xâm chiếm ồn ào thân thể Vũ làm hai ngón tay chàng bóp nát mầu thuốc hút dở. Nỗi mệt nhọc của một đêm ít ngủ, những giọt máu trên cổ của hai biệt động quân bị thương buổi sáng, những cực nhọc kéo dài ngày này qua tháng khác, những trận đánh xảy ra làm xáo trộn tâm hồn, những tiếng kêu của người bị thương, những mảnh thịt nát bầy, tiếng trực thăng ù ù tản thương, những giọt máu rơi bắn tung trên tay, mồ hôi chảy dọc người tầm tã, tất cả, tất cả những cái ấy, những thứ đó... Vũ vụt buông khỏi miệng một câu hỏi như một lời nguyện rủa :

— Thế anh xin đến cái đơn vị này làm cái gì ?

Định quay lại nhìn rồi lại quay đi, tiếp tục ngó con lộ, hàng rào kềm gai phía bên kia im lặng. Vũ thoáng thấy, chàng không chắc chắn có phải đúng như thế không, trong cái nhìn vừa rồi một vẻ buồn bã. Nỗi giận dịu xuống, Vũ cầm ly lên uống nốt phần bia còn sót, hỏi mĩa mai dù không định tâm :

— Ghét Cộng thế sao anh Định ?

Định cười. Nụ cười điềm tĩnh, không châm biếm, không chế nhạo làm Vũ tự dưng cảm thấy chàng đang đối thoại với một thứ người khác giống, một loại người không cùng một ngôn ngữ với chàng. Định nói :

— Tôi đã nói với anh rồi. Chắc là tôi không hiểu chiến hay ghét Cộng hơn anh đâu.

Bàn tay Tía mở rộng úp lên một bên vai, những ngón như doãng ra, muốn dài ra vô tận trên da thịt. Chị cảm thấy ẩm ướt lạnh của mồ hôi, nhờn chơn như muốn thấm vào da — đúng thứ nhờn lạnh này, bàn tay Hải đêm hôm ấy, đêm hôm đồn bị đốt. Những nhờn chơn của mồ hôi, những ngón tay quều quào, vẫn chúng. Nỗi kinh sợ quá khứ làm chị rùng mình nhắm nghiền mắt lại, cố gắng tìm lại khoái cảm của những vuốt ve đầu tiên. Nhưng cố gắng thất bại, chị vùng lăn người sang một bên ngồi dậy, quấn lại tóc. Thăng Bê đứng bậc thềm nhìn vào, mắt đen láy bập bẹ :

— Má... má.

Chị cài lại cúc áo, bước xuống đất ra bằng con không buồn ngó người đàn ông. Ngoài sân, trái mít khô nằm lăn lóc cạnh vại nước.

Một lần nữa một câu hỏi không muốn mĩa mai định ý thoát ra khỏi miệng Vũ :

— Chắc anh thất tình ?

Định cười. Vẫn nụ cười điềm tĩnh, không châm biếm, không nhạo làm Vũ vẫn cảm thấy đang đối thoại với một kẻ không cùng xử dụng một thứ ngôn ngữ với chàng. Định trả lời :

— Tôi có vợ rồi và còn yêu vợ.

Yên cùng Hardy mặc quần cụt áo lót trắng bước vào quán cùng lúc với hai người dân mặt đỏ bừng đi loạng choạng. Người già mặc quần đen hở rốn lắc mạnh đầu, chỉ Hardy cười lớn, hàm răng vàng chỉ còn mấy trước phía trong :

— Chào ông Mỹ! Ông đi uống rượu...

Hardy cười theo, vỗ lên vai trần, cố nói thật rõ một câu tiếng Việt ;

— Chào... cụ. Cụ đi... uống rượu.

Câu nói sai dấu làm cả quán cười ồn ào. Yên nhắc lại câu nói, Hardy lắng nghe rồi bắt chước. Ông già cười, kéo người dân đi cùng ngồi xuống ghế, phân vua với Yên :

— Thăng Ba cãi lộn với con vợ nó. Nó lôi tôi đi nhậu hoài từ trưa tới giờ đó.

Yên nhại giọng cụ già, hỏi :

— Thế rồi bác đi nhậu về say, lại cãi lộn với bác gái ở nhà nên lại ra đây uống nữa chứ gì ?

Định hỏi :

— Ông già ở đâu đấy ?

Vũ đáp :

— Xóm dưới kia. Lò rèn chỗ khúc quanh là của ông.

Ông già quay sang phía Ba đang ủ rũ uống ly để người hầu bàn mới mang ra :

— Thôi chú ! Chú nghe qua đây. Con vợ nó hư thì chú oánh lộn với nó chứ. Can chi mà buồn dữ vậy ha.

Tiếng Tía vang lên từ sau lưng :

— Sao em kỳ vậy ?

Chị im lặng một thời gian, ngần ngừ trả lời :

— Tui không biết.

Vũ lâu nhàu :

— Thật trái cựa ! Tên nào ở đây cũng muốn đòi về chỗ yên hết. Anh thì lại đâm đầu ra đây. Thôi, cũng có cái hay là thêm anh, chắc tôi xin đi phép được tuần này.

Định cười :

— Như vậy tôi cũng có ích, sao anh nhăn nhó hoài vậy ?

— Tôi không có lý do để nhăn nhó với anh. Anh biết điều đó mà.

Vũ giơ tay vẫy người hầu bàn :

— Cho chai la de lớn nữa. Lẹ lên bồ ! Anh nên bỏ lon ra trước khi nhận trung đội, nếu không thì một tuần sau sẽ được đeo lon cổ thiếu úy.

— Tôi còn đeo ngày hôm nay để lính biết tôi là cái gì, khỏi phải giới thiệu.

— Còn bảng tên, phù hiệu đơn vị cũ... ?

— Đề thiên hạ biết tên luôn và biết tôi ở đâu đòi đến, khỏi hỏi !

Vũ giót bia vào ly thật chậm để bọt khỏi bốc lên :

— Cái gì cũng có lý do vậy hả ? Mai kia tử trận chắc cũng tuyên bố lý do trước khi tắt thở, ông bạn ?

— Có chứ. Lúc ấy có lẽ tôi sẽ biết là tại yêu đời sống quá chưa biết chừng.

Chị quyết định, thật dứt khoát. Trái mít khô đặt vào tay thăng Bê đang bỏ lê la dưới đất, cánh cửa liếp kéo lại, chị nói với Tía :

— Anh lau tay cho hết mồ hôi đi. Rồi muốn làm gì thì làm. Đừng có rờ rẫm...

Hai tiếng nổ lớn làm ly bia trên tay Định nghiêng đổ ra ngoài một đọt bọt. Tiếng súng kể tiếp liên hồi sau chợ. Yên chạy băng qua lộ vào đồn, Hardy chạy sau, cái mông to nhiều mỡ lắc lư giữa hàng rào kềm gai. Vũ nhào ra khỏi quán, Định cầm súng chạy theo, cơ thể nào nức chờ đợi. Chờ đợi cái gì, chàng không biết, có lẽ một trận đánh, hay là một cơ hội để đối diện với chính mình.

Vũ la lớn vào phòng thông tin đang có những làn khói bốc ra :

— Thôi bắn ! chúng chạy hết rồi còn bắn bắn cái con khỉ gì. Dập tắt lửa đi cho tôi !

Định bước vào phòng đầy những mảnh gỗ và vữa vụn nát. Hai binh sĩ đang lấy chân dẫm lên đồng báo còn bốc khói. Một binh sĩ đang tỉ người trên bàn như ngủ, vụt tuột xuống ngã lăn ra sàn. Bàn tay kéo dài như vô chủ quệt một vết máu không đều trên mặt gỗ. Vũ laù nhàu :

— Thế là hai tên bị. Chẳng ra cái thống chế gì hết !

Định vịn lên cò súng qui xuống, đưa tay kia luồn khe áo đặt lên ngực người lính nằm dài. Một chất nóng nhớp nháp phụt qua khe tay. Chàng rút ra, quay đầu lại nói với Vận đang lúi húi quấn băng quanh đầu một binh sĩ mặt ngơ ngác :

— Chàng này bị vào ngực. Máu ra nhiều quá, anh nên băng cho hắn ngay đi. Chị giật bắn mình, ngừng đầu nghe ngóng :

— Đánh đồn nữa rồi.

Tía dẫn chị xuống, bàn tay tiếp tục lục lạo. Chị nghiêng người vùng dậy :

— Đụng tui nữa, tui la làng đó !

Chị bước xuống đất, xoắn lại quần áo, cúi bồng con, mở cửa liếp bước ra sân. Tiếng súng đã im. Chị quay lại hỏi Tía :

— Anh gặp chồng tui ở quán nào, chỗ ngã ba hay ngoài chợ ?

Định đứng dậy, chùi tay vào tờ báo trên bàn. Hy cúi đầu trên C.10 liên lạc với đồn, Vũ ngậm điếu thuốc trên môi, tay lục túi tìm bật lửa. Định hỏi :

— Kết quả ?

— Tụi nó phóng hay thật. Từ bờ tre đến đây gần hai trăm thước, chúng làm hai trái trúng cả hai. Một lửa một thương. May trung đội tôi trực hôm nay, đóng bên kia, chứ không cũng lãnh đủ.

Hy nhăn nhó đưa ống liên hợp cho hiệu thính viên, thở dài đứng dậy :

— Hai bị thương, còn thì vớ vẩn đại khái mà Đại Bàng đang la vỡ đồn trong kia. Rửa tội tùm lum : Làm ăn cái con quái quỷ gì mà mới 5 giờ chiều đã để tụi chúng tung hoành như vậy !

Định hỏi Vũ :

— Lính gác giặc không trông thấy gì sao ?

Hy laù nhàu :

— Rồi anh Định sẽ thấy ! Bảo chúng cất gác cẩn thận ban ngày thì không chịu, coi thường. Lúc thấy có người chết thì sợ. Rồi anh sẽ biết, anh sẽ mệt vì quân mình hơn vì quân địch.

Định gác súng vào mép bàn, ngồi xuống ghế gọi chủ quán :

— Cho tôi một ly cà-phê đen.

Da tay dính dính trên gỗ súng, chàng giơ lên coi : máu còn đọng cứng giữa các kẽ ngón. Chàng đứng dậy cầm ly bia ra cửa quán, xối rửa. Chiếc jeep tản thương rồ máy, Vận la lớn :

— Không được đâu, hết chỗ rồi !

Người đàn bà òa lên khóc lớn tiếng, chấp hai tay vái lia lia :

— Thiếu úy làm phước chở dùm... Tui chỉ còn có một mình nó. Thằng anh nó đã chết vì mìn thảng trước... Thiếu úy làm phước...

Vận lâu nhàu :

— Rồi ! Bác cho em lên đây. Bị thương sơ sơ thôi, bác đừng lo.

Binh sĩ ngồi cạnh tài xế bước xuống theo lệnh Vận, người đàn bà bế đứa bé quanh đầu quán băng dính máu và thuốc đỏ leo lên xe. Vận vẫy tay, chiếc jeep lao ra lộ, chiếc GMC chở quân hộ tống rồ máy chạy theo. Vận bước vào quán, nhìn Định :

— Không mở đường kịp. Dám bị chúng cho một mách trước khi tới quân y viện lắm.

Định chùi tay vào quần cho khô, đẩy ly bia uống dở về phía bạn, khu chợ đã trở lại bình thường, một vài hàng tạp hóa đã mở cửa lại. Vận đưa tay lên chùi mồ hôi trán :

— Dân ở đây kỳ cục. Bị sơ sơ thì đi xe ba bánh lên tỉnh có phải chắc ăn không. Đòi đi xe nhà binh, dám chưa chết, mìn một phát thành chết ngắc.

Định hỏi :

— Tổng cộng bao nhiêu người bị, anh Vận ?

— Hai binh sĩ thương nặng vừa tản thương đó, hai xoàng. Thường dân bốn bị thương, nhẹ nhất là đứa nhỏ vừa rồi. Tụi khốn ! Bắn vào giữa chợ, không có thương gì ai cả.

Định cúi đầu, ly cà phê bốc khói, nắng buổi chiều đọng một lớp vàng long lanh như chất sữa trong chiếc ly buổi sáng. *Anh tưởng anh sẽ tìm được cho anh cái gì ở đó ? Không có gì đâu anh, không có gì hết đâu anh !* Chàng nuốt ngụm cà phê nóng bỏng và đắng, nhận ra rằng từ lúc có tiếng nổ cho tới khi tản thương xong, chàng không suy nghĩ gì cả. Cầm súng chạy theo Vũ, tì súng vào cột bắn vào bụi tre phía xa, vào phòng thông tin đặt tay lên ngực người lính bị thương, thân thể chàng cử động tự nhiên và tách rời khỏi tâm trí. Không, chưa thấy gì chưa tìm thấy gì. Những giọt máu dính vào tay, chùi đi, rửa đi, thế là hết. *Không có gì đâu anh, không có gì hết đâu anh ! Em biết thế, em là đàn bà và em yêu anh.* Không, chàng đã thấy... Đã thấy gì, một kích thích, một ham muốn chiến đấu, đúng thế, khi tì súng lên, cột, chàng đã mong địch tràn ra xung phong. Chỉ có thể thôi, chất lỏng đen đắng trong miệng làm chàng thèm muốn một liều thuốc, nổi thèm muốn rõ rệt, đòi hỏi. Chàng châm lửa hút, hưởng thụ khoái cảm của làn khói trong cuống họng đúng lúc — như khi vừa làm tình xong, thân thể còn bải hoải và miệng còn dư vị nước bọt người đàn bà. Trong không gian khép kín của căn phòng, làn khói ứ đọng mờ dần có vẻ như thấm vào từng sợi vải, thớ gỗ lớp vôi phủ vách tường. Tiếng Linh nói nhỏ nhỏ xen kẽ tiếng mở nút chai nước hoa

bé xiu lấy từ chiếc sắc tay : «Mỗi lần ở nhà anh về, quần áo anh đầy mùi thuốc lá. Về chưa ngồi xuống ghế, cụ bà đã biết là đã tới anh... Mấy lần em bị mắng vì thế». Chàng ngạc nhiên về nhận xét của nàng, chàng chỉ nghĩ tới giữ quần áo nàng cho phẳng phiu bằng cách đưa vào sau bức màn, lấy áo dài và quần ra là hộ. Ấn chiếc bàn là theo từng phần dụng cụ bao phủ thân thể thiếu nữ trong không gian mờ sáng của căn phòng đóng cửa và không bật điện, ý thức sự hiện diện sự bộc lộ của cơ thể chưa khám phá tận cùng bên kia bức màn, chàng tìm thấy một iên lạc chặt chẽ và ấm áp với Linh, một liên lạc ràng buộc không thể tìm được nơi khác lúc khác. Chàng thường chỉ để cho Linh một phút để mặc bộ quần áo vừa là lại tung qua bức màn để nàng phải mặc ngay lớp vải nóng bỏng vì hơi điện, để sau đó nàng bước ra suýt soa kêu ca và khuôn mặt đỏ hồng lên, lấm tấm những mồ hôi trên trán. Vũ bước vào, lẳng lặng ngồi xuống ghế. Định đưa tay lên ngửi : không còn mùi máu. Chàng tự hỏi người bị thương sắp chết có ngửi thấy mùi máu của chính mình hay không. Vũ nói :

— Đại Bàng nổi cơn nóng lạnh quá xá. Mới đầu còn không chịu cho tản thương ngay bằng xe, sợ kích chết thêm.

Vũ cầm bình trà trên bàn, cười một nhọc :

— La thì la vậy. Rốt cuộc sau cùng không những tản thương lính mà còn tản thương luôn cả dân nữa.

Định hỏi :

— Anh có xin được nghỉ phép không ?

— Được bốn ngày. Sáng mai bàn giao trung đội cho anh xong là đi phép. Khi về, tôi sẽ làm đại đội phó đại đội chỉ huy của trung úy già lắm cầm. Sáng mai tôi sẽ đi nhờ xe cổ vấn Mỹ về tỉnh.

Vũ cố gắng vui thích. Mai đi phép : bốn ngày xa đơn vị, xa vùng chiến trận, bốn ngày thỏa mãn sinh lý. Nhưng chàng dù cười, dù nói nhiều, nổi vui sướng vẫn như bông bênh bên ngoài chàng. Trở về nhà qua ngõ hẹp có cây trướng cá lớn, đứa con chạy ra, bữa cơm trưa ồn ào và sau đó chiếc màn kéo ngăn đôi căn buồng. Bích và chiếc háng của nàng và con vật háu ăn hùng hồ để rồi sau đó mồ hôi toát ra đầy người ngủ thiếp đi trong làn hơi nóng từ mái tôn tỏa xuống. Buổi tối đi xem chiếu bóng về, lại tìm tòi giây phút khoái cảm ngăn ngủi, thoáng qua như vết tàn thuốc rơi trên mặt đất. Chàng có ý nghĩ so mình với một con trăn, lâu lâu ăn một lần miếng mồi lớn, ăn xong nằm tiêu hóa hằng tháng. Thật không còn gì khi đàn bà chỉ là một con vật cái. Chàng tự hỏi bây giờ có dịp làm tình với Oanh, sẽ tìm thấy gì. Chàng quay lại hỏi Định đang im lặng ngó khoảng không gian trước mặt :

— Nếu có dịp, có nên ngủ với người yêu xưa kia không, anh Định ?

— Cái đó tùy.

— Trường hợp người ấy xa mình còn trinh và đi lấy chồng đang hoàng ?

— Tôi cho rằng có lẽ không nên bởi vì đời một kỷ niệm đẹp

hào giờ cũng là

có gì để lộ vì chẳng có kỷ niệm đẹp để mất đi. Nhưng cũng có thể là lộ vì chàng còn có một nỗi tiếc. Định hỏi :

— Tôi nghe đồn [] [] sắp chết có thể biết trước hay linh cảm. Có đúng không anh ?

— Tôi không biết. Cho tới giờ, chôn [] [] đồng đội rồi, tôi chưa thấy anh nào chết mà linh cảm được trước. Chỉ có điều linh kiêng nhất là úp mũ lên súng như thế này !

Vũ cầm mũ sắt úp lên nòng súng nhô cao khỏi mép bàn. Định cười, bắt chước cầm mũ lưỡi trai đội lên súng mình, nhắc lại câu nói :

— Như thế này...

Đột nhiên Vũ bắt đầu có cảm tình với người đồng đội mới vì hành động vừa qua, chàng nói vui vẻ :

— Mai tôi về Saigon, anh cần nhắn gì với bà xã không ?

. . .

Chị vùng ôm lấy chồng khi người đàn ông vừa bước qua ngưỡng cửa, mắt đang chớp mở tìm quen với bóng tối trong buồng. Chị khóc nức nở trong vòng tay ngỗ ngang của Ba, toàn thân như muốn trải dài ra tìm nơi nương tựa

— Coi kia ! Tôi có nói chi nữa đâu, sao em khóc dữ vậy ?

Những đau đớn tích lũy từ bao giờ, tiếng má la hét đau đớn trên mặt phản, những lời đôi co với Ba, những vuốt ve nhờn nhờn mồ hôi của Tía ủa tới làm thân thể như muốn cong gập lại như một con sâu bị kim xuyên qua. Chị nghẹn ngào, khóc không sao ngừng được. Những đầu gối, những đôi giày cao cổ, cặp mắt gườm gườm, hai ba bốn nệm cặp mắt gườm gườm từ bốn tường dồn sập lại bao quanh, lớp lá khô gỗ ghè dưới da lưng đùi mông và thân thể Hải quân quai ép nặng bên trên giọng nói như van xin của Ông trong bụi cây ven sông khi chị nằm yên đó, thân thể mở rộng với chiếc quần vắt ngang ngực, Chị khóc lớn hơn, đứa bé hét theo, Ba như sợ hãi, lắp bắp :

— Coi kia !... Con nó khóc kia.

Chị buông Ba ra, đứng dậy bồng con ra sân, chùi nước mắt ngồi xuống cạnh vại nước. Nước bên trong phẳng lặng lấm tấm vài hạt bụi và một chiếc lá khô nhỏ hơi lay động. Chị nhìn bóng khuôn mặt mình lơ mờ, đằng sau trên cao những đám mây còn trên nền trời. Một giọt nước mắt rơi xuống làm khuôn mặt tan vỡ, chị mim môi cố ngăn những nước nức nở từ lồng ngực dờ ra lên. Không muốn, má ơi má, con không muốn như thế. Con không muốn... Một giọt nước nữa rớt xuống. Má chết rồi, chết chôn ngoài gò cuối

làng, mái tóc xõa ra khỏi cái và bết máu. Sao má khóc nhiều thế, má khóc dẫu một mình sau bếp, ngoài vườn. Chị vục gáo nước ra chậu, khuôn mặt mờ ảo vỡ nát không còn vết tích, chị khoắng mạnh những lá rau trong chậu, vớt thành bó để lên thớt thái. Chắc chắn như thế đó, chắc chắn từ giờ sẽ để cho Tía... Chị sẽ là người đàn bà có chồng còn ngủ với trai. Trai nào? Gã trưởng đồn gườm gườm Hải đè nặng đau đớn hay Uông năn nỉ bên trên thân thể mở rộng chiếc quần vắt ngang. Chị bê rổ rau thái xong vào bếp, nhóm lửa. Ngọn lửa đỏ bập bùng, làn khói xanh dày đặc trước cửa bếp. Nhìn qua vách thầy Ba nằm như ngủ trên phản, chắc ảnh say rượu rồi, chị quay lại ngồi ngó lửa, bắt đầu khóc như một ngày đã lâu chị đã thấy mẹ ngồi khóc một mình như thế, cũng ở chỗ này. Những giọt nước nóng rớt xuống chân xuống đùi, chị ngồi lặng đi không nhúc nhích trong một không gian đầy rẫy tan vỡ không còn biết bầu vùi vào đâu. Trước Ba đã có những cặp mắt gườm gườm trong đồn, tiếng la hét trên phản của má, có Hải có Uông, bây giờ thêm Tía hay thêm ai nữa cũng thế mà thôi. Chị chẳng còn gì để giữ để cản nữa khi thân thể căng nóng lên với một người hay nhiều người đàn ông khác nữa. Nghiêng đầu xuống thối cho lửa bùng lên, chị nghe thấy tiếng một giọt nước rớt tan trên than tro.

(Còn nữa)

THẾ-UYÊN

Tuổi trẻ VN nghĩ gì về chiến tranh, về gia đình, về cuộc đời, về tình yêu, về những người đi trước, và về chính thân phận tuổi trẻ

tìm đọc loạt phỏng vấn thanh niên trên :

ĐỐI THOẠI

Nguyệt san do Sinh viên Văn khoa chủ trương

số ra mắt 15-6-1966

- Tuổi trẻ và 20 năm chiến tranh
- 500 thanh niên nói về một vấn đề nóng bỏng, một nỗi chết đè nặng tâm hồn và thân xác VN.

SÁCH TẶNG LINH BẢO

Sau lá thư của nữ-sĩ Linh Bảo đăng trên tạp chí Bách Khoa số 222 (1/4/66) chúng tôi có nhận được một số sách tặng của các nhà văn và nhà xuất bản : Thời Mới, Sáng tạo, Giao Điểm, Nguyễn đình Vượng do các bạn Võ Phiến, Doãn quốc Sỹ, Trần phong Giao và Nguyễn đình Vượng gửi tới để chuyển cho Linh Bảo.

Xin trân trọng cảm ơn quý vị nhà văn và nhà xuất bản trên đây, và các bạn nào có nhã ý tặng sách cho nhà văn Linh-Bảo để lập tủ sách ở Monterey (Huê-Kỳ) xin cứ gửi về : Tòa soạn Bách Khoa Thời-Đại, 160 Phan đình Phùng Saigon.

« ... Hỡi những người ngu ngốc đáng thương ơi ! Các người đang tin tưởng ở một cuộc thay đổi đường lối chính trị, thật ra rồi các người sẽ chỉ thấy thay đổi có nhân viên chính quyền... »

GUỒNG MÁY

truyện của Jean Paul Sartre

TRẦN PHONG GIAO dịch — NGÀY NAY in lần thứ 2 — gần hết

CROISSANCE



**CALCITHÉRAPIE
GÉNÉRALE**

RACHITISME
DÉMINÉRALISATION
TROUBLES DE LA CROISSANCE
GROSSESSE — ALLAITEMENT
FRACTURES

CALCIGÉNOL

du Docteur PINARD

CALCIGÉNOL

VITAMINE

du Docteur PINARD

en flacons de 300 cm³

Distributeur : UFFARMA CONG-TY

20 A, BEN BACH-DANG — SAIGON

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Sách in ở các nước

Hàng năm tập san TIN SÁCH của Bút Việt có bài tổng kết về tình hình xuất bản trong nước, năm rồi (1965) cũng như năm trước (1964), các bài tổng kết đều do nhà văn kiêm xuất bản gia Nguyễn Hiến Lê phụ trách. Tài liệu và nhận định đều thận trọng, đáng tin cậy.

Sau khi đã theo bước ông Nguyễn nhìn qua việc xuất bản trong nước, chúng ta có thể xem đến tình hình các nước khác, để đối chiếu.

Ở Anh, có 26.358 cuốn sách được in ra (trong đó có 5.313 cuốn tái bản) trong năm 1965.

Ở Tây ban nha có 10.425 cuốn được ấn hành trong năm 1965.

Ở Tây Đức có 26.228 cuốn được in trong năm 1964 (tình hình năm 1965 chưa rõ).

Ở Mỹ có 28.595 cuốn trong năm 1965 (trong đó có 8.361 cuốn tái bản).

Còn ở Pháp thì trong năm 1965 có 21.351 cuốn.

Cũng nên biết rằng chữ cuốn (titre) ở đây có nghĩa khác mà là số lượng bản

cuốn sách, ngay trong các tài liệu của UNESCO cũng lúng túng. Phải dày đến chừng nào mới là sách? 4 trang, 8 trang có là sách chăng?

Trong khi chờ đợi, hãy gọi là « cuốn » thôi vậy.

Công dụng của tư tưởng

Trong phong trào thanh trừng giới trí thức Trung Hoa, văn hào Quách-Mạt Nhược vừa phản tỉnh, kêu rằng từ trước tới nay ông đã không thực sự am hiểu tư tưởng Mao Trạch Đông cho nên ông viết lách hổng bét cả, ông phủ nhận tất cả những gì đã viết ầu xị xưa nay.

Nhân đó, một tờ báo Ấn độ lên tiếng đũa cọt bất kính. Nhà văn Ấn kể rằng có những bản tự thú của đủ các giới ở Trung Hoa công nhận hiệu năng kỳ diệu của tư tưởng Mao Trạch Đông: một người lính bảo là nhờ nghiên cứu tư tưởng Mao Trạch Đông anh ta bắn đúng hơn trước; một người dân chài bảo là nhờ học tập tư tưởng Mao Trạch Đông anh ta đánh được nhiều cá hơn trước; thậm chí có người đàn bà bảo là nhờ học tập tư tưởng Mao Trạch Đông bà ta đẻ con mà không thấy đau đớn!

Đó là những chuyện thật hay mà chúng ta

Trạch Đông giúp đàn bà đẻ con, nếu phụ nữ Trung Hoa tuyên bố rằng tư tưởng ấy giúp họ có được đứa con trong bụng, khi đó toàn thể đàn ông... mất việc hết. Đó mới là tin đau đớn.

Phép thử thơ

Thường thức nghệ thuật xưa nay vẫn khó, vì tiêu chuẩn mơ hồ. Cùng một kiêu nhà, kẻ khen đẹp người chê xấu; cùng một bức tranh, kẻ trả bạc vạn người chê không thèm nhìn.

Mới đây Dino Buzzati, trong cuốn *En ee moment précis* có phát minh một phương pháp đọc thơ, thử thơ, để phân biệt thơ hay thơ dở.

D. Buzzati mở đầu : « Có một phương pháp rất giản dị và rất thực tiễn để xét xem một bài thơ có đúng thật là một bài thơ hay không » (đại khái cũng như thử mật ong xem có phải đúng là mật ong, hay là thứ giả mạo). Theo phương thức ấy thì bạn hãy đọc một cách lơ đãng, đừng có cố gắng một chút nào, đừng có chú ý đến nó, vừa đọc vừa nghĩ đến chuyện này chuyện nọ vớ vẩn. Nếu đúng là bài thơ thì nó sẽ chích vào óc bạn một cái đau như kim chích, hoặc là như điện giật. Đó là đặc tính của thơ. (D. Buzzati thận trọng chú giải rằng ấy chỉ là cách thử thơ mà thôi, thử xong rồi bạn có thể đọc kỹ lại bài thơ, tha hồ nghiền ngẫm, suy nghĩ để thưởng thức ; cam đoan vô hại).

Theo D. Buzzati thơ có thể ví như vi cầm, tản văn có thể ví với dương cầm.

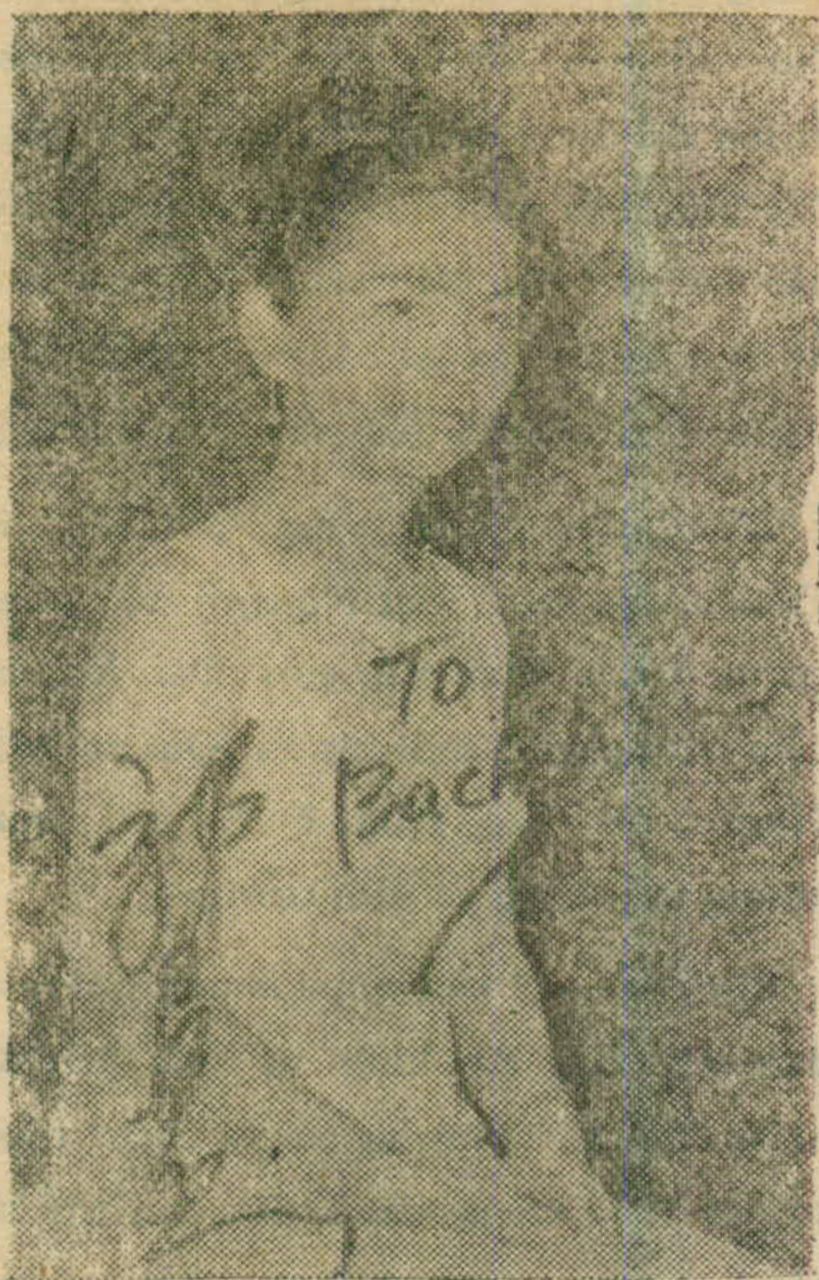
Nghe vi cầm thì chỉ cần bốn nốt nhạc là đủ để phân biệt tay đàn hay dở. Còn muốn đánh giá một tập văn xuôi hay một tay chơi dương cầm thì phải nghe kỹ, cân nhắc kỹ.

QUÁCH LƯƠNG HUỆ

Trong những ngày cuối tháng 5, có một nữ sĩ tài danh Trung Hoa quốc gia tới thăm Sài Gòn. Người đó là Quách-Lương Huệ, tác giả cuốn *Tâm Tỏa*.

Quách Lương Huệ tiêu biểu cho lớp văn nghệ mới của Đài Loan, là một tác giả vừa có tài, vừa đẹp, vừa bạo, vừa phong phú.

Nói về cái tài, cuốn *Tâm Tỏa* được hoan nghinh khắp Đài Loan, Hương Cảng, được dịch ra Anh văn, tác phẩm của họ Quách truyền bá rất rộng rãi, tới nỗi khi nữ sĩ đến Sài Gòn học sinh trung tiểu học Hoa kiều nghe tin nườm nượp kéo đến như để chiêm ngưỡng một thần tượng. Nói về cái táo bạo của người thiếu phụ ấy, có thể nhắc lại trường hợp cuốn *Tâm Tỏa* bị Trung quốc văn nghệ hiệp hội kết án và tác giả bị khai trừ ra khỏi hội. Nói về sự phong phú, thì từ ngày cầm bút, 1951 đến nay, họ Quách đã có trên hai chục tác phẩm : *Tình đen, Đường xa, Thanh thanh thảo, Nợ tình cảm, Nỗi tình, Chuyện đàn bà, Tôi không khóc nữa, Lúc chiều về, Ngã-tâm ngã tâm, Thất lạc thất lạc v.v...* Lại nói về cái đẹp thì hôm người thiếu phụ hai con ấy bước chân tới nhà hàng Đại la thiên, trong 1 cuộc tiếp tân, phóng viên của *Liên hiệp báo* (Hoa văn) chăm



chú tã kỹ từ cái áo cái quần, mái tóc, cái kiếng mát đeo mắt, và chịu rằng nụ cười của nàng làm... rung rinh cõi lòng! Phóng viên còn trộm ghi thêm một lời của ai đó trầm trồ rằng nữ sĩ trông như minh tinh.

Một nữ sĩ như thế được hỏi thăm về việc hội Trung quốc văn nghệ công kích cuốn *Tâm tảo* bèn tỏ vẻ buồn rầu :

— Việc qua đã lâu đáng lẽ không nên nhắc lại làm gì, chẳng qua quý vị đã có lòng hỏi đến, không thể không đáp. Đối với một người văn sĩ chuyện viết ra tác phẩm là chuyện chính, còn vào hội này hội nọ bàn cãi hốp hiếc là chuyện phụ ; trước tôi có vào hiệp hội là cốt có dịp làm quen với các văn hữu trong nước, do sự giới

thiệu của mấy văn gia lớn tuổi. Hiệp hội văn nghệ nào chung qui cũng có mục đích giúp hội viên bảo vệ quyền lợi, trao đổi kinh nghiệm, tranh thủ tự do, chứ chẳng có hội nào lại có mục đích công kích trấn áp hội viên. Vụ tố cáo *Tâm tảo* không phải là chủ trương của hội, ấy chỉ là chuyện một số ít phần tử. Và lại ở Trung hoa có câu tục ngữ ý nghĩa đại khái cho rằng các kẻ cầm bút thường ganh ghét nhau. Ở Việt Nam có câu nào như thế chẳng ?

Kẻ đối thoại trí óc chậm chạp không tìm ra câu nào. Dầu sao, chỉ một câu tục ngữ Trung hoa cũng đủ, câu đó nói thay tâm lý của văn nhân mọi nước (không phải nói được trọn vẹn đầy đủ, dĩ nhiên, chỉ nói cái khía cạnh xấu nhất thôi).

Lại hỏi thêm :

— Việc cuốn *Tâm tảo* bị tố cáo là « hoàng sắc tiểu thuyết » như vậy oan uổng đã đành, nhưng dư luận thường cho rằng Quách Lương Huệ là Françoise Sagan Trung hoa, nữ sĩ nghĩ sao ?

Nữ sĩ bẽn lèn : « Ồi ! mình là người Đông Phương, Sagan là gái Tây phương, đâu so sánh được. Đông phương bao giờ cũng có cái nét na kín đáo riêng. »

(Sau đó, lại có dịp gặp nhà văn Vi Huyền Đắc là người đã đọc Quách Lương Huệ nhiều, hỏi về cuốn *Tâm tảo* để được biết rõ hơn về cái nét na Đông phương thì nhà văn họ Vi lắc đầu : « *Tâm tảo* hả ? nhiều đoạn « dữ » lắm ! « dữ » lắm ! »

Đối với các đồng nghiệp bên Đài loan,

Quách Lương Huệ tỏ vẻ dè dặt, không muốn phán đoán, chỉ giới thiệu vài tác giả mà nữ sĩ riêng lấy làm thích : Từ Vu, Mạnh Dao, Lâm Hải Âm.

Đối với các xu hướng văn nghệ thịnh hành ở Trugur hoa quốc gia, họ Quách cũng không muốn nhận xét, cho rằng đó là phần việc của các nhà phê bình biên khảo hơn là của một người sáng tác. Tuy nhiên theo ý họ Quách, văn nghệ Trung hoa ngày nay không chịu ảnh hưởng bao nhiêu của các trào lưu nghệ thuật Tây phương.

Về tình hình xuất bản ở Đài Loan, ta được biết các tác phẩm của một nhà văn cỡ Quách Lương Huệ, mỗi cuốn in ra độ 40.000 bản. Cuốn *Tâm tảo* thì có lẽ trước sau in ước độ 50.000 bản. Thăm nghĩ trong bụng giả sử tình hình ở Việt nam mà được như thế, loại sách rẻ tiền của tạp chí *VĂN* dám hạ giá xuống tới một cuốn lắm. Ôi ! biết đến bao giờ thì hai cái bấu trên đời là hoàn cảnh văn nghệ nước cô Quách và thiện chí văn nghệ của anh Trần (Phong Giao) mới kết hợp được với nhau !

Lại nhân vấn đề xuất bản này, tưởng cũng nên nhắc lại câu chuyện Quách nữ sĩ nói với các ký giả hoa văn tại đây là: Sách của cô bị kẻ gian in giả mạo ! Kỳ quặc quá. Gian thương bên xứ cô Quách thật quá trời ! Thảo nào hôm nọ nhớ có được xem tại nhà ông Vi Huyền Đắc một

mang triện son của tác giả. Triện son, thứ đó bên xứ ta các tao nhân mặc khách chỉ dùng đóng trên các cuốn sách đặc biệt, làm món quà tặng riêng bạn bè, nào có ngờ đâu cái dấu hiệu cao nhã ấy bên nước Tàu lại có lúc phải dùng làm lợi khí để đối phó với gian thương.

Hỏi Quách nữ sĩ rằng đối với tin Quách văn hào (Mạt Nhược) bị thanh trừng ở Bắc Kinh văn giới Đài loan có cảm tưởng gì. Nữ sĩ đáp : « Quách Mạt Nhược ? ở Bắc Kinh ? Xa xôi quá, chúng tôi không có cảm tưởng gì. »

Trời đất ơi ! nếu nữ sĩ không nói ra ai dám ngờ rằng Bắc kinh và Đài bắc xa nhau đến thế ! Nhưng cái xa cách thực sự, có lẽ là cái xa nhau giữa hai thế hệ văn học, cái xa nhau giữa quan niệm văn nghệ của nữ sĩ và các vấn đề chính trị.

Anna Akhmatova

Nếu không thế, làm sao hiểu được trường hợp F. Mauriac khi ông viết :

« Anna Akhmatova, tôi nghĩ đến bà. »
tôi đã tự nhắc đi nhắc lại mãi câu ấy, suốt cả một ngày hôm nay... »

Ngày đó là ngày chủ nhật, 15-5 vừa qua, Anna Akhmatova vừa mới qua đời bên Nga. Và ở bên Pháp F. Mauriac than thở suốt ngày trời. Cho hay trong cái lẽ xa gần có nhiều điều tế nhị rắc rối. Lẽ nào hai người Trung hoa cùng họ Quách lại xa nhau hơn là một văn hào

Anna Akhmatova có người chồng bị chính quyền xô-viết ở Nga đem xử bắn, có người con bị chánh quyền xô viết giam giữ suốt 20 năm. Trong bài tựa cuốn *Requiem* (đã dịch ra tiếng Pháp và xuất bản ở Pháp), nữ sĩ kể rằng bà đã có thời kỳ đứng nổi đuôi trước lao xá Leningrad trong 17 tháng trời. Một ngoy kia, có người tình cờ nhận diện ra nữ sĩ. Một người đàn bà đứng kề sau Akhmatova nghe nói đến một kẻ cầm bút, vội kể tai bà hỏi nhỏ: «Cảnh này rồi liệu bà có thể kể lại không?» Akhmatova đáp: «Tôi có thể.»

Bởi vậy mà F. Mauriac quý cuốn *Requiem*. Mauriac vem nước Nga như là bị đóng đinh trên thập tự giá hơn bốn mươi năm nay; và trước thảm cảnh đó, A. Akhmatova không rời bỏ nước mẹ đau thương, quyết định ở lại bên cạnh, cùng chia sẻ mọi nhục nhã đau đớn. Cảnh hành hình đóng đinh diễn ra trong im lặng vì không mấy kẻ dám lên tiếng. F. Mauriac cho rằng *Requiem* gần như là tiếng cất lên duy nhất trợ trợ trong sự im lặng ấy, Bởi thế mà nó cảm kích văn hào công giáo F. Mauriac.

Alberto Moravia

Cuốn tiểu thuyết mới nhất của A. Moravia nói về việc viết tiểu thuyết. Việc đó đòi hỏi phải hết sức chăm chú, bởi vậy mà tác phẩm mang tên *L'attention*. Chăm chú đối với cuộc đời, và đối với con người.

Một sự chăm chú như vậy thì mệt người, hao tổn lắm? Quả đúng vậy. Do đó mà nhân vật Francesco trong truyện, trước khi bắt tay vào tác phẩm, liền gọi vợ lại phân trần: «Chúng mình tối nào cũng yêu nhau, hã? Này nhá, anh cảm thấy tất cả sức lực cần thiết cho anh để sáng tác, anh đã đem trút cho em hết cả. Nếu anh cứ tiếp tục cái kiểu đó mãi thì anh không sao hoàn thành tác phẩm được.»

Không phải A. Moravia đùa một lần mà chơi. Cũng không phải lúc này Moravia già nua rồi, nên mới ngao ngán mà nói vậy. Cách đây hơn mười lăm năm, trong cuốn truyện *L'amour conjugal*, một nhân vật văn sĩ khác cũng đã từng giao hẹn với vợ tạm đình «yêu đương» cho tới khi viết xong cuốn sách.

Như vậy rõ ràng trong quan niệm của đại văn hào đầy kinh nghiệm Moravia hai việc sáng tác và... «tối tác» đều vất vả gian nan như nhau.

Tiết lộ của bậc đàn anh lão thành e có thể làm nản lòng một số phụ nữ, và làm trở ngại sự nghiệp ái tình của những người cặm đút trẻ chẳng?

Xin mở chiến dịch

Bên Pháp người ta phát giác ra rằng cứ 100 người thì có 58 người không hề đọc cuốn sách nào, không hề mua cuốn sách nào (Nói thế cũng hơi quá. Sự thực họ có một số sách giáo khoa, vài ba cuốn trình thám, kiếm hiệp gì đó,

« Đề tài *«Thơ Tranh đấu»*, theo tôi, tự nó đã có tính chất gượng ép. Bởi vì phần đông không ai nghĩ rằng thơ là một thứ khí giới như sức mạnh quần chúng, như súng, như gươm... Nói đến thơ, người ta nghĩ đến những cái gì phù phiếm, xa hoa, vớ vẩn, nhằm nhí của một bọn người điên điên khùng khùng, bọn mà, nói như Xuân-Diệu, *«ru với gió, mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây.»* »

« Về phía những người-làm-thơ, tôi chắc không ai nghĩ rằng mình làm thơ để tranh đấu. Không ai nghĩ rằng mình làm bài thơ này để sách động quần chúng, bài thơ kia để dọn ghế bộ trưởng tương lai trong một chính phủ nào đó, bài thơ nọ để gây áp lực chính. Trị đòi quyền hồi lợi, hay để làm hại một mạng người... Dĩ nhiên, tôi nói những người làm thơ chân chính — những thi sĩ — chứ không phải những người làm văn vắn để tuyên truyền, để ca tụng, nhằm một mục đích « thương mại » nào đó. Theo tôi, trước hết, người thi sĩ vẫn là người nhạy cảm, dễ xúc động và xúc động mạnh. Thơ của họ phát xuất từ những tình cảm chân thành, dù là để diễn tả nỗi uất hận ngẹn ngào, niềm cô đơn bàng hoàng ray rứt hay niềm mơ ước vời xa nào đó, cũng như khi ngần ngơ trước một tà áo, một nhan sắc. Trước hết và sau hết, vẫn là vấn đề xúc động cá nhân có tính cách chủ quan — và ở trong khu vườn tình cảm của họ, họ là ông Trời con sáng tạo tự do, cũng như người họa sĩ trước khung vải. Dù

sao người thi sĩ cũng nằm trong cái cô đơn của mình trong lúc sáng tác, cũng như sau đó. Mặc dù họ có liên quan mật thiết đến hoàn cảnh mà trong đó họ vẫn sống, họ vẫn ăn và họ vẫn thở.

« Nói như thế, không phải phủ nhận sự có mặt của thơ tranh đấu trong diễn

SÁCH MỚI

Bách Khoa Thời Đại đã nhận được :

— Viên đạn đồng chữ nổi truyện dài của Mai Thảo do tạp chí Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 184 trang, giá bán 20đ.

— Tin văn số 1 bán nguyệt san, nghiên cứu, sáng tác, phê bình ra ngày 6 và 21 mỗi tháng, do ông Nguyễn Ngọc Lương tức nhà văn Nguyễn Nguyên làm chủ nhiệm kiêm chủ bút. Số ra mắt dày 200 trang giá bán 15đ.

— Diễn đàn tự do các bài nói chuyện của 14 diễn giả trên Đài Phát thanh Saigon, trong mục diễn đàn tự do, do cục Vô tuyến truyền thanh xuất bản. Sách dày 180 trang, bìa và minh họa của Duy Thanh, không đề giá bán.

— Cung mi trường tập thơ của Vũ Dương Tự, do tác giả gửi tặng. Thơ in ronéo khổ 21 x 27, gồm 20 bài, giá bán 25đ.

trình lịch sử nước Việt, nhất là từ giai đoạn 1945 trở về đây. Nhưng vẫn không mâu thuẫn với nhận định trên, bởi vì dù sáng tác một bài thơ bắt nguồn từ một cảm xúc thời cuộc, lấy bởi cảnh thời cuộc, cũng không phải là có chủ đích tranh đấu từ trước... mà tính cách tranh đấu có được chính là nhờ sự chân thành của họ, sự xúc cảm thực của họ, và tính chất «*rất người*» của họ đó thôi ! Những tính chất đó gây cho bài thơ một tác dụng truyền cảm sâu xa, khơi dậy ở lòng người đọc những cảm, những nghĩ, những nghe, những thấy mà họ đã thấu nhận được, tưởng tượng ra, linh cảm trước... Để rồi sau cùng, chính đọc giả bị lôi cuốn cùng nhìn về, cùng hướng theo, cùng xót đau, cùng căm phẫn, cùng mỉa mai, cùng mơ ước như họ. Tính chất Tranh đấu của thơ là do đó.

Và cũng từ đó, trong gần suốt 1 tiếng đồng hồ, thính giả im lặng để nghe những luận điệu rất trẻ, rất bạo mà cũng rất xót xa, cùng những vần thơ rất xót xa mà cũng rất bạo, rất trẻ để chứng minh lửa tranh đấu của Thơ, khi âm ỉ, mơ hồ, bay bướm, lúc sỗ sàng, trâng tráo, bạo tàn. «*Người mẹ Việt*» anh đứng ra sao, đau khổ ra sao, người thanh nam thanh nữ Việt căm hận, thiết tha, chán chường, đợi chờ những gì, đều được nhà thơ lường họ Đỗ, Nghê lần lượt phô bày.

Thuyết trình viên lấy năm 1945 — đúng hơn là ngày 19 tháng 8 năm 1945 — làm cái mốc lớn đánh dấu một khúc

quanh lịch sử quan trọng, cái thời mà nàng Thơ không còn tung cánh trên hoa, mà khoác cho mình một tấm áo da trời với những màu sắc mới. Anh nhắc đến những bài thơ tranh đấu thời tiền khởi nghĩa như các bài thơ của Tố Hữu, bài *Con trâu* của bác sĩ Phạm Ngọc Khuê, bài *Hồn nam nhi* của Phan Khắc Khoan (vốn không lạ gì với bạn đọc Bách khoa lâu năm)

Ngày trọng đại ấy, họ ra đi, họ khổ, họ chết. Ta hãy nhìn họ

*Rời quê hương từ độ máu khơi dòng
Buông tay gàu vui lại thuở bình mông,
Ghì nấc súng nhớ đi ngày đặc thắng...*

(Nhà tôi)

Cả những người đã đoạn tuyệt với gió bụi thế nhân :

*... có một đám chiêm lành
quì cạnh Chứa một chiều xưa lửa dấy,
quì cạnh Chứa đám chiêm lành run rẩy,*

lạy đức Thánh cha

lạy đức Thánh mẹ

lạy đức Thánh thần

Chúng con xin về cõi tục làm dân

rời... cõi bỏ áo tu

rời... xếp kinh cầu nguyện,

rời... nhẹ bước trở về trần. (Tha-la)

Đó là những kẻ đã một sớm ra đi, còn với những kẻ ở lại, nhất là những cô con gái đô thành chỉ biết có móng tay vuốt nhọn và má trét phấn, môi quét son, tóc

uốn, áo eo, có nghe chẳng câu hỏi này của Quang-Dũng ?

... Mẹ tôi em có gặp đâu không ?
những xác già nua ngập cánh đồng,
tôi cũng có thằng con bé dại
bao nhiêu rồi xác trẻ trôi sông ?

(Hoa thanh bình)

Và làm sao nhớ hết những bài thơ « đầy máu, đầy nước mắt, đầy căm hờn sôi sục đã hình thành.» Nên diễn giả chỉ nhắc có vài đoạn trong một vài bài tiêu biểu, như của Hữu Loan. (*Màu tím hoa sim*), của Nguyễn-Bính (*Những người của ngày mai*). Anh nhấn mạnh :

« Bài thơ đọc lên, chắc không ai nghĩ rằng nó có tính cách tranh đấu mà còn trái lại nữa là khác vì nó (Những người của ngày mai) gọi buồn, gọi nhớ, gọi thương.

« Nhưng tôi chắc rằng những bài thơ có tính cách tranh đấu nhất, có tác dụng mạnh mẽ nhất trong lòng người, gây được một không khí oai dũng, hào hùng, say sưa, hăng hái nhất vẫn là những bài thơ chan chứa tình người phát xuất từ những cảm xúc chân thành của nhà thơ, không gò bó, không gán ghép, đóng khung ; nếu không thế, những bài thơ « tranh đấu » chỉ là những bài ghép bằng khâu hiệu.»

Tưởng cũng nên ghi lại đoạn chuyện mạch này, vì nó tỏ rõ một thái độ ít thấy ở lứa hai mươi ngày nay.

« Thôi, nhắc lại giai đoạn đó, chẳng qua để chúng ta cùng sống lại một chút không khí sôi động, hùng tráng. Chúng ta không thể ngồi ca tụng và nuối tiếc di vãng, cũng như không thể trách đàn anh chúng ta đã thờ dài thương hại chúng ta, nhưng chính họ mới là kẻ đáng thương hại, vì họ phải chịu trách nhiệm lịch sử hôm nay.»

Và hôm nay, những nhà thơ trẻ, sinh ra đã thấy máu lửa điều linh, sinh ra đã phải chịu cảnh đất nước chia hai khi vừa cấp sách, họ đã «tranh đấu» bằng thơ ra sao ? Chín năm mịt mờ mê hoặc của chế độ Ngô chúa đã không để lại một bài thơ tranh đấu tiêu biểu nào.

Rồi năm 1963 đánh dấu một giai đoạn lịch sử mới. *Lửa từ bi* của Vũ Hoàng-Chương được nhắc tới.

Ôi ! đích thực hôm nay trời có mặt,
Giờ là giờ hoàng đạo nguy nga,
Muôn vạn khối sân si vừa mở mắt
Nhìn nhau tình huynh đệ bao la...

Rồi thì...

Rồi thì tuổi trẻ nước Việt gặp cảnh chưa bao giờ bị đặt trong một tình trạng bàng hoàng ngỡ ngác đến như thế. Những danh từ cao đẹp bỗng mang đầy đủ trong chúng sự mỉa mai, những giá trị đều đảo lộn, những thần tượng rú nhau sụp đổ... không còn gì nữa ! « Ngay những tượng đồng, tượng đá cũng trở thành có da có thịt, có xu hào rùng rình đêm đêm rời khỏi công viên... »

Họ đã thấy và họ đã hỏi ;

Ngày tháng lớn theo nỗi buồn nhược tiểu
 Con nước đen chia mấy triệu dân hèn.
 Dòng Bến-hải làm chứng nhân lịch sử
 Bắc cùng Nam biết có phải anh em ?

(Ngọc-Thùy-Giang. — Hoa rừng :
 (Thương tích).

Chưa xót và tủi nhục nhất có lẽ là sự
 nhận xét này của Trần Đức Uyển.

Hãy nhìn xem kia

Thật buồn cười đến chết

Những thằng mù đang dắt chúng ta đi.

Đi lò cò cà nhắc

Đi từ mây đến nó

Đi từ đây đến kia

Đi vòng quanh trái đất.

Phần uất quá, họ trở nên sống sượng,
 cọc cằn, thô lỗ. Tuy thế, họ cũng còn
 dư chua chát và thừa đau đớn dề mà
 hét lên, dề mà hỏi nhỏ, như Tru-Vũ,
 như Thái-Luân...

Tôi không là cộng sản

Tôi không là quốc gia

Tôi là người Việt Nam

Và như thế, đủ chưa ?

Tôi là người Việt Nam

Bao năm nay anh cho rằng chưa đủ

Và Việt Nam khói lửa

Và mẹ hiền xót xa

Và em thơ khốn khổ

Những danh từ đó giết chết chúng ta

Những danh từ đã chia rẽ chúng ta

Ôi con sông !

Hai bờ đứng trông nhau, lệ cốt nhục chan
 hòa

(trích báo «Hải triều âm»)

Người Hà nội hả !

Sao năm đó, người Hà nội hả !

Sao không có mặt không có đầu ?

Người Hà nội đó hả, sao không có tay,

Sao không cười, sao không khóc,

Người Hà nội đó hả, sao nằm trên dây
 thép gai...

(Thái Luân — Người Hà-nội)

Và thuyết trình viên như gào lên tiếng
 rói của người trai thời đại :

«Người thi sĩ thời đại chúng ta có lẽ
 chỉ muốn làm người, và muốn cho tất
 cả mọi người cùng làm người. Người
 thôi. Người thôi không chắc đã được !
 Tản Đà thừa sung sướng khi ước
 mong thêm :

«Kiếp sau xin chớ làm người!»

Và trước khi chấm dứt, diễn giả còn
 nói thêm một nhận xét của mình về dân
 tộc Việt :

«Người Việt còn có một tấm lòng đại
 lượng vô biên nữa!» Và đề kết luận, diễn
 giả đặt mấy câu hỏi như sau :

«Thi ca nước Việt đang trải qua một
 vùng biền động, sấm chớp chói lòa giữa
 những đêm đen chiến cuộc. Liệu thi ca
 có đánh thức nỗi í thức dân tộc đang
 đắm chìm trong cuồng vọng đảo điên ?
 Liệu thi ca có giúp cho tất cả mọi người
 soi nhìn thấy chính mình và mọi người
 còn có một bản vị chung— bản vị Người ?
 Liệu tấm lòng đại lượng kia có khiến
 được một dân tộc quần quai khổ bồng
 khóc oà trong vòng tay đoàn viên ?»

NGÊ - BÁ - LÍ

Màu sắc và Văn điệu ⁽¹⁾



« Có một lần, người ta hỏi một nhà danh họa :

— « Trong những bức họa nổi tiếng của họa sĩ, họa sĩ thường ưa dùng màu sắc gì hơn hết ?

« Nhà danh họa đã đáp :

— « Không, tôi không vẽ bằng màu sắc, tôi vẽ bằng tâm tình của tôi.

« Thừa quý vị, khi họa sĩ vẽ bằng tâm tình, thì ám nhiên trong bức tranh phải có ít nhiều thi í, vì người ta thường nói : *« Thơ là tiếng của đáy lòng. »*

« Xem như vậy, Thi và Họa, tuy dùng hai phương tiện khác nhau, nhưng cả hai đều đạt tới một mục đích, là biểu hiện một sáng tác tuyệt diệu ngụ trong tình... »

Rồi vị phó chủ tịch trung tâm Văn Bút Việt-Nam, kịch gia Vĩ-huyền-Đắc, trang trọng giới thiệu nữ diễn giả Hoàng-diễm-Phương mà bút hiệu là *Hoàng-Hương-Trang*, một nhà thơ, một nhà văn, một nhà họa, từng đóng một vai trò trọng yếu trong văn đàn « *Bông Trang* » ở Huế, cộng tác thường xuyên với các ban thi nhạc trước đây, ở đài phát thanh quân đội ở Huế và nay, ở ban Tao đàn, Thi nhạc giao duyên của đài Sài Gòn.

Đề mà kết luận : Hoàng-hương-Trang quả là một người « đa tài, đa nghệ » và xứng đáng đề hầu chuyện thính giả với *Màu sắc và văn điệu*.

Đề tài có vẻ nên thơ và gợi ảnh quá, người diễn giả đoan trang hiện là giáo sư Hội họa và Văn chương này thấy đó là một cung đàn lỗi nhịp, khi « đất nước chú g ta đang ở vào một tình trạng dầu sôi lửa bỏng ».

Nói đến cuộc đời, tức là nói đến màu sắc và văn điệu. Vậy cuộc hành trình nhỏ đã đi vào hai cái thế giới này chỉ cần mang chút hành lý, đó là : đôi mắt và đôi tai.

Tiếng gọi, chuỗi cười, lời nói kết thành văn điệu.

1) Do Trung tâm Văn Bút Việt-Nam tổ chức ngày chủ nhật 15-5-1966 tại trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn. Các bạn muốn đọc trọn bài xin xem Bút hoa số 6.

Màu mắt, màu môi, dáng má kết tình màu sắc.

— Xa hơn, là tiếng chim thỏ thẻ trên cành, là tơ liễu buông mảnh đầu đó. Đời biết bao màu sắc dập dờn, biết bao vần điệu xuống lên. Thuyết trình viên xin trình ba ví dụ.

« Một đêm trăng nào đó, con trăng vòng tròn vạch tựa vào mây trắng thiu thiu ngủ giữa trời, mặc cho gió mát ru hát võ vè, thủy triều dâng cao cùng với nhịp thở của trăng, ta bỗng trở thành một thi sĩ lãng mạn, nhìn ngắm trăng nước, khe khẽ hét những câu thơ êm ái trong hồn, mà không hề biết rằng mình đang chìm vào cái thế giới của màu sắc và vần điệu.

« Một buổi sáng nọ, thả bộ dọc theo bờ sông Bến-ngự. Dải cỏ xanh còn ngậm sương mai, hoa hồ người nở tím, dòng sông xanh thắm trôi hoài không biết mỏi, trước cổng một khu vườn đầy hoa, tôi bắt gặp một chàng tặng một nàng đóa hoa hàm tiếu, ánh mắt ngập ngừng, tìm lời tình tứ ; ánh mắt đã chứa biết bao màu sắc, họ không biết rằng họ đang mang những màu sắc và vần điệu của tình yêu để hòa cùng màu sắc và vần điệu của thiên nhiên, của sông dài cỏ mượt.

« Một buổi sông đang buồn, tôi đi ra phố với nét mặt lầm lì, với màu áo u tối, bỗng giọng hát Thái-Thanh ngân vang làm tôi ngỡ ngàng, rồi tiếng rao hàng làm tôi bối rối, rồi những bảng

hiệu quảng cáo, những màu sắc sôi bồng xóc hết nỗi buồn, lôi tôi vào khối vui nhộn của phố phường, tôi bỗng thấy vẻ mặt tôi lúc ra đi, màu áo tôi đang mặc dị xóc tan, bị chìm mất trong cái thế giới của vần điệu và màu sắc vui tươi của phố phường. Tôi chót nghĩ rằng : một tảng nước đá nhỏ được bỏ vào một chậu nước nóng lớn, tảng đá tan ngay mà chậu nước vẫn còn nóng, nhưng một giọt nước nóng nhỏ đem bỏ vào một tảng nước đá thì tảng nước đá vẫn còn lạnh như thường, mà chính giọt nước nóng bị lia vào cái khối lạnh kia.»

Nói đến vần điệu, là nghĩ đến thơ và nhạc. Những câu thơ đề minh họa được tác giả « *Khép đôi mi nhỏ* » đưa ra. Hai chị em Kiều được mời ra trước, rồi Đạm-Tiên, rồi cảnh nhà một cô hồn, ngày thanh minh, sự xuất hiện của chàng Kim-Trọng. Và hai câu.

Ngại ngừng một bước một xa,

Một lời trân trọng châu sa mấy hàng...

Dòng lệ cùng với tiếng nói của buổi chia tay tạo nên có màu sắc liệt li.

Và

Mai sau dầu có bao giờ

Đốt là hương ấy so tơ phím này...

Màu sắc của khói hương cùng với âm hưởng tơ phím đã nói ta được vần điệu của lời thề ước cũ vậy. Rồi một vầng trăng ai xẻ làm hai, một hàng dâu xanh xanh mượt, hay một kẻ buồn buồn làm ngựa đã về được và tạo được cho một cảnh chia li :

Người lên ngựa kẻ chia bào
Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san

Sau Nguyễn-Du, Đoàn-thị-Điềm được mời ra. Người trai ngang tàng được vẽ ra với những vằn sáng khoái :

Chí làm trai dậm nghìn do ngựa
Gieo Thái sơn nhẹ tựa hồng mao
Giã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu Vị ào ào gió thu.

Và «những âm thanh của nhạc ngựa, của trống thúc quân, với màu đỏ của chiến i, màu trắng của chiến mã đã chen lẫn hòa hợp những sắc thái mạnh mẽ tạo nên những vằn điệu hào hùng :

Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in
Tiếng nhạc ngựa lền chen tiếng trống..

Nổi nhớ nhưng cũng lên tiếng gọi người xa chưa về :

Hồn tử sĩ gió ù ù thổi
Mặt chinh phu trắng đôi đôi soi
Chinh phu, tử sĩ mấy người
Nào ai mát mặt, nào ai gọi hồn

Diễn giả trích những đoạn mà những chữ lặp đi lặp lại như một phím đàn trùng âm nghe buồn và thê thiết biết bao và những màu sắc ấy trùng hợp nhau tạo thành một bông mai gồm nhiều sắc độ êm dịu hòa lẫn với nhau :

Hương dương lòng thiếp như hoe
Lòng chàng lền thần e tà bóng dương
Bóng dương đề hoe vàng chẳng đoái
Hoa đề vàng bởi tại bóng dương...

Đó là những màu sắc vô vằn điệu.., ta hãy đưa ra ít vai trò màu sắc và vằn điệu tân kì :

Màu thời gian không xanh
Màu thời gian tím ngắt
Hương thời gian không nồng
Hương thời gian thanh thanh...

(Đoàn Phú Tứ. — Màu Thời Gian)

Nắng chia nửa bãi chiều rồi
Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu...

(Huy Cận. — Ngâm ngùi)

Và đây, một Nguyễn-Bình với màu trắng đục đảo trng bài « Lòng Người Trinh nữ » :

Có một chiếc xe màu trắng đục
Hai con ngựa trắng bước hàng đôi...

Và ta quên sao được Hàn Mặc Tử với những sắc, những vằn riêng biệt :

Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió Đông về để lá rơi
Hoa lá bình yên không dám động
Lòng em hồi hợp chị Hằng ơi !...

Bài Đây thôn Vi-dạ làm sáng lên những mạn dễ mến cùng đưa ra những điệu dễ thương :

Sao anh không về chơi thôn Vi ?
Nhìn mấy hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá, xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Và với những nhà thơ mới, chúng ta « sẽ bắt gặp những màu sắc và âm điệu mới mẻ hơn, mỗi thế giới của mỗi nhà thơ có những màu sắc riêng biệt, những âm thanh cũng khác hẳn, có khi cố tình đi đến chỗ cuồng loạn hẳn cả âm lẫn sắc. Nhưng nếu ta chịu khó hòa mình vào cái thế giới riêng của họ, chịu khó tìm hiểu thơ của họ, nhìn ta cũng bắt gặp được những màu sắc lạ, những âm điệu mới đáng yêu ».

NGÊ BÁ LÍ

THĂM HIỀM KHÔNG GIAN

Surveyor I đáp xuống mặt trăng

Bốn tháng sau khi Luna 9 đáp xuống mặt trăng và gửi ảnh về trái đất, Surveyor I của Mỹ cũng đã nhẹ nhàng đáp xuống mặt trăng và gửi ảnh về trái đất.

Sau những lần thất bại liên tiếp của Luna 5, 6, 7, 8, người ta đã phỏng đoán rằng Mỹ có thể thất bại trong công cuộc đưa Surveyor I hạ xuống mặt trăng. Thành công của Mỹ đã khiến cho mọi người cho rằng kỹ thuật điều khiển phi thuyền của Mỹ có lẽ tinh vi và chính xác hơn kỹ thuật của Nga. Hoặc giả Mỹ đã theo dõi «trộm» được các lần phóng phi thuyền Luna của Nga trước đây, và do đó đã thấu được một vài kinh nghiệm trong việc hạ phi thuyền xuống mặt trăng!

Surveyor I đã hạ xuống một vùng gọi là Biển Giông tổ trên mặt trăng, chỉ cách mục tiêu đã định trước có vài thước. Nhiệm vụ của Surveyor I là thăm dò bề mặt của mặt trăng trong vùng Biển Giông-tổ, nơi mà cả Nga lẫn Mỹ đã chọn để các phi hành gia tương lai đáp xuống.

Surveyor I cân nặng 281kg (Luna 9 cân nặng 100kg) và có trang bị máy chụp hình điều khiển bằng vô tuyến. Các máy móc trên phi thuyền được điều động bằng một bình điện hấp thụ ánh sáng mặt trời để sinh ra điện. Luna 9 chỉ được trang bị bằng một bình chứa điện loại thường. Do đó, các máy móc trên

phi thuyền chỉ làm việc được tổng cộng tám tiếng đồng hồ thì ngừng vì hết điện.

Surveyor I, với nguồn năng lực bất tận là ánh sáng mặt trời, có thể mãi mãi tiếp tục chụp ảnh, gửi hình và gửi các tín hiệu về trái đất.

Cho tới nay, Surveyor I đã chụp và gửi về trái đất 2.053 tấm ảnh rất rõ và nét của bề mặt trăng chung quanh phi thuyền đáp xuống. Những bức hình này xác định lại một lần nữa những ước đoán về tính chất của bề mặt mặt trăng dựa trên các ảnh do Luna 9 và các phi thuyền Ranger gửi về trước đây. Người ta thấy rằng bề mặt mặt trăng, tuy lổ chỗ, nhưng cũng đủ bằng phẳng và rắn để cho phi thuyền đáp xuống.

Gemini 9

Song song với việc thăm dò bề mặt mặt trăng, Hoa kỳ cũng xúc tiến công việc thí nghiệm và cải thiện kỹ thuật đón tàu và ráp tàu trong không gian với chuyến bay Gemini 9. Đây là chuyến bay thứ 9 trong chương trình Gemini gồm 12 chuyến bay để phát triển kỹ thuật đưa người lên mặt trăng.

Chuyến bay đã thành công và hai phi hành gia, Eugene Cernan và Thomas Stafford, đã an toàn trở về trái đất trong một cuộc đáp xuống, chính xác và ngoạn mục nhất từ trước đến nay. Tuy nhiên, chuyến bay đã không thu được kết quả như ý muốn vì đã không thí hành hoàn toàn được những thí nghiệm dự định. Một trong những thí nghiệm

quan trọng là cải thiện kỹ thuật ráp tàu bằng cách gắn liền Gemini 9 với một hỏa tiễn Agena đang bay trên quỹ đạo. Gemini 9 đã tiến sát tới hỏa tiễn Agena ba lần nhưng đã không gắn liền được vào hỏa tiễn. Vì một lý do nào đó, lớp vỏ ngoài che chở bộ phận ráp nối ở đuôi hỏa tiễn đã không rời khỏi hỏa tiễn như dự liệu. Căn cứ điều khiển dưới đất đã nhiều lần tìm cách «lắc» hỏa tiễn để cho lớp vỏ bọc đó rơi ra, nhưng không được. Người ta cũng nghĩ tới cách để phi hành gia Eugen Cernan bước ra ngoài phi thuyền và gỡ cái vỏ bọc đó ra. Nhưng đề nghị này đã không được thi hành vì có thể gây ra nhiều rủi ro nguy hại đến tính mạng của phi hành gia.

Thí nghiệm quan trọng thứ hai nữa là thử một dụng cụ giúp cho các phi hành gia di chuyển trong không gian khi ra khỏi phi thuyền. Bộ phận này, gọi tắt là A.M.U. (Astronaut Manœuvring Unit), trông tựa như một cái ghế bành, nặng 75kg, có trang bị 12 hỏa tiễn nhỏ để phi hành gia có thể di chuyển theo mọi hướng và có chứa dưỡng khí để thở. Theo chương trình, Eugene Cernan sẽ bước ra khỏi phi thuyền trong hai tiếng rưỡi và được buộc vào phi thuyền bằng một sợi giây an toàn dài 7m50. Sau đó Cernan sẽ đeo bộ phận A.M.U. vào người và thử di chuyển bằng cách điều động các hỏa tiễn nhỏ.

Cernan đã ra khỏi phi thuyền như dự định, nhưng đã không thí nghiệm được cách sử dụng A.M.U. Vì lý do kỹ thuật, bộ phận điều khiển giống như cái thành ghế, đã bị kẹt và không hạ xuống được. Cernan đã cố gắng để kéo «thành ghế» xuống trước khi khoác máy vào người. Vì cố gắng Cernan đã thở quá mạnh và ra mồ hôi quá nhiều khiến cho kính che mặt của bộ áo giáp bị mờ vì hơi nước. Trong khi đó thì nhịp tim đập vọt lên tới 160 nhịp trong một phút, nghĩa là gấp đôi nhịp tim của Stafford và cao hơn nhịp an toàn ấn định là 150 nhịp một phút.

Một sự trùng hợp không may nữa là giữa lúc đó liên lạc vô tuyến giữa phi thuyền với trái đất lại không rõ khiến cho căn cứ không theo dõi được những khó khăn hai phi hành gia gặp phải. Sau cùng, Stafford đã ra lệnh cho Cernan bỏ thí nghiệm dùng A.M.U. và rút ngắn thời gian bay ngoài không trung xuống có hai tiếng tức là 30 phút ngắn hơn thời gian dự định.

Sau Gemini 9, Hoa kỳ dự định phóng một loạt bốn phi thuyền Gemini nữa—, với mục đích chính là hoàn tất kỹ thuật đón tàu trong không trung. Theo chương trình, mãi đến chuyến bay Gemini 12, bộ phận A.M.U. mới lại đem ra thử lại để giúp các phi hành gia di chuyển trong không gian.

NGỌC VÂN

VĂN SỐ 60

Ra ngày 15-6-1966

TẢN ĐÀ — THẠCH LAM — NGUYỄN BÌNH

- nhiều tài liệu văn học hiếm, quý
- nhiều thơ văn sáng tác chọn lọc

- truyện dài A. Camus, Thanh Tâm Tuyền
- luận thuyết văn học Jean Paul Sartre

K.D số 1424 / BTCL / ngày 11-6-66

Sáng Lập : HUỖNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

QU'Y-VI HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THUY-SĨ

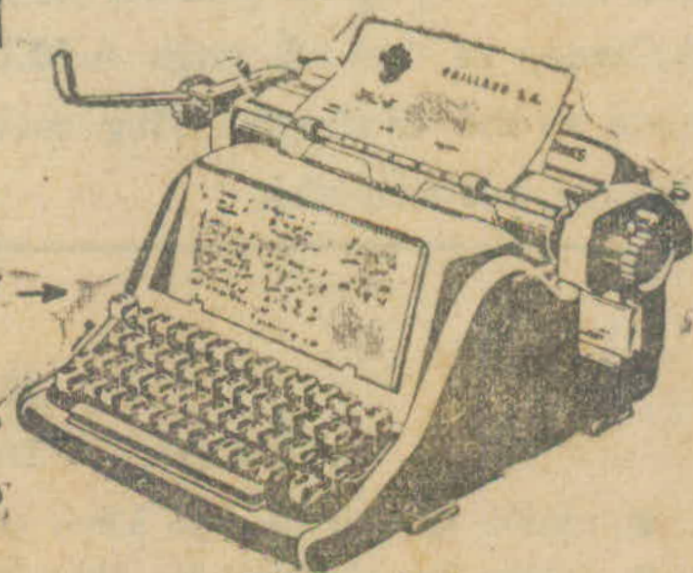
HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 20.821 — SAIGON